



B 382

NGUYỄN VĂN TRUNG ★

TỪ MINH ★ TRẦN NGỌC

NINH ★ VÕ PHIẾN ★ BÌNH

NGUYỄN LỘC ★ NGUYỄN VĂN XUÂN ★ HỒ

HỮU TƯỜNG ★ VŨ HOÀNG CHƯƠNG ★

TRẦN QUÝ SÁCH ★ MƯỜNG MÁN ★ TRẦN

THIÊN ★ TỬ DIỆP ★ TẠ TÝ ★ THU THỦY

BÁCH KHOA

GIAI PHẨM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

870đ.

MỘT NĂM

1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu :	175đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon.
Đ.T. 25.539.

B Á C H K H O A

Kiểm duyệt số 217 BTT/PH/GPĐS
Ngày 30-11-1972

B :

TỪ MINH <i>phân tích cuộc bầu cử Tổng-thống tại Hoa-kỳ năm 72</i>	05
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>qua sự phê bình nghiên cứu Truyện Kiều và Nguyễn Du, xưa và nay, đặt những vấn đề về « Phê bình cũ, Phê bình mới ». (Đàm thoại)</i>	14
TRẦN NGỌC NINH <i>ý nghĩa và cơ cấu Truyện Kiều : đoạn cuối của Truyện Kiều</i>	23
VÕ PHIẾN <i>mẹ bỗng con</i>	33
HỒ HỮU TƯỜNG <i>một gia phả của dòng Nguyễn Đình Chiểu (nhân dịp khảo cứu về Nguyễn Đình Chiêm)</i>	37
BÌNH NGUYỄN LỘC <i>nói rõ về tiền-sử-học tại Việt-nam : Lạc và Việt</i>	41
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>giai thoại một thời : Đôi hia</i>	47
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>ba tiếng đứt ruột (tùy bút)</i>	51
TRẦN QUÍ SÁCH <i>hoa khế (truyện ngắn)</i>	55
MƯỜNG MÁN <i>trăng trên doanh trại (truyện ngắn)</i>	63
SINH HOẠT	
TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	71
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ.</i>	74

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
Giá : 80\$ Công sở : 160\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Sách nhận được trước 1-12-72

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Thực vật chủng của Phạm Hoàng Hộ, dành cho sinh viên vạn vật học, khoa-học, sư-phạm, nông nghiệp và dược-khoa do nhà Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 300 trang, khổ 12 x 24, gồm 1300 loại thực vật sắp xếp theo tên la-tinh và theo thứ tự ABC..., mỗi loại đều có hình vẽ, tên la-tinh, tên Việt và phần mô tả. Bản đặc biệt. Giá 1.000 đ.

— Đại-cương về Địa - lý - học Thực-vật lục-địa (Quyển I) của Liêu-Kim-Sanh do nhà Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 258 trang gồm 6 chương với rất nhiều hình vẽ, được dành chính yếu cho các sinh-viên Ban Cử-nhân Giáo-khoa Địa-lý-học và Ban Sư-Địa Đại-học Sư-phạm. Bản đặc biệt.

— Pháp văn tuyển dịch của Lê-Trung-Nhiên do nhà Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm 3 phần : « Versions », « Thèmes » và Bài chữa đề nghị cho Versions và Thèmes. Các phần đều có giải thích về ngữ vựng và từ ngữ cùng văn phạm. Giá 340đ.

— Triết học Aristote của Đặng-Phùng-Quân do Đêm Trắng xuất bản và tác giả gửi tặng, Sách dày trên 120 trang gồm 6 chương từ cuộc đời và tác phẩm, đến siêu hình học, triết học thiên nhiên, triết học đạo đức của Aristote. Giá 200đ,

— Beethoven, một phiến tài tình thiên cổ lụy, nguyên tác « Beethoven : his spiritual development » của J.W.N. Sullivan, bản dịch của Hoài Khanh do Ca Dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 274 trang gồm hai phần : Bản chất của âm nhạc, sự phát triển tinh thần của Beethoven. Giá 350đ.

— Mozart, cuộc đời và nghệ thuật, nguyên tác « Mozart » của Percy M. Young, bản dịch của Hoài Khanh do Ca Dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang, gồm 11 chương với nhiều hình ảnh. Giá 250đ.

— Chopin, nhà thơ của âm nhạc, nguyên tác « Chopin le poète » của Guy de Pourtalès, bản dịch của Vũ-Đình-Lưu do Ca Dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 276 trang, gồm 20 chương. Giá 340đ.

— Binh pháp tinh hoa, của Nguyễn-Quang-Trứ do Khởi Hành tu thư, Cơ sở xuất bản Vũ Tiến Phúc ấn hành và gửi tặng. Sách dày 222 trang phiên dịch và luận giải 13 thiên binh pháp Tôn Vũ Tử đối chiếu với các nguyên lý hành binh và các trận đánh lớn của lịch sử Đông-Tây hiện đại và cận đại. Giá 320đ.

— Cúi đầu tập truyện của Doãn-Quốc-Sỹ, do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 106 trang gồm 3 truyện : Cúi đầu, Tượng vàng đá đen, Cánh đồng xanh. Bản đặc biệt. Giá 220đ.

— Kẻ sống đã chết, tiểu thuyết của Dương Nghiễm Mậu, do Giao-Điền xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm thứ 20 của tác giả dày 180 trang, bìa của Văn Thanh. Giá 230đ.

Phân tích cuộc bầu cử Tổng Thống tại Hoa - kỳ năm 1972

Ngày 7-11-1972 vừa qua cử-tri Mỹ đã dồn phiếu cho đương kim Tổng Thống Richard M. Nixon đề trao cho ông thêm một nhiệm kỳ 4 năm nữa. Với 61% tổng số phiếu của dân chúng ông Nixon đã được liệt vào hàng các vị Tổng Thống mà dân chúng tin nhiệm nhất trong lịch-sử Hoa-kỳ.

Tuy nhiên với một thắng lợi vẻ vang như vậy nhiệm-kỳ tới của ông Nixon cũng không phải là hoàn toàn dễ dàng. Nếu đảng Cộng-hòa năm được Tòa Bạch-Ốc thì đảng đối-lập Dân-chủ lại chiếm đa số tại Thượng viện, Hạ viện và các chức vụ Thống-

đốc của các tiểu-bang.

Sở dĩ có một hiện-tượng trông đánh xuôi kèn thổi ngược trong đời sống chính-trị như vậy là vì Hoa-kỳ có những định-chế đặc biệt, phù hợp với tâm tính không kém đặc biệt của người công dân Hoa-kỳ. Đây không phải là lần đầu tiên mà Tổng Thống và Quốc-hội thuộc hai chính đảng khác nhau. Nhưng không một lần nào sự mâu thuẫn này đưa tới một cuộc khủng hoảng chế-độ mà chỉ càng bộc lộ tinh thần trách-nhiệm và mức giáo-dục chính-trị cao độ của người công dân Mỹ.

THẮNG LỢI BẦU CỬ CỦA ÔNG NIXON

Cách đây 10 năm, cũng đúng vào tháng 11, người ta đã tưởng rằng cuộc đời chính trị của ông Nixon hoàn toàn tan vỡ; giấc mơ Tổng Thống của ông chỉ còn để lại một dư vị cay đắng: trong 2 năm liền từ 1960 đến 1962, ông Nixon đã trải qua 2 lần thất cử. Sau 8 năm làm Phó Tổng-Thống ông đã bị John F. Kennedy đánh bại trong cuộc bầu cử Tổng-Thống. Nhưng thua Kennedy thì cũng không ức lắm vì Kennedy là một nhân vật ưu tú, siêu việt. Hơn nữa ông chỉ thua vì kém đối thủ có 0,01% số phiếu lượm được mà thôi. Vì vậy mà khi Quốc-hội Mỹ chính thức tuyên bố John F. Kennedy đắc cử Tổng-

Thống, ông Nixon, với tư cách Phó Tổng-Thống chủ-tọa phiên họp, đã vui vẻ loan báo kết-quả bầu cử và chúc Kennedy thành công.

Nhưng 2 năm sau, khi Nixon quyết định ra tranh cử Thống-đốc tiểu-bang California là nơi quê hương ông, thì một lần nữa ông lại bị thất bại. Sự thất bại này chua cay nhất trong đời ông. Không những ông bị một ứng-cử-viên tầm tối đánh bại mà lại mất tín nhiệm với cả chính quê hương ông. Người ta còn nhớ mãi một buổi sáng cuối thu, trước ánh đèn mờ nhạt, Richard Nixon ngậm ngùi tuyên bố rời bỏ chính-trường và Pat Nixon tức tưởi khóc, còn hai cô gái nhỏ Patricia và

Julie Nixon thì ngáp ngáp dài vì thiếu ngủ trong cuộc vận động bầu cử

Sau khi quyết định rút khỏi chính trường, ông Nixon đã làm cổ vấn cho hãng Pepsi-Cola nên có một đời sống vật chất khá quan hơn là khi ông còn chấp chánh, người ta tưởng là ông sẽ vui thú điền viên, an hưởng tuổi già, tuy ông mới 46 tuổi. Nhưng 2 năm sau, vì ông Barry Goldwater, ứng-cử-viên Cộng-hòa bị ông Johnson đánh bại trong cuộc bầu cử Tổng-Thống tháng 11-1964, nên ông Nixon lại được các chức sắc trong đảng vờ ra tranh cử Tổng-Thống cho năm 1968.

Năm 1968 ông Nixon đắc cử. Nhưng vì số phiếu lượm được không nhiều nên ông chưa được toại nguyện. Thật vậy, ông Nixon chỉ được có 31.785.480 phiếu tức là có 43,4% trong khi ông Humphrey, tuy thua cuộc, nhưng cũng được tới 31.275.166 phiếu tức là 42,7%. Như vậy ông Nixon chỉ hơn đối thủ có 510.314 phiếu. Còn gần 10 triệu phiếu đã được ông Wallace lượm hết.

Là Tổng-Thống của thiểu số, mong ước chính của ông Nixon là được tái đắc cử với một đa số càng lớn càng hay. Đa số lớn lao này, ông Nixon đã lượm được vào ngày 7-11 vừa qua. Với 45.535.034 phiếu, tức là 61% tổng số cử tri đi bầu, ông Nixon không những đã trở thành một vị Tổng Thống của đa số, rửa được mối hận năm xưa, mà còn trở thành một trong những vị Tổng-Thống được dân chúng tin nhiệm nhất trong lịch sử Hoa-kỳ

như George Washington và James Monroe. Nixon còn hơn Washington và Monroe vì ông phải đối phó với một đối thủ được giới trẻ và các sắc dân thiểu số ủng-hộ trong khi Washington và Monroe thắng cử về vang vì độc diễn.

Với tỷ-lệ 61% ông có thể so sánh được với Tổng Thống Johnson năm 1964 khi ông này lượm được 61,1%. Chiếm được đa số tại 49 trên 50 tiểu bang, Nixon đã vượt qua được cả Franklin Roosevelt, người đã chiếm đa số trên 46 tiểu-bang. Miền Nam Hoa-kỳ, có truyền thống theo đảng Dân-chủ, kỳ này đã dồn cho Nixon trên 70% số phiếu. Miền Trung-Tây kỹ nghệ cho ông trên 61% số phiếu.

Chỉ có một tiểu-bang bầu cho McGovern là tiểu-bang Massachusetts vì tiểu-bang này là «lãnh-địa» của gia đình Kennedy. Ngoài ra thủ-đô Washington cũng bầu cho McGovern vì đa số dân chúng tại đây là người da đen. 75% giới thượng lưu và 65% giới trung lưu dồn phiếu cho Nixon, trong khi chỉ có 38% là của nhóm kinh-tế yếu kém.

Tuy giới trẻ từ 18 tới 24 tuổi hâm mộ McGovern nhưng có tới 48% giới này đã ủng hộ Nixon trong khi 67% các người trên 60 tuổi đã ủng hộ Nixon hết mình.

Theo hiến-pháp Hoa-kỳ thì người ta bầu Tổng-Thống làm 2 nấc. Dân chúng bầu một số «cử tri đoàn» để những cử-tri này bầu Tổng-Thống. Những người được dân bầu vào «cử-tri đoàn» này gọi là «Cử tri bầu Tổng-

Thống». Sở dĩ có định-chế này vì vào thế-kỷ thứ 18 phương tiện thông-tin ít ỏi, các đảng lại không được tổ chức chặt chẽ nên dân chúng không biết ai là người có tài và có uy tín trên toàn quốc để cử làm Tổng Thống cả. Do đó dân chúng chỉ cử một số các thành phần ưu-tú hiểu rõ trách-nhiệm của mình để các thành-phần này họp lại cử lên một Tổng-Thống.

1 Ngày nay vì phương-tiện thông-tin đại-chúng hoàn toàn phát-triển, các đảng lại tuyển lựa ứng-cử-viên Tổng-Thống trước nên thế thức bầu 2 cấp không còn cần thiết nữa. Tuy nhiên mọi đề-nghị cải tổ đều bị Quốc-hội bác bỏ.

Tuy giờ đây ai cũng biết là Tổng-Thống Nixon được tái cử nhưng kết quả chính thức chỉ được công bố vào ngày 18-12 tới, khi các «cử tri bầu Tổng Thống» bầu đích danh ông Nixon mà thôi.

Hôm 7-11 ông McGovern, tuy ngoài miệng tỏ vẻ tự tin, nhưng sau khi đi bầu về, ông đã lên giường nằm ngủ cả ngày. Tối hôm đó, khi người ta đã bắt đầu kiểm phiếu thì McGovern thức dậy ra bàn đọc cho thư-ký đánh máy bài diễn-văn chịu thua. Nhiều khi đang đọc ông phải ngừng lại chạy sang phòng bên để dành bà vợ và 3 cô con gái ngồi khóc ròng.

Sau khi đánh máy xong, ông McGovern đã cùng vợ con ra trước các ký-giả tuyên bố chịu thua, từ bỏ tham vọng Tổng-Thống và hứa sẽ ủng-hộ

Tổng Thống Nixon để thực hiện hòa bình.

Thường thường một vị Tổng-Thống tân cử bao giờ cũng được dân chúng ưa thích nên trong vòng 2 năm đầu của nhiệm kỳ, các chính-trị-gia Mỹ luôn luôn coi là «tuần trăng mật giữa Tổng-thống và quốc dân». Nhưng trong trường hợp của Tổng Thống Nixon năm nay, người ta sẽ thấy không có tuần trăng mật, tuy rằng sự ủng hộ đông đảo của quần chúng dành cho ông đã như một «đợt sóng thần» dâng lên lôi cuốn hết phe đối lập. Cuộc hôn nhân giữa ông Nixon và cử-tri Hoa-kỳ chỉ là một cuộc hôn nhân vì lý.

Tuy các giới trẻ, giới nghèo túng trong xã-hội và các thiểu số da đen không ưa, tuy ông Nixon không có một ma lực thu hút quần chúng như John Kennedy, nhưng người ta lại chọn ông để bác bỏ một chính-sách phiêu-lưu, thiếu mạch lạc và nguy hiểm của McGovern. Người ta sợ McGovern đến nỗi ngay tại tiểu-bang South Dakota, nơi quê hương ông, mà ông còn bị thiểu số.

Nhưng nếu các cử tri thuộc đảng Dân-chủ đã bỏ phiếu cho một vị Tổng-Thống Cộng-hòa thì cùng một lúc họ lại dồn phiếu cho các ứng-cử-viên Dân-chủ vào các chức vụ khác. Vì vậy mà tuy đảng Cộng-hòa nắm được Bạch-Cung nhưng đảng Dân-chủ lại làm chủ Quốc-hội lưỡng viện và tại đa số các tiểu-bang.

MỘT QUỐC HỘI ĐỐI LẬP

Theo Hiến-pháp Hoa-kỳ thì cứ 2 năm người ta bầu lại toàn thể Dân-biểu Hạ-viện, 1/3 số Thượng Nghị-sĩ tại Thượng-viện và khoảng 1/3 các Thống-đốc tiểu-bang cùng các chức vụ khác như Chưởng-lý Thị-trưởng, Cảnh-sát-trưởng v.v... Vì cứ 4 năm người ta cũng bầu lại Tổng Thống nên cuộc bầu cử Tổng Thống luôn luôn trùng hợp với các cuộc bầu cử nói trên. Hoa-kỳ là một quốc-gia theo thể chế dân-chủ trực tiếp nên các chức-vụ hành-chánh tại các cấp tiểu-bang, quận, làng đều do dân bầu. Trước kia, khi chưa có máy bầu cử điện tử, cử tri phải dùng những lá phiếu dài tới 5 hay 6 thước để bầu các chức-vụ chính-trị và hành-chánh trong nước...

Trong kỳ bầu cử năm nay nếu ứng-cử-viên Tổng-Thống thuộc đảng Cộng-hòa đã thành công rực rỡ thì tại Thượng-viện, số Thượng Nghị-sĩ Dân-chủ lại gia tăng 2 ghế nữa. Trong pháp-nhiệm mới người ta có 43 Thượng Nghị-sĩ Cộng-hòa và 57 Thượng Nghị-sĩ Dân-chủ. Đặc biệt nhất là Nữ Nghị-sĩ Margaret Chase Smith, năm nay 74 tuổi, bị cử tri loại sau 24 năm liên tiếp ngồi ở Thượng viện. Bà Smith là một người nữ đảng viên Cộng-hòa khả kính nhưng lần này bị một ứng-cử-viên trẻ, 48 tuổi, đánh ngã.

Tại Hạ-viện tuy đảng Cộng-hòa lấy thêm được 13 ghế, nhưng vẫn không nắm được đa số. Đảng Dân chủ đã chiếm được 256 ghế trong

khi đảng Cộng-hòa chỉ có 176 ghế. Tại các tiểu-bang, đảng Cộng-hòa lấy thêm được 2 ghế Thống-đốc nhưng tổng số Thống-đốc của đảng này chỉ lên tới 20, trong khi đảng Dân-chủ có tới 30 Thống-đốc.

Tại một quốc-gia khác nếu Tổng-Thống và đa số tại Quốc-hội thuộc 2 đảng khác nhau thì chắc chắn một cuộc khủng hoảng chính-thể sẽ mở màn và người ta chỉ còn cách giải-quyết bằng đảo-chánh khi mà Tổng-Thống không có quyền giải tán Quốc-hội và Quốc-hội cũng không có quyền lật-đổ Tổng-Thống.

Nhưng ở Hoa-kỳ tình-trạng này có tính cách hết sức thông thường. Không mấy khi có Tổng Thống và đa số thuộc cùng một đảng. Nhưng không bao giờ Hoa-kỳ bị khủng hoảng chính-thể. Trước hết là tại vì các đảng không có một lý-thuyết riêng, cứng rắn, bất di bất dịch. Như người dân Mỹ, các chính-đảng Mỹ có một ý-thức-hệ hết sức mềm dẻo, nếu không nói là mờ nhạt. Nhiều khi chủ trương của hai đảng chẳng khác gì nhau nên trong các cuộc tranh luận 2 ứng-cử-viên đối-thủ thường tuyên bố: "Tôi hoàn toàn đồng ý với đối thủ của tôi".

Khi một dự-luật được Tổng-Thống đưa ra, người ta thấy các nghị-sĩ, dân-biểu thuộc đảng đối lập bỏ phiếu cho Tổng-Thống trong khi các nhân vật cùng đảng với Tổng Thống thì lại bỏ phiếu chống.

Người ta thường nói là có 50 đảng Dân-chủ và 50 đảng Cộng-hòa tại Hoa-kỳ. Thật vậy, các đại-diện dân-cử chỉ nghĩ tới quyền lợi của tiểu-bang mình hơn là quyền lợi của đảng, Nên trong vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc, các Nghị-sĩ, Dân-biểu miền Nam thuộc 2 đảng đều có cùng một thái-độ, trong khi các Dân biểu, Nghị sĩ thuộc cả hai đảng ở miền Đông Bắc đều ủng hộ giới đại tư-bản.

Đối với Quốc-hội, ông Nixon, trong 4 năm tới, không gặp khó khăn gì hơn. Ngược lại, với đầy đủ uy tín, ông có thể tích cực hoạt động hơn để bảo đảm một chỗ ngồi của ông trong lịch-sử.

Một sự lạ trong cuộc bầu cử năm nay là toàn những người không ưa ông Nixon lại là những người mong muốn cho ông tái đắc-cử. Tuy là một nhân vật có quá khứ chống Cộng nhưng khi đắc cử ông Nixon đã nhận được bức điện-tín chúc mừng đầu tiên từ Liên-xô tới. Trung Cộng, tuy không tỏ thái độ chính thức, nhưng

cũng tỏ ra hoan hỉ trước tin ông Nixon đắc cử và các lãnh tụ Trung-Cộng, khi được hỏi, đều nói vanh vách số phiếu ông Nixon lượm được.

* * *

Cuộc bầu cử Tổng-Thống tại Hoa-kỳ năm nay không mang lại một điểm gì mới lạ. Số phiếu mà ông Nixon lượm được đã được các tổ-chức thăm dò, Gallup và Harris, loan báo từ trước ngày bầu cử. Tuy nhiên bằng số phiếu lớn lao này, cử-tri Hoa-kỳ đã giúp cho Tổng Thống Nixon mở một kỷ-nguyên mới trong lịch-sử nước họ. Hiện thời các nỗ lực lãnh-mạnh-hóa đời sống quốc-gia và tái lập trật tự quốc-tế của ông Nixon chỉ mới bước vào giai đoạn thực hiện. Với một hào quang uy tín mới chói sáng, ông Nixon chắc chắn sẽ đẩy các nỗ lực này tới kết quả mà chính ông hằng mong ước. Nhất là trong 4 năm tới, ông sẽ rảnh rang vì không còn phải lo việc tái ứng cử nữa !

TỪ MINH

NHẮN TIN BÌNH-TUY

BAN SÁNG LẬP HỘI ÁI-HỮU CỰU HỌC-SINH TRUNG-HỌC BÌNH-TUY trân trọng thông cáo :

Hội AHCHS/TH/Bình-Tuy đã được thành lập do giấy phép tạm số 3908/BTY/AN/CT. Yêu cầu các bạn hãy ghi tên gia nhập và kèm theo địa chỉ hiện tại để tiện việc thông báo tham dự đại-hội bầu tân Ban Chấp-Hành.

Liên lạc : DƯƠNG-VĂN-MAI

Giáo-sư Trung-học Bình-Tuy

PHAN-TRẦN TRẦN-HỮU-NGUYỄN

7, Chương-Dương Bình-Tuy

Qua sự phê bình, nghiên cứu
Truyện Kiều và Nguyễn Du, xưa và nay,
đặt những vấn-đề về :

Phê bình cũ Phê bình mới

Bách Khoa đàm thoại với Giáo-sư Nguyễn-
Văn-Trung và Giáo-sư Bùi-Hữu-Sùng

(xin xem BK từ số trước)

BÙI HỮU SÙNG : Tôi xin nói rõ thêm : Thời xưa có hai cách thưởng thức truyện Kiều : một của bình dân không căn cứ vào tác giả như ông Trung đã nói. Hai là cách thưởng thức của nho-sĩ căn cứ trên một định đề (*postulat*) của Khổng học. Ngày trước, đời đời cha con đều dặn bảo nhau phải nhớ lấy câu của ông Mạnh Tử là đừng có lấy « từ » mà làm hại « ý ». Ý của tác giả bàn bạc chung quanh dòng chữ : ý tại ngôn ngoại. Nói khác đi, khi đọc một tác phẩm, người thức giả không quá nệ vào câu văn, vào nghĩa đen nghĩa bóng. Người thông minh là người làm thế nào hiểu được cái ý nó ẩn hiện giữa các hàng chữ, cảm được cái bầu « không khí » (*climat*) bao trùm tác phẩm, như vậy mới lĩnh hội được cái chí của cổ nhân (Văn chuyên chở đạo lý). Cái định-đề đó ngày nay không có điều kiện thể hiện được vì bọn Tân học đã cách biệt với nho-sĩ về ý-hệ, về thẩm-mỹ v.v... Đã không hiểu và cảm gần như Nguyễn Du, làm sao lĩnh hội được « chí » và « ý » Nguyễn Du !

Bên Tây phương hiện nay họ cũng quay về một đường tương tự như lối thưởng thức của bình dân. Nên tôi chưa rõ cái định-đề kia mà tôi gọi là nguyên tắc chỉ đạo (*principe directeur*) lợi hại thế nào. Và có thể dung hòa thẩm mỹ bình dân được với đường lối mới như ông Trung nói không ? Tôi cũng xin ông Trung cho biết rõ cái phương pháp mới của Roland Barthes sẽ mở ra cho người đọc Kiều nhất là những sinh viên học sinh, những đường lối phê bình mới như thế nào ?

NGUYỄN VĂN TRUNG : Đứng về phương diện lý luận, tôi chỉ là một người nhận định, tôi không đưa ra một chủ trương nào, tôi nhận định tất cả những việc làm của các người phê bình nghiên cứu khác. Ai làm gì thì làm, tôi chỉ muốn nói rằng một khi anh đã chọn cái quan niệm đó thì anh nên làm cho nghiêm chỉnh, làm cho đúng với đòi hỏi của quan niệm của anh. Thí dụ cái mà tôi gọi là quan niệm lịch sử về văn học, tức là quan niệm dựa vào lịch sử đề mà phê phán (hoặc tâm lý học, hoặc xã

hội học thì cũng dựa vào lịch sử đề mà phê bình), thì anh phải có tài liệu lịch sử ; nếu không có tư liệu thì anh phải chọn một lối thoát, một đường lối không đòi hỏi các tài liệu lịch sử, văn học, vì hầu hết văn chương Việt-nam xưa kia đều ở trong tình trạng khuyết danh, vô danh. Đó là lý do tại sao văn học của mình khác với văn học Tây phương khi không đặt nặng vấn đề tác giả, và người ta cũng không dùng văn chương để diễn tả đời sống tác giả, cũng không ai coi văn chương là cái đề mà biểu lộ xã hội, biểu lộ tâm lý tác giả, thành ra mình đi tìm cái đó là đi ngược với cái ngày xưa người ta sáng tác. Ngày xưa người ta làm thơ ngâm vịnh là để nói lên những cái gì chung, những tâm trạng chung... Nay mình theo quan niệm Tây phương để tìm hiểu văn học của ta tức là sai với ý hướng sáng tác, sai với cái "dự phóng sáng tác" của tác giả và đồng thời sai với cả cái ý hướng thưởng thức văn học xưa của mình, Cái hướng nghiên cứu mà tôi vừa trình bày đó, nó phù hợp với truyền thống sáng tác văn học cổ, mà đồng thời cũng phù hợp với cả các đòi hỏi của những quan niệm mới ngày nay nữa.

Người ta vẫn có thể đi tìm hiểu khía cạnh tư tưởng trong tác phẩm, như trong trường hợp tác phẩm của Nguyễn Du, nhưng thực ra người ta thường chỉ tìm thấy những cái phù hợp với những băn khoăn thắc mắc của người ta, trong thời đại chúng ta, nghĩa là

những gì chúng ta gán cho tác phẩm. Hiện nay chiều hướng phê phán Truyện Kiều và Nguyễn Du phần lớn là ca tụng và đề cao : Người ta đã nói đến chủ nghĩa nhân đạo, quyền sống trong Truyện Kiều, nói đến thân phận con người trong Truyện Kiều v.v... Trái lại trước đây lại có chiều hướng đả kích Truyện Kiều. Các cụ nhà nho, giáo phẩm Công giáo đả kích Truyện Kiều là đồi phong bại tục và cấm đọc, đến Nguyễn Bách Khoa, đứng trong phạm vi khoa học, cũng chỉ Kiều tan nát, điều đó cho thấy : người thời đại nhìn tác phẩm của tác giả qua những băn khoăn, những lựa chọn về tư tưởng triết lý chính trị của mình, của thời đại, của chế độ mình.

Nhưng chưa có ai giải thích một cách quy mô cái hay của Nguyễn Du. Chưa ai dùng những khoa tu-từ-học, ngữ-học v.v. để phân tích bút pháp của Nguyễn Du. Đó là một việc thật quan trọng và cần thiết mà tôi ước mong các nhà phê bình của ta sẽ làm sau này.

BACH KHOA : Tại miền Nam, trong trường hợp Truyện Kiều và Nguyễn Du, ngoài chiều hướng tìm hiểu tác giả qua tác phẩm, có trường hợp phê bình nào mà ông cho là nghiêm chỉnh hơn không.

NGUYỄN VĂN TRUNG : Nếu từ trước đến nay có những người tìm hiểu tác giả qua tác phẩm, trong trường hợp Truyện Kiều và Nguyễn Du, thì cũng có những người, như các ông Phan Khoang, Nguyễn Trọng

Khanh (1) đã dựa vào gia phả, dựa vào lịch sử để tìm hiểu con người Nguyễn Du, thái độ chính trị của Nguyễn Du và của cả gia đình ông (rồi từ đó suy ra những gì đã phản ánh trong tác phẩm của ông). Những công trình biên khảo đó có căn bản, dựa trên tài liệu, đều nghiêm chỉnh. Và theo lập luận của các vị đó thì thái độ chính trị của Nguyễn Du cũng như của gia đình ông đều đáng chê trách và cái tâm sự hoài Lê của ông là cả một nghi vấn.

Tôi thấy cần trở lại chiều hướng coi tác phẩm như phản ánh trung thực tâm tư tác giả, thời đại tác giả và lấy mức độ trung thực đó để thẩm định giá trị tác phẩm. Ai cũng biết tác phẩm văn chương xây dựng hoàn toàn trên tưởng tượng. « Nhà văn là thượng đế » vì nhà văn hoàn toàn tự do xếp đặt nhân vật, sự việc... trong tác phẩm của mình. Họ sáng tác trong dự phóng tưởng tượng và trong tình trạng ý thức, có suy tính, cân nhắc. Có phản ánh cũng chỉ phản ánh gián tiếp đến một mức độ nào cái tâm-lý hay cái xã hội của tác giả mà thôi. Bởi thế, trong những sáng tác (văn, thơ, nhạc v.v...) của các nhà văn, thơ, nhạc... hiện đại mà chúng ta quen biết, ta thấy ý tình bao giờ cũng thật đẹp, cao siêu, quảng đại, bất vụ lợi... trong khi ta cũng biết đời sống thực của họ có khi chẳng đẹp chút nào, ham danh, ham lợi, tính toán kỹ càng... Bởi thế chắc chắn không thể nào tìm hiểu được đúng, qua tác phẩm, con người thực, đời sống thực của tác giả, qui định bởi giai cấp, chức vụ, quyền lợi... và như vậy thì

làm sao có thể lấy mức độ phản ánh trung thực tâm tư của tác giả làm mức độ giá trị cho tác phẩm được.

BÁCH KHOA : *Có một chiều hướng phê bình nữa căn cứ vào tác phẩm, đó là phê bình dựa trên Phân-tâm-học. Xin ông cho biết ý kiến về chiều hướng phê bình này.*

NGUYỄN VĂN TRUNG : Phê bình trên Phân-tâm-học có thể tin cậy được, vì nhà phê bình dựa trên phương pháp khoa học để tìm ra trong tác phẩm những cái mà nhà văn không tiện hay không dám nói ra nhưng họ vẫn bộc lộ ra một cách vô thức. Con người theo tâm-lý-học không làm chủ được phần vô thức của mình, nên phần vô thức của tác giả vẫn được phản ánh trong tác phẩm mà chính tác giả cũng không hay biết hoặc ngờ tới. Phân tâm học tìm hiểu tác giả qua sự phản ánh vô thức đó trong tác phẩm, có thể tới gần sự thật được và xét về phương diện này thì phê bình dựa trên phân-tâm-học có giá trị. Đó cũng là một hướng phê bình mới. Nhưng điều khó khăn ở đây là làm phân-tâm-học lại càng phải biết rõ đời sống thực của tác giả từ thời thơ ấu nên đó cũng lại là một trở ngại mà nhà phê bình theo chiều hướng này vượt qua không phải dễ dàng gì.

Qua những điều tôi đã trình bày, tôi muốn nói là những tiêu chuẩn căn bản của phê bình cũ không phải là khuôn vàng thước ngọc, do đó tôi mong các nhà phê bình nghiên cứu

(1) Bài «Họ Nguyễn Tiên Điền thờ Vua hay thờ Chúa » của Nguyễn Trọng Khanh trên Bách Khoa số 210 (1-10-1965)

của ta hãy hướng về tác phẩm mà tìm hiểu mọi sự từ tác phẩm, trong tác phẩm. Hiện nay sinh viên học sinh ai cũng mong có một sự tìm tòi mới về Truyện Kiều và chừng nào chưa có một công trình nghiên cứu mới thì cuốn sách của Nguyễn Bách Khoa vẫn là cuốn sách viết tương đối có hệ thống, có qui mô và quyển rĩ nhất để giải thích Truyện Kiều và cho tới nay chưa có tác phẩm nào vượt qua được.

Điều quan trọng và cần thiết là có thể đưa ra được một cái nhìn mới, một quan niệm phê bình mới ; mới chưa hẳn là hay hơn hoặc đúng hơn. Vì thực ra không có một chân lý nào của tác phẩm mà chỉ có những chân lý do người phê bình gán cho tác phẩm tùy thuộc lối nhìn, quan niệm phê bình. Do đó có thể nói có bao nhiêu quan điểm phê bình là có bấy nhiêu chân lý về tác phẩm, nhưng không có chân lý nào có thể gọi là chân lý của tác phẩm được cả.

BÁCH KHOA: Khi nói về sự cần thiết phải « hiệu đính » Truyện Kiều, ông có nêu lên lý do là phải có một bản gần với nguyên-tác nhất để dịch ra tiếng ngoại quốc. Thiết nghĩ, đã có nhiều bản dịch Truyện Kiều ra ngoại ngữ rồi mà các dịch giả đâu có cần phải căn cứ vào một bản thật gần với nguyên tác mới dịch được, vì có phải dịch sát từng chữ một đâu ?

NGUYỄN VĂN TRUNG : Các người ngoại quốc, khi thấy một tuyệt phẩm của Nguyễn Du mà lại không phải là nguyên bản của tác giả, tất

không khỏi ngạc nhiên. Và người ta có thể thắc mắc là không biết — theo cái nghĩa của Tây-phương — bản dịch ra ngoại ngữ kia có thực đúng là dịch từ tác phẩm của Nguyễn Du hay không.

Thực ra theo chiều hướng phê bình mới của Tây-phương, người ta không đòi phải biết nguyên bản, càng có nhiều *thoại* khác nhau càng hay. Cũng như đối với những « thoại » khác nhau của các chuyện thần thoại, chuyện cổ tích, khi một tác phẩm có những « thoại » khác nhau, người ta càng dễ tìm ra cơ-cấu của tác phẩm : cơ cấu của cốt truyện, cơ-cấu của lời văn...

BÙI HỮU SÙNG : Tôi đồng ý với ông Trung nhưng tôi xin sắp xếp lại tư tưởng của ông Trung để nhân đó đặt một vấn đề mới vì ông Trung đã nêu lên một chiều hướng mới của phê bình nghiên cứu.

Tôi xin nhắc lại câu : « Ý tại ngôn ngoại » của các Cụ ngày xưa. Thí dụ Cụ Bùi Kỳ trước kia đọc Truyện Kiều thì trong truyện Kiều không có rõ rệt là « tâm sự hoài Lê » nhưng theo cái chủ quan của Cụ Bùi và được nhiều người chấp nhận thì sự nhớ nhà Lê là ý tại ngôn ngoại. Đó là một thí dụ về quan niệm « đọc sách » của lớp nho sĩ hồi trước.

Còn đối với tầng lớp bình dân thì ai cũng biết một vài câu Kiều nhưng không ai biết đến tên tác-giả là Nguyễn Du cả. Ngay tại quê hương Nguyễn Du người ta cũng chỉ gọi tác giả là « Quan Kiều » mà thôi, người bình dân thuộc trong Truyện Kiều những câu nào hợp với tâm tư của mình trong một trạng huống nào đó.

Người bình dân thường thức Kiều như trong một giai-thoại về cụ Chu Mạnh-Trinh đi hát cô đầu, cụ ra một đề hết sức oái oăm mà một cô đầu già đã làm được 2 câu tập Kiều rất thích hợp :

Của tin còn một chút này

Chẳng cầm cho vững lại dày cho tan.

Như vậy người bình dân đọc Kiều chỉ cần biết đến cái trường-hợp riêng tư hay hậu-vận của mình chứ đâu cần biết đến cái tâm sự của Nguyễn Du hay ý-thức-hệ ra sao.

Ngày nay ta thấy không đủ điều-kiện tinh-thần để áp dụng cái quan-niệm "ý tại ngôn ngoại" của tầng lớp nho sĩ trong việc đọc tác phẩm. Còn quan niệm thường thức của bình dân đáng cho ta chú ý, nếu ta xem Truyện Kiều như một tác phẩm bình dân nghĩa là tác phẩm vô danh.

Theo tôi nghĩ chính vì Truyện Kiều chỉ là một tác phẩm bình dân mà lại đưa vào chương trình giáo khoa nên các giáo sư thường áp dụng phương pháp bác học cũ (phương pháp lịch sử của Lanson) của Tây phương vào việc nghiên cứu Truyện Kiều như một tác phẩm văn-học cổ-diễn, hữu danh, thì kết quả đã trở thành khắp khênh, không đúng khớp, không đúng với bản chất của một tác phẩm văn chương bình dân truyền miệng, khuyết danh.

Ông Trung đã nói đến phương pháp phê bình cơ cấu của Tây phương áp dụng vào các tác phẩm văn học nhân dân, áp dụng vào văn chương bình dân. Vậy ta nên phá bỏ quan niệm cũ

đi một phần nào ("phần ý tại ngôn ngoại và") ta hãy dùng phương pháp cơ cấu của Tây phương mà áp dụng vào Truyện Kiều như một tác phẩm văn chương "không tác giả" như các chuyện thần-thoại, cổ-tích. Ông Trung có đồng ý là phương pháp nghiên-cứu phải cần "sửa sai" không?

NGUYỄN VĂN TRUNG. Vâng, chúng tôi đồng ý với cụ là cần phải "sửa sai" và phương pháp phê bình cơ cấu dùng để nghiên cứu văn chương nhân dân, văn chương vô danh, khuyết danh. Mà theo tôi, văn học Việt Nam chỉ là văn học truyền miệng, văn học bình dân vì chỉ văn học này mới có cá tính Việt Nam; còn cái nền văn học bác học đã vay mượn của Tàu, của Pháp nhiều nên không còn phản ánh trung thực cá tính Việt Nam nữa.

Bây giờ tôi xin nói đến vai trò của các người phê bình, nghiên cứu hiện nay. Các vị này đã được trang bị bằng những phương pháp của Tây-phương — mới hay cũ không thành vấn đề — nhưng với những phương pháp này các ông hãy tìm hiểu trước hết cái mà tôi gọi là dự phóng nền tảng của người làm văn Việt-Nam thời xưa, nghĩa là ngày xưa các cụ ta làm văn với chủ đích gì, quần chúng ngày xưa quan niệm dùng văn chương ra làm sao. Ngày xưa văn chương đã trực tiếp gắn liền với đời sống quần chúng để quần chúng thường thức văn chương. Ngày xưa người ta bình văn cũng chỉ là để thường thức văn mà thôi. Văn chương như một cái gia tài chung để thỏa mãn tất cả những gì của mình

về tình cảm hay về tư tưởng. Do đó mà đã có tập Kiều, bói Kiều v.v... Truyện Kiều ở đây là một cửa chung của mọi người, ai muốn thưởng thức thế nào, giải thích thế nào, dùng ra sao, tùy thích, tùy ý... Bởi thế chúng ta mong đợi các nhà phê bình nghiên cứu hãy tìm hiểu tại sao Truyện Kiều lại có khả năng như vậy cho mọi tầng lớp dân chúng, cho mọi địa phương trong việc thưởng thức văn chương. Hơn mọi tác phẩm cùng thời khác, Truyện Kiều có khả năng thích hợp với rất nhiều giải thích khác nhau, nên giá trị các giải thích đó đều chỉ như nhau mà thôi.

Tóm lại điều chúng ta mong muốn là khi tìm hiểu Truyện Kiều, các nhà phê bình nghiên cứu dùng phương pháp gì thì trước hết phải thỏa mãn các đòi hỏi của phương pháp đó, sau nữa như trên đã nói, giá trị kết quả cuộc tìm hiểu không hơn gì mọi giá trị thưởng thức Kiều khác của quần chúng nhân dân. Sự giải thích nào cũng rất chủ quan nên không ai nói được là đã tìm ra chân lý của Truyện Kiều, khi thực ra chỉ là chân lý của quan niệm phê bình của mình mà thôi. Ai nói rằng tìm thấy chân lý của Truyện Kiều lại bắt người khác phải tin theo, học theo, là có thái độ tiếm vị, giáo điều. Tôi chống lại thái độ tiếm vị, giáo điều đó. Các nhà phê bình nghiên cứu hãy khiêm tốn hơn và hãy coi kết quả công trình tìm hiểu của mình cũng như người cô đầu già đã tìm ra được 2 câu tập Kiều trong chuyện ông Chu Mạnh Trinh

đi hát, mà cụ Sùng vừa kể, mà thôi.

BÙI HỮU SÙNG : Tôi xin đặt một vấn đề nghiên cứu dưới khía cạnh khác. Đó là vấn đề hiệu-đính Truyện Kiều mà ông Trung lúc này đã nói tới. Ông Vũ văn Kính và tôi đã khởi sự từ 10 năm nay (hình như ông Hoàng-Xuân Hãn cũng đang làm) nay theo chỗ tôi biết thì ở Hà Nội người ta cũng làm công việc này nhưng với một quan niệm khác : Giữa một câu Kiều mà dân chúng quen thuộc và một câu Kiều tìm thấy được ở một ấn-bản cổ, thì ngoài đó người ta nhận câu mà thâm-mỹ nhân dân đã chọn lựa.

Thí dụ người ta quen đọc câu :

(*Hoa trôi giạt thắm, liễu sơ sắc vàng*
nhưng một ấn-bản chữ nôm cũ lại viết là :

Hoa trôi trác thắm, liễu sơ sắc vàng
thì mặc dầu « trôi trác » đối xứng với « xơ xác » hơn, nhưng các nhà nghiên cứu ở Hà Nội cũng vẫn cứ nhận câu : « *Hoa trôi giạt thắm...* » vì cho rằng dân chúng đã thuộc và quen với « trôi giạt ».

Tuy nhiên có trường hợp họ cũng vẫn không đếm xỉa đến thói quen của nhân dân. Thí dụ ta quen đọc là :

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi
Nhưng trong ấn-bản nôm cũ thì lại viết :

Má hồng đèn quá nửa thì chưa thôi
Các nhà hiệu-đính Hà Nội lần này phải nhận chữ « đèn » có lẽ vì chữ tuy không được quen nhưng hay quá.

Như vậy tôi xin đặt vấn đề : khi hiệu-dính Truyện Kiều chúng ta nên theo thói quen của dân chúng hay nên theo ấn-bản cũ tìm được, trong đó có nhiều cồ-âm không thuận tai của bình dân ngày nay.

NGUYỄN VĂN TRUNG : Tôi đã trình bày là vấn đề hiệu đính Truyện Kiều rất cần thiết. Cần thiết để chúng ta có một thoại gần nguyên bản nhất để các nhà phê bình nghiên cứu sử dụng, để các nhà phiên dịch ra ngoại ngữ an tâm mà làm việc v.v... Không những thế, khi làm công việc hiệu-dính Truyện Kiều hay bất cứ tác phẩm cồ xưa nào, người ta đồng thời sẽ tìm hiểu được diễn tiến thay đổi ngôn ngữ của tác phẩm. Xét một thoại xuất hiện vào thời nào, ta đối chiếu với ngôn ngữ hàng ngày và ngôn ngữ văn chương thời đó (các tác phẩm đồng thời) thì có thể biết được các từ-ngữ dùng trong thoại đó có đúng hay không. Một thoại xuất hiện vào thời khác, lại có những từ-ngữ khác, riêng biệt của thời đại sau này. Như thế có thể nói Truyện Kiều phải chứa đựng những từ-ngữ của thời đại Nguyễn Du, và nếu ta biết được những từ đặc biệt trong ngôn ngữ hàng ngày và trong ngôn ngữ văn chương của thời này là có thể thẩm-định một cách khá chắc chắn một thoại có sát với nguyên bản của Truyện Kiều hay không.

Mặt khác, như tôi đã trình bày lúc này, là liên-hệ giữa tác giả với tác phẩm ngày xưa không có. Ngày trước không có vấn đề tác quyền, cũng không có vấn đề đạo văn. Tác phẩm văn

chương không phải là một thứ tư hữu mà là của chung của mọi người, nên ai muốn sửa thế nào cho hay hơn thì sửa : Truyện Kiều được coi, lớn thì như một chuyện cổ tích, nhỏ thì như một câu ca dao. Ca dao, tục ngữ sở dĩ đến ngày nay không đổi thay nữa vì đã được mọi người trong nhiều thời đại sửa đổi cho hoàn toàn rồi, tới nay thì hầu như không thể nào sửa thêm cho hay hơn được nữa. Quá-trình hình-thành Truyện Kiều cũng giống như quá trình hình thành của ca dao tục ngữ, hay của các tác phẩm dân gian khác có sự đóng góp của mọi người ở mọi thời làm cho hay thêm, và Truyện Kiều truyền lại đến ngày nay là kết quả của một quá trình sáng tác tập thể. Như vậy nếu đặt vấn đề Truyện Kiều nên phổ biến bản nào thì tôi xin trả lời là phổ biến bản nào mà dân gian nhìn nhận là hay nhất vì về phương diện nghệ thuật, đó là bản đã được sửa chữa và thưởng thức nhiều nhất, để thành một tác phẩm chung của tất cả mọi người.

BÙI HỮU SÙNG : Tôi đồng ý với ông Nguyễn Văn Trung là về việc hiệu-dính Truyện Kiều nên so sánh từ-ngữ trong Truyện Kiều với từ-ngữ trong những tác phẩm trước và đồng thời với Nguyễn Du như Chinh-phụ-ngâm Bích-câu v.v... Thí dụ, truyện Kiều có câu :

« Vì hoa nên phải đánh đường tìm
hoa »

tôi thấy bản nôm cũ viết là : « ... trở đường tìm hoa ». Xem lại Chinh-phụ-ngâm cũng có câu « ... trở đường mơ »

và Bích-Câu kỳ ngộ cũng có câu : «Dặn con rồi trở đường mây» như thế thì có thể chấp nhận văn-từ « trở đường » để tái lập câu « vì hoa nên phải trở đường tìm hoa ».

Tôi cũng đồng ý với Ông Trung là khi xét bất kỳ tác-phẩm văn-chương nào dưới thời Pháp thuộc (tính đến 1945) ta phải để ý đến quan điểm chính trị để xem là thân Pháp, chống Pháp hay thờ ơ với thời cuộc và trốn dần vào lãng mạn. Nhưng khi xét bất cứ «Truyện» nào từ thời Pháp thuộc trở về trước, ta cũng phải coi những tác

phẩm này ít nhiều có tính cách bình dân, thuộc loại văn học truyền miệng và trình diễn, do đó nên áp dụng những quan niệm phê bình nghiên cứu hiện đại của Tây-phương đối với các áng văn dân-gian (folklore). Như vậy chúng ta sẽ có hai chìa khóa để bước vào mấy thế kỷ văn học Việt-Nam. Đồng thời ta cũng phải đặt vấn đề giảng dạy Việt-văn trong học đường. Hiện nay ở nước Pháp chẳng hạn, người ta đã cải tổ ngữ-pháp (grammaire structurale) và giảng văn rồi.

BÁCH KHOA ghi lại

SẮP PHÁT HÀNH :

CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1961

của nhà văn Nam-tư IVO ANDRITCH

bản dịch của NGUYỄN HIẾN LÊ

- ★ Câu chuyện về lịch sử trên 300 năm của một chiếc cầu được xây cất từ thế kỷ XVI.
- ★ Truyện kể lại các cuộc xâm lăng, phong trào quốc gia, xã hội... của một dân tộc anh dũng chịu cái ách thống trị của Thổ rồi của Áo được ghép vào những biến cố gia đình của ba bốn giống người mâu thuẫn nhau về quyền lợi, tín ngưỡng, lối sống : Thổ, Nam-tư, Áo, Do-thái.
- ★ Tác giả vừa là một học giả, vừa là một nghệ sĩ, kể chuyện rất hấp dẫn, phân tích tâm lý sâu sắc ; giọng văn khi thì hùng hoặc bi, có lúc lại hài hước, lắm chỗ nên thơ, triết lý nhẹ nhàng. Thú vị nhất là đọc truyện người mà tưởng như đọc truyện mình : tâm lý con người thời nào, nơi nào cũng như nhau. Mỗi năm có một giải văn chương Nobel nhưng mười năm chưa chắc đã gặp được một truyện như truyện : CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA.

TRÍ DẰNG xuất bản và phát hành

19 - 21, Nguyễn Thiện Thuật SAIGON 3

<http://tieulun.hopto.org>

Ý-nghĩa Truyện Kiều trong dân gian

ĐOẠN CUỐI CỦA TRUYỆN KIỀU

Nếu Truyện Kiều hết khi nàng Kiều gieo mình xuống dòng tràng-giang thì Nguyễn Du nhiều lắm cũng chỉ là một thi-sĩ của định-mệnh như Eschyle, như Sophocle, hay của thân phận con người như Shakespeare như Goethe, mà thôi.

Kiều, cũng như Bác-sĩ Faust của Goethe, đã cố đem tài-trí của mình ra để bẻ dòng định-mệnh. Nàng cũng bị ám ảnh bởi những sức mạnh vô hình của thế-giới bên kia, nhưng khác Faust, nàng đã không chịu bán linh hồn cho quỷ để học tà-pháp : và nàng đã bị quỷ sống xô đẩy vào trong kiếp đoạn trường ngay lúc sinh thời.

Cũng như những nhân-vật của Sophocle, Kiều chịu một định-mệnh khắt khe không có đường thoát. Oedipe, Antigone đều bị đưa dần dần vào trong một hoàn cảnh mà những người ấy cưỡng lại từ đầu, bằng đủ mọi cách. Thúy Kiều cũng vùng vẫy, cũng trốn tránh, cũng van xin, cũng tìm được những lời thấm thía để mong làm rung động được sắt đá, như những nhân-vật của nhà kịch sĩ cổ hi-lạp ; nàng cũng gọi sự chết để giải thoát nhưng sự chết không đến, mà miệng lưỡi của định-mệnh thì vẫn cứ thắt dần lại để ném nàng vào sự đau khổ ô nhục đã được tiên

định. Nàng cũng như Oedipe, là kẻ vô tội đã bị định-mệnh làm tội và làm thành kẻ có tội.

Cũng như những nhân-vật của Eschyle, Kiều bị định-mệnh đập ngã, nhưng trước những sức mạnh không cưỡng lại được ấy, vô vọng rồi, mà nàng vẫn không khuất hẳn. Cái thể-xác nhỏ bé của nàng đã quì, nhưng tâm-hồn của nàng còn vươn lên, còn tính toán, còn tìm đường thoát, và còn giữ nguyên vẹn cho mình một cái gì mà không bao giờ nàng chịu thả ra ; trong khi ấy thì định-mệnh vẫn từ từ úp bàn tay xuống.

Và sau cùng, cũng như trong những kịch lớn của Shakespeare, Kiều đã là nạn nhân của những guồng máy và những tổ-chức phi-nhân được tạo ra để nghiền nát con người ; Kiều bị lôi cuốn vào trong những hoàn-cảnh trong đó nàng chỉ còn là con ong cái kiến ; nàng là hình ảnh đau thương của cái nhân-loại bất lực trước cuộc sống mãnh liệt và vô vọng, như Ophelia, như Desdemona, như Cordelia, như cả Hamlet và vua Lear nữa.

Nguyễn Du đã thực hiện được sự tổng hợp của Eschyle, Sophocle, Goethe và Shakespeare với tối thiểu những sự ma-quái, pháp-thuật so với Goethe và Shakespeare, và không cần phải gọi

đến những nhân-vật bất thường như vua chúa. Kiều chỉ là một cô gái nhỏ, trong một gia-đình thường sống bấp-bênh với một tài-sản nhỏ bé. Xã-hội trong *Truyện Kiều* không phải là xã-hội các thần thánh hay các vua chúa, mà chính là cái xã-hội ở ngay trước mắt ta. Thằng bán tơ, mụ dầu, ma cô, du đấng, tham-quan ô lại, sai-nha, cường hào, bà lớn, cô chủ, là những người thực, trong chính cái thời-đại này.

Truyện Kiều mở đầu như một bi-kịch, vì rằng Thúy Kiều đã được nói cho biết cái thân-phận của mình trước khi bị ném vào trong cái cuộc đời phi-lí và ác-độc mà nàng không chấp nhận, mà nàng cưỡng lại, nhưng không thay đổi được.

Người nghe kể *Kiều*, cũng như khi nghe kể chuyện Tấm Cám, có thể nhìn thấy ngay được cái cơ cấu của chuyện, và qua cái cơ cấu ấy, hội ý được cái nghĩa lí của chuyện. Đó là một cái gì mà tôi tin rằng người dân trong thời-đại đã hiểu, nhưng nhiều nhà phê-bình, vì quá theo những trào lưu tư-tưởng của Tây-phương hoặc Đông-phương thuần lí, đã không thấy được.

Theo phương diện ấy, *Truyện Kiều* cũng là một huyền thoại, không phải với cái nghĩa là một chuyện về sự huyền-bí của thần-linh, mà là một chuyện do người dân dựng lên để nói một cái gì. Óc huyền thoại hóa của người dân đã thêu dệt quanh hai người có thực là Từ Hải và Thúy Kiều, thành một chuyện mà

Thanh Tâm Tài Nhân và Nguyễn Du đã kể lại. Và đặc-biệt với Nguyễn Du là, *Truyện Kiều* đã được viết theo cái thể văn dễ đi sâu vào chốn dân-gian nhất, với một cơ-cấu rất rõ ràng và một giọng văn rất chân thực.

Truyện Kiều, như một huyền-thoại, có một đoạn kết. Đoạn kết ấy cũng đã được thêm vào bởi óc huyền thoại hóa của người dân. Nguyễn Du nhận đoạn kết ấy và đem vào truyện một nghĩa lí mới. Đó chính là một trong những lí do đã làm cho *Truyện Kiều* thành một áng văn mà cả dân-tộc quý chuộng.

Nhiều người, nhất là từ khoảng những năm ba mươi đến nay, cho rằng đoạn kết của *Kiều* có vẻ ngớ ngẩn và hủ lậu, vì chỉ có đề cho chuyện « có hậu » nghĩa là kết cấu một cách tốt đẹp, còn ngoài ra thì chẳng có một chút giá trị gì cả. Họ bảo, việc gì phải cho *Kiều* sống lại? Việc gì phải cho Kim Trọng trở về? Việc gì phải cho hai người tái ngộ? v.v...

Đã đành rằng có cả trăm cái « việc gì » mà ta có thể đặt ra được. Nhưng có một lý do để trả lời cả trăm câu hỏi đó : là không có chuyện cô *Kiều* nào cả, ngoài cái chuyện mà dân chúng đã kể lại quanh cái chết có chép trong Minh sử của Từ Hải. Từ là một tên cướp nghĩa hiệp đã trừ được cho dân một số tham quan ô lại và vài bọn bất lương trong địa hạt. Từ có thể chết, là vì đã mang thân đi làm giặc thì tất phải nhận sự bỏ xác nơi sa-

trường ; và người ta đã cho Từ một cái chết tiêu biểu của sự bất-khuất : chết mà không gục xuống trước sự tấn công ám-muội của quân lính triều đình. Đây là một cách chết lạ-lùng như sự chết của tất cả các vị anh-hùng đã được huyền thoại hóa, của Hercules, của Thésée, của Achilles, của Hạng Vũ, của Nguyễn Biều... Đừng có tìm hiểu tại sao Từ Hải lại có thể chết đứng được. Bảo rằng tại Từ mặc áo giáp, hay bảo rằng tại các bắp thịt của Từ bị chất độc làm cứng lại, đều chỉ là những giả-thuyết khô héo của những lối nghĩ mạo danh khoa-học. Từ Hải chết đứng chỉ vì truyền-thuyết dân-gian đã cho Từ một cái chết xứng đáng với cái hình-ảnh của Từ trong tâm của mọi người. Từ Hải chết đứng vì dân-chúng không cho Từ ngã xuống bởi Hồ-Tôn-Hiến. Dĩ nhiên đó không phải là cách chết thực của Từ Hải.

Còn Thúy Kiều thì trái lại, không thể chết được. Trong cái ngôn-ngữ của huyền-thoại, một khi Kiều đã giết giết được Tú bà và đồng bọn, thì tức là nàng đã thắng được định-mệnh. Tất cả những kẻ bội ước với nàng đều đã bị tiêu diệt. Nhưng vẫn cần phải hiến dâng cho định-mệnh một cái gì, và vì thế phải chấp nhận cho Kiều phải gieo mình vào giếng nước như

đã được tiền định. Sau đó, nàng được phép sống lại, đề sang một cuộc đời khác, không còn bị săn đuổi bởi định-mệnh nữa.

Đó là cái ý muốn của người dân. Cái ý muốn ấy được diễn ra theo những đường lối luận-lí riêng biệt mà ta chỉ có thể thấy được khi đã hiểu được giá-trị tượng trưng và những liên-hệ cơ-cấu của các thoại-đề.

Đoạn kết của *Truyện-Kiều* gồm có những thoại-đề đối nghịch với những thoại-đề trong phần đầu. Giác-duyên thuê người vớt Kiều lên và giữ Kiều ở lại với mình vì ở một hồi trước, bà vãi này đã có trách-nhiệm về sự trầm-luân lần thứ hai của Kiều trong kiếp đoạ-trường với tổ-chức lâu-xanh của Bạc-bà. Kim Trọng trở về và phụng-dưỡng ông bà viên-ngoại, vì trước kia chàng đã ra đi và không giúp được gia-đình họ Vương. Thúy Vân lấy Kim Trọng, và Thúy-Kiều cũng phải kết duyên với Kim Trọng, vì những người này không thể là những người bội ước. Những sự đối nghịch này là những cách đề sửa đổi lại những điều sai-lầm cũ của số-mệnh. Viết thành công-thức, thì đoạn kết gồm có ba liên-hệ chính là :

Giác-duyên / Kiều (sau)		
Giác-duyên / Kiều (trước)	=	— I
Kim Trọng / gia-đình Kiều (sau)		
Kim Trọng / gia-đình Kiều (trước)	=	— I
Kim Trọng / Kiều (sau)		
Mã Giám sinh / Kiều (trước)	=	— I

Cái cơ-cấu của *Truyện Kiều* trong phần đầu đã được so sánh với một chuyện cổ-tích để làm rõ những ý-nghĩa trong các thoại-đề. Đoạn kết của *Truyện Kiều* cũng có thể đối chiếu trong cách xây dựng với một chuyện cổ-tích hay huyền-thoại khác trong cùng một mục-đích.

Chúng ta ai cũng nhớ chuyện *Trầu Cau* trong vòng huyền-thoại *Hùng-vương*. Chuyện này liên hệ đến một sự-kiện văn-hóa.

Chuyện *Trầu Cau* của Việt-nam có hai phần. Phần thứ nhất gồm những thoại-đề sau :

1. Hai anh em cùng yêu một cô gái.
2. Quyền của anh cả biểu lộ ra trong bữa ăn (so dưa) và trong việc hôn-nhân (cô gái lấy người anh) hai thoại-đề được gán làm một.

3. Sự chia rẽ giữa hai anh em sau cuộc hôn-nhân của người anh.

Phần thứ hai gồm ba đoạn, tương tự như nhau và một đoạn kết :

1. Người em bỏ đi và biến thành hòn đá vôi.

2. Người anh đi tìm em, và biến thành cây cau.

3. Người vợ đi tìm chồng, và biến thành cây trầu không.

4. Sự tái-hợp giữa ba người dưới hình-thức miếng trầu.

Hai phần nối với nhau bởi một thoại-đề, được người ta kể theo hai cách khác nhau : hoặc là người em bất mãn mà bỏ đi, hoặc là có một

sự lầm lẫn gây ra loạn luân giữa người em và chị dâu.

Trong phần thứ hai, cái cơ-cấu hình-thức rất rõ ràng và có thể viết ra thành một phương-trình, là :

(a)

Em	Anh	Vợ anh
Đá vôi	Cây cau	Cây trầu không

So với phần thứ nhất, thì có một sự đối-ngịch đã được biểu lộ, là :

$$I \left\{ \begin{array}{l} (Anh + Em) - \text{Cô gái} \\ (Anh + Vợ) - Em \end{array} \right.$$

$$II \left\{ (Cau + Trầu + Vôi) \right.$$

Trong phần thứ nhất, không có cách nào để tổ hợp cả ba. Trong phần thứ hai, sự tổ-hợp đã được thực hiện sau một sự biến-thể.

Cơ-cấu hình-thức biểu diễn bởi phương-trình (a) là cơ-cấu diễn tả sự biến-thể ấy. Có-thể nói rằng đó là một sự biến-cải thăng hoa, đã làm cho cái bản chất /anh/, /em/ và /vợ anh = chị dâu của em/ biến mất, để chỉ còn lại một cái gì chung, cho phép tổ hợp cả ba. Nhưng không có một bằng-chứng gì để nói rằng sự thăng hoa là một cách nghi mà người sơ-khai đã có.

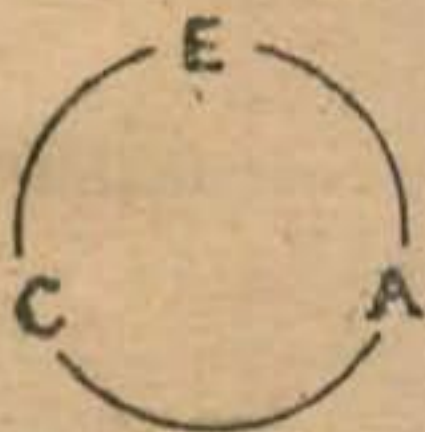
Cái chìa khóa của chuyện *Trầu Cau* là ở trong cách ăn trầu của người Việt-nam ngày xưa. Khi ăn trầu, cái lá trầu không được cuộn tròn lại. Người ta cắt ngọn và cuống lá đi, rồi quét một ít vôi vào trong lòng lá. Nếu ăn xối, thì người ta lấy một miếng cau để lên trên

rồi cuốn cả lại. Còn nếu tằm trầu để trong cối thì chỉ cuốn cái lá trầu không (có thể gọt cánh phượng) quanh miếng vôi thôi, rồi khi ăn mới kẹp thêm một miếng cau bên cạnh mà nhai. Cả ba thứ đều được cho vào miệng cùng một lúc.

Khi ba người A, E, C (anh, em và cô gái) ở trên một đường mở ở hai đầu, với A đứng ở một đầu trong tư cách anh cả, thì bắt buộc chỉ có một trong hai người là E hay C được gần cạnh A mà thôi; người kia phải ở cách xa. Công thức là:

A — E — C
hoặc là A — C — E

Nhưng nếu cuộn tròn cái đường trên lại thành một đường đóng, thì C và E đều có thể đứng sát với A:



Lá trầu của người Việt-nam bao giờ cũng được cuộn tròn, trái lại với cách ăn trầu của những sắc dân thiểu số ở khu vực Lưỡng-Quảng: những sắc dân này tằm miếng trầu lại hoặc gói vuông miếng trầu khi ăn. Sự tằm trầu, nghĩa là sự làm miếng trầu bằng cách cuộn tròn lá trầu sau khi quét vôi, là một sự-kiện văn-hóa đặc sắc của người Việt-Nam.

Một ngày nào đó, nếu có thể thu thập được hết các huyền-thoại về trầu cau từ quần đảo Melanesi và Indonesi

đến các sắc dân ở Đông-Dương (Việt Mường Pu t'ai, Lolo, v.v...) thì sự phân-tích cơ-cấu có thể đem lại nhiều điểm khai sáng về tục-lệ này. Ở đây, tôi không muốn đi xa hơn nữa để trở lại vấn-đề cơ-cấu Truyện Kiều.

Truyện Thúy Kiều chắc chắn là một huyền-thoại xây dựng quanh hai nhân-vật có thực về đời vua Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh. Minh sử có nói đến việc Hồ Tôn Hiến đút lót Thúy Kiều để dụ cho Từ Hải hàng, rồi lập kế phản gián giữa Từ Hải và một tướng giặc khác để hai bên giết nhau. Sách *Ngũ Sơ Tân Chí* của Dư Hoài cũng kể lại chuyện này và chép là Từ Hải đã mặc giáp-phục đâm đầu xuống sông tự vẫn, còn Thúy Kiều thì bị Hồ Tôn Hiến ép duyên với một người tù-trưởng, nên cũng gieo mình xuống sông Tiền Đường và chết. Sách *Lục Dã Tiên Tông* cũng có một thuyết về đời thực của Thúy Kiều. Tất cả, tuy khác nhau ít nhiều trong việc ghi lại cuộc đời lịch-sử của Từ Hải và Kiều, nhưng đều không nói gì đến cuộc đoạn-trường cũng như sự tái sinh của Thúy Kiều cả.

Lần đầu tiên hai phần này xuất hiện, là ở tác-phẩm *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm tài nhân, nghĩa là vào khoảng hai trăm năm sau khi Thúy Kiều chết. Trong khoảng thời-gian ấy, một huyền-thoại đã được xây dựng lên bởi dân-gian ở vùng ven biển, quanh tỉnh Chiết-giang là nơi Từ Hải xưa kia đã đặt tổng hành-doanh. Nguyễn Du lại dựa vào *Kim Vân Kiều Truyện* mà viết *Truyện Kiều*. Bởi thế cho nên *Truyện Kiều* có một xây-dựng

giống như những chuyện cổ dân-gian ở cả phần đầu lẫn phần cuối. Thanh Tâm tài-nhân cũng như Nguyễn Du đã thêm dệt thêm đề cho nhân-vật chính có một tâm-lí và đề cho khung cảnh có vẻ thực, nhưng cái cốt chuyện vẫn giữ được cái cơ-cấu mẫu mực của một huyền-thoại. Chính điều này đã là lí-do cốt-yếu làm cho *Truyện Kiều* lan tràn khắp trong nước một cách sâu-sa trong một thời-gian tương-đối rất ngắn.

Đoạn kết của *Truyện Kiều* giống như đoạn kết của chuyện *Trầu Cau* vì cả hai đều có nội-dung là những sự-trình biến thể. Trong chuyện *Trầu Cau* thì cả ba nhân vật đều biến thể để có thể tổ hợp với nhau. Sự biến thể là một sự sắp xếp lại để một đường mở thành một đường đóng: em đi trước, rồi đến anh, rồi đến vợ anh, ba người lúc trước bị li tán nay lại tụ hội lại với nhau ở chỗ con đường tận cùng bên bờ sông vắng.

Trong *Truyện Kiều*, thì vấn-đề chính theo quan-niệm huyền-thoại là trả lại Thúy Kiều về chỗ nguyên-thủy. Sự biến thể của Kiều đã được tạo ra ba chặng, ngược lại với đoạn đầu của chuyện: bắt đầu là Kiều sống lại, rồi Kiều trở về với gia-đình, và sau cùng Kiều được trả sự trinh-tiết bởi người chồng thực của nàng là Kim Trọng.

Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường rồi lại được cứu sống lại là một thoại-đề có tính-cách tượng-trưng. Cái kiếp đoạn-trường phải được chấm dứt, và nước sông đã được

dùng để rửa sạch những tội cũ của nàng và cho phép nàng sống một cuộc đời trong trắng về sau:

2688 — *Túc-Khiên đã rửa láng-láng
sạch rồi*

2737 — *Nạn xưa trút sạch lâu lâu*

Giữa cuộc sống cũ và cuộc sống sắp tới, có một sự gián-đoạn hiển-nhiên, mà nghĩa-lí đã được giải rõ bởi bà Tam Hợp đạo-cô; rằng sự đoạn-trường chỉ hết khi Kiều đã hết một kiếp sống, nhưng sau đó Kiều lại được sống thêm với «duyên sau», đề «đền bồi» cho sự đức hạnh mà Kiều vẫn giữ trong cuộc đời đau-khổ trước của nàng.

Giác duyên đã được chọn làm người cứu Thúy Kiều sống lại. Đây là một vai trò đối nghịch lại với vai trò cũ của Giác duyên, vì lúc trước bà vãi này đã trao Thúy Kiều vào tay Bạc bà, và làm cho Thúy Kiều lại phải chịu cảnh đoạn-trường thêm một lớp nữa. Nhưng lúc trước thì là vô tình, mà bây giờ thì là cố ý và dụng công; lúc trước thì là hại Kiều, bây giờ thì là cứu Kiều; con đường của Kiều khi trước là từ trên bộ mà xuống thuyền rồi vào nhà thanh-lâu ở Châu Thai; con đường của Kiều bây giờ là từ sông Tiền Đường lên thuyền, rồi lên bộ để về thảo am. Sự đối-nghịch giữa hai hoàn-cảnh gần như đối-xứng.

Kiều trở về với gia-đình cũng là một sự-kiện có ý-nghĩa trong cách luận-lí của huyền-thoại. Khi Kim Trọng trở về thì chàng đã thuê người đi tìm Kiều, nhưng:

2829 - *Người một nơi, hỏi một nơi,
mệnh mông nào biết bề trời là đâu*

Sau đó, cả gia-đình đi tìm, cũng không thấy.

2943. *trời thăm vực sâu,
bóng chim, tắm cá, biết đâu mà tìm*

Mãi cho đến khi đến sông Tiền đường,

2969. *Ngọn triều non bạc trùng trùng
lập đàn đề chiêu hồn nàng, thì*

2973, *Cơ duyên đâu bỗng lạ sao*

Glác duyên mới sịch tới và dắt cả nhà đến gặp Kiều, nhưng không phải là Thúy Kiều ngày xưa, vì

2999. *Mình dương đôi ngả chẵn rồi.
Cõi trần mà lại thấy người cứu-
nguyên?*

mà là Thúy Kiều tái sinh trong một kiếp mới, đã gột sạch hết nợ nần kiếp trước, và không còn những tình đời nữa:

3045. *Sự đời đã tắt lửa lòng*

Sự tái-ngộ của Thúy Kiều và gia-đình đã xảy ra trong cái ảo tưởng của sự trùng-phùng giữa những người thuộc hai cõi. Nơi Kiều ở là cái am cỏ, đi tới nơi phải

3003. *bể lau, vạch cỏ, tìm đường*

và người đem được Kiều ra khỏi nơi trú ngụ này là Vương-Ông. Kiều được cứu sống, nhưng tới đây mới thực là trở về cõi thế.

Nhưng sự việc xảy ra giữa Kiều và Kim Trọng trong đoạn kết cũng là những sự việc theo luận-lí huyền-choại, hoặc nói theo kiểu ngày nay,

thì là một cuốn phim quay ngược. Kim Trọng không phải là Kim Trọng xưa, đã

563. *buộc yên quấy gánh vội vàng
biệt Kiều về quê, mà là một chàng
Kim cương quyết*

2817. *bao nhiêu cửa, mấy ngày đàng,
còn tôi, tôi quyết gặp nàng mới thôi.
và đã thực sự*

3175. *bấy lâu đáy bể mò kim
cho đến khi tìm thấy nàng ở trong
rừng lau. Kim Trọng lúc này đã lấy
Thúy Vân, nghĩa là đã thực hiện được
một phần những lời ước nguyện của
Kiều khi bước chân vào cuộc đoạn-
trường. Đây là thế-giới làm bởi những
người không bội ước với nàng.*

Vì cái hoàn-cảnh phản đoạn-trường ấy, Kiều đã rời khỏi thảo-am để trở về. Nàng dùng chữ "tái thế", vì sự trở về của nàng có ý-nghĩa là một sự quay lại với thế-gian. Từ chỗ đó, guồng máy lại xoay ngược lại để đưa Kiều về nguyên-thủy. Kiều tái hợp với Kim Trọng, là sự thực-hiện lời giao-ước xưa:

3083. *Một lời đã trót tâm giao,
dưới dày cỏ đất, trên cao có trời,
dẫu rằng vật đổi sao dời,
tử sinh, cũng giữ lấy lời tử sinh.*

Nhưng không phải chính Kiều nhắc lại những lời này. Lúc trước nàng bầu vịu lấy sự thể-nguyên bao nhiêu thì bây giờ, nàng đứng dừng với sự ấy bấy nhiêu. Việc thành hôn cũng không đi đến sự chẵn-gối, vì cái vết-tích cuối cùng của cuộc đời

nhờ-nhuốc trước của Kiều cũng phải được xóa bỏ đi, để cho Kiều trở lại thành

3173. *Gương trong chẳng chút bụi trần,*

mà mọi người phải kính yêu. Sau đó thì Kiều «thong-dong», «vui vầy», lại với lại cây đàn mà gây cho Kim Trọng. Huyền-thoại Thúy Kiều đã đi hết một vòng và đóng lại.

Không có một lý-do gì khác cho đoạn kết của chuyện cô Kiều. Không phải là nhà văn muốn cho câu chuyện có hậu, vì nếu thực là có hậu thì không cần gì phải có một cái cơ-cấu phức-tạp đến thế ở đoạn kết; và lại một kết-cấu tốt-đẹp thực, thì phải là Kiều có « một sân quế hộc » với Kim Trọng, chứ không phải là nàng Vân.

Cuộc tái hợp Kim-Kiều cũng không phải là vì Nguyễn Du ước mong nhà Lê được tái lập (1). Tất cả đoạn cuối của *Truyện Kiều* chỉ là phản-ảnh một huyền thoại xây dựng trong chốn dân-gian của miền duyên-hải phía Nam Trung-quốc, để tạo dựng nên một nàng Kiều theo cái nhân-sinh-quan của người dân.

Cũng như Faust là một truyền-thuyết về một nhà hóa-thuật (alchimiste) của thời Trung Cổ, đời cô Kiều như được kể lại bởi Thanh Tâm tài-nhân và Nguyễn Du là một truyền-thuyết về một người đàn bà đẹp đã chết oan. Sự chết oan là một điều mà dân-chúng Á Đông coi rất trọng. Truyền-thuyết về Từ Hải đã

làm cho triều-đình nhà Minh xúc-động đến nỗi phải chép vào trong sử rằng người tướng giặc ấy đã mặc áo giáp và nhảy xuống sông mà chết chứ không phải là

2511. *Từ công hờ hững biết đâu,*
đại quan lễ phục ra đầu cửa viên
và 2519. *Khi thiêng khi đã về thần,*
nhon nhon còn đứng chôn chân giữa
vòng

trơ như đá, vững như đồng,
ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.

Cái chết của Thúy Kiều là một cái chết vì sự lừa lọc, vì sự bất công, vì sự bất nhân của kẻ chiến thắng. Đó cũng là một cái chết mà lòng dân phản đối. Huống nữa là cả cái sống của Kiều cũng đầy những oan ức. Trong *Truyện*, vẫn còn những vết-tích của sự phán xét này do người dân dựng lên: Kiều sống và Từ Hải chết đều là oan:

2535. *Lạ thay oan khí tương triều,*
nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.
Kiều mang trong mình một cái oan lớn về cái chết của Từ Hải, vì kẻ kia đã âm mưu để giết Từ, mà chúng lại chép trong sử là nàng đã dính vào việc ấy vì tiền-tài và danh-vọng:

2584. *Trong mình, nghĩ đã có người*
thác oan

Cái chết của nàng vì thế cũng là một sự chết oan.

(1) Châu Hải Kỳ — *Thêm đoạn Kim Kiều tái hợp, có phải cụ Nguyễn Du ước mong nhà Lê tái lập không?* Giáo Dục Phò Thông, 5: 5-6-1957.

2673. Oan kia theo mãi với tình,
mặt mình mình biết mặt mình mình hay

2965. Thương ôi. không hợp mà tan
một nhà vinh hiển, riêng oan một nàng.

Cái oan không giải được của Kiều
đã là một sự-kiện hạc-tâm của truyền-
thuyết. Chung quanh cái hạc-tâm ấy,
người ta mới dựng lên cả một cuộc
đời chịu oan:

2640. Thương thay, cũng một kiếp
người,

hại thay, mang lấy sắc tài làm chi,
những là oan khổ lưu li,

chờ cho hết kiếp, còn gì là thân?

và một đoạn kết sau khi oan đã được
giải. Trong cái lễ đó, đàn tràng mà gia-
đình Kiều lập ở bên sông Tiền Đường
đã được gọi là đàn giải oan:

2968. Giải oan, lập một đàn tràng
bên sông.

Tất cả chuyện cô Kiều là một huyền-
thoại mẫu-mực, có căn nguyên, xây
dựng với một cơ-cấu hợp truyền-
thống dân-gian, quanh một kẻ hàm
oan mà chết trong tay của triều-đình.

TRẦN NGỌC NINH



Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN 1211 / BYT / GCOF

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HẠ (Menthol)



90\$

ĐẦU LỘC ĐIỀU DẪI
Thượng hảo hạng

Thơm mùi. mát cổ. thơm dịu

Mẹ bông con

Cách Đà lạt chừng mười cây số có một trường tiểu học năm lớp. Bốn người trong số năm giáo viên thuộc nữ phái ; và trong bốn cô giáo, ba cô là người Thượng.

Không biết chừng bao lâu nữa thì phụ nữ thượng có người làm xã trưởng, quận trưởng v.v... Dầu sao cuộc tranh đấu cho nữ quyền, nếu có, tại xã hội người Thượng đã diễn ra êm thấm hơn ở xã-hội người Kinh chúng ta mấy mươi năm trước : không có diễn thuyết ồn ào, không tốn giấy mực biện luận...

Nhưng điều làm cho tôi chú ý hôm ấy không phải là chuyện nữ quyền cao xa, mà là một chú bé chín tháng đang khóc oe oe trên lưng một cô giáo. Chú bé thật dễ thương, được mẹ dịu trong tấm vải trắng sạch sẽ. Chú bé cũng ngoan : mẹ vuốt ve dỗ dành một tí là nín ngay, là lại yên lặng ngồi trong dịu, bằng lòng giải trí một mình với ngón tay cái ngậm trong miệng...

Một cô giáo ngày hai buổi đều đều cõng con, len lỏi giữa hai dãy bàn học trò hay đứng trước bảng đen giảng bài, đó là một hình ảnh lạ mắt đối với chúng ta từ miền xuôi đến. Lạ mắt, và ngộ nghĩnh.

Nhưng một vị thanh tra quen với nề nếp sinh hoạt giảng dạy ở các trường Sài gòn, Gia định, Long-xuyên, Cần-thơ v.v... chẳng hạn, nếu một vị thanh tra như thế được dời lên

đây, một hôm đến trường gặp chú bé vật vã khóc thét lên và làm xấu trên lưng cô giáo giữa bài chính tả thì lục cá nguyệt, hay giữa bài vệ sinh đang giảng ngon trớn v.v..., không biết vị thanh tra phản ứng ra sao.

Thiết tưởng một vẻ khó chịu trên nét mặt của ông sẽ đặt cô giáo trước một tình trạng rất khó xử. Vì đó không là sự bất bình đối với một cá nhân, mà là sự phản đối trước nếp sống của một xã hội : Trong xã hội hầu hết các sắc dân thiểu số ở thượng du, người ta vẫn dụ con đi ra suối lấy nước, đi xuống khe bắt cá, đi vào rừng làm rẫy v.v..., người ta vẫn dụ con theo bên mình trong khi đi làm mọi công việc khắp nơi ; tại sao cô giáo lại không dụ con vào lớp dạy học ?

* * *

Chúng ta vừa nói đến một hình ảnh lạ mắt trong lớp học. Thật ra, riêng về cách bông con, người dân bà Việt Nam là cả một sự lạ mắt giữa các giống dân ở miền bán đảo này. Không sao ? Gần như bao nhiêu sắc dân sống chung quanh ta : Rhadé, Bahnar, Sédang, Thái v.v... đều mang con sau lưng. Người Trung Hoa — bậc thầy từ lâu đời của nhiều dân tộc Á Đông — cũng mang con sau lưng. Thế mà riêng người Việt chúng ta cứ ngang bướng làm theo ý mình, từ nghìn xưa đến giờ không thay đổi : bông con ngang hông. (Nghe nói người Mường, người anh em của chúng ta,

trừ một vài nhóm địa phương, cũng bồng con theo kiểu người Kinh).

Sống giữa các dân tộc khác, chúng ta từng mượn của họ chữ viết, mượn nhiều tiếng nói, học cách canh tác của họ, cách ăn mặc của họ v.v..., nhưng về cách bồng con thì chúng ta phớt đều : ai làm kiểu nào mặc họ, ta giữ kiểu ta. Chẳng những thế, thỉnh thoảng ta còn trao cho người Tàu một dáng điệu của ta :

*« Duyên em dầu nổi chỉ hồng,
May ra khi đã tay bồng tay mang »*

Ấy là hình ảnh một cô Thúy Vân nào đó đồng hương với cụ Nguyễn Du, chứ con gái ông viên ngại bên Tàu đâu có bận bịu gì đến tay nọ tay kia, dù phải mang con cái ?

Chỗ sở trường của lối địu con người Tàu và người thượng du, là nó để hai tay được hoàn toàn rảnh rang. Như thế, một người có thể giữ đứa bé bên mình rất lâu không bị mỏi tay, và có thể vừa mang con vừa làm việc.

Lối của chúng ta thì trái lại. Tục ngữ chúng ta có câu : « Bồng con khỏi xay lúa, xay lúa khỏi bồng con ». Bồng con là một công việc, không thể kiêm nhiệm.

Như vậy người đàn bà Việt Nam hoặc không quen luyến con cái, hoặc không đảm đang bằng những người đàn bà thuộc các dân tộc chung quanh chăng ?

Không một ai trong chúng ta chịu

ngừng lại ở một cảm tưởng như thế. Và một hôm đến chơi một ấp thượng ở Kiến đức (tỉnh Quảng đức), gần quốc lộ 14, vào khoảng mười giờ trưa, tôi có dịp nhận ra rằng không ngừng lại, đó không phải là một thái độ chủ quan, hoàn toàn dựa vào tình cảm.

Ấp Bu ksor vào giờ ấy vắng vẻ lạ thường : vài con gà thỏ thần trên mái nhà, gió thổi làm tốc xòe lông đuôi ; nhiều đàn gà khác kiếm ăn trong nhà, dạo chơi trên những tấm sạp vốn là chỗ nghỉ ngơi cho người vào ban đêm ; trong nhà thì bếp lạnh tro tàn ; ngoài sân hoang vắng trống trải, còn tro mấy bãi phân voi... Thật ra bên cạnh đó cũng có vài đứa bé chơi đùa, và trong một vài ngôi nhà cũng có một cô gái ngồi đuổi chân dẹt vải. Nhưng quả là ở dưới trung du, dù vào ngày mùa ai nấy phải đồ ra đồng làm ruộng, cũng ít khi gặp một cảnh xóm làng vắng vẻ như thế.

Không phải hôm ấy tôi rơi vào một trường hợp đặc biệt. Nhiều anh em cán bộ chính quyền ở địa phương thường than rằng đi công tác tại các ấp thượng là cả một sự vất vả. Phải dậy sớm, đi nhanh, đến ấp thật sớm; nếu không thì chẳng tiếp xúc được với dân làng, vì họ kéo nhau đi rẫy hết, bỏ ấp vắng tanh. (Vâng, chiều họ lại về ; nhưng bảy giờ còn đủ thì giờ đâu mà hội họp nữa ? trừ khi điều kiện an ninh cho phép ta ở lại ngủ đêm với họ.)

Quang cảnh ở một ấp thượng nào nhiệt nhất là vào khoảng bốn năm giờ chiều. Người và voi từ rẫy về. Kê

hái được mớ rau, mớ bầu bí, mớ bắp v.v... thì soạn, hoa quả từ trong gửi ra, gia đình tíu tít. Người sẵn bản được con cheo, con nai v.v... thì tính chuyện bán buôn. Rồi bếp được nồi lửa thối cơm, khói xanh tỏa lên, gà vịt rên ràng, trẻ con chị chọe v.v... Sau đó, ánh nắng tắt, sương mù buông xuống, khói núi mờ mịt, màn đêm kéo đến, sinh hoạt lịm đi nhanh chóng.

Trong một nếp sống hàng ngày như thế, mẹ không dụ con bên mình sao được? Đi rầy không phải một giờ một buổi, mà là đi suốt ngày, cho nên không thể bỏ con lại nhà. Vả lại gần như cả nhà cùng đi rầy, bỏ con lại thì ai trông nom?

* * *

Bảo rằng lẽ lối làm ăn sinh sống giải thích tất cả cách thức ẩm bồng con cái thì là liễu lĩnh quá. Tuy nhiên, cứ xem cái kiểu nách con ngang hông với một tay luôn luôn kẹp vào sườn nó, ta không thể nào tưởng tượng người đàn bà Việt Nam dưới kinh từng trải qua nếp sinh hoạt của người đàn bà thượng. Người đàn bà kinh không thể mang con theo trong lúc làm việc. Tổ chức gia đình, lẽ lối sinh sống không bắt buộc họ phải làm như thế; nếu bị bắt buộc, họ đã nghĩ ra cách mang con kiểu khác.

Hiện thời giống người Tasaday bên Phi-luật-tân mỗi ngày chỉ phải rời hang động có ba giờ đồng hồ là đã tìm kiếm đủ thức ăn. Tổ tiên chúng ta xưa kia cũng may mắn gặp cảnh an nhàn như thế chăng? Nhàn

hơn cả tổ tiên các ông Lão tử, Trang Tử, Bạch Thư Hương, Tô Đông Pha, Đào Uyên Minh v.v...? Dám lắm chứ, sao không? Chúng ta không có nhiều sách triết lý, nhiều thơ phú ca tụng chữ nhàn bằng họ, nhưng chúng ta có lối nách con: Hùng hồn bằng mấy chữ lại.

Ngay từ cổ thời (từ thời chưa tách biệt với người Mường), chúng ta đã miễn công tác cho người chăm sóc trẻ con. Người ấy là bà mẹ, cũng có thể là ông nội, bà nội, là ông bác già, bà cô già v.v... Chúng ta sắp xếp lối sống trong gia đình cách nào mà luôn luôn có hạng được nghỉ ngơi, ở nhà trông coi vườn tược con cái, trong lúc hạng trai tráng khỏe mạnh ra đồng làm việc. Chúng ta không huy động toàn bộ gia đình vào công việc kiếm ăn bên ngoài, đến nỗi xóm làng vắng vẻ, nhà cửa trống trơ...

Cô giáo thượng dụ con vào lớp, là vì cơ cấu xã hội, là vì tổ chức gia đình bắt cô phải thế. Bỏ con lại nhà, cô bỏ nó cho ai? cô buộc ai ngưng công việc ngoài rầy? cô làm xáo trộn nề nếp sinh hoạt của tập thể đến thế sao? cô muốn làm "cách mạng" sao chứ?

Cô đi dạy? cô có địa vị? — Đồng ý. Chuyện nam nữ bình quyền, chuyện phụ nữ chức nghiệp v.v..., coi vậy mà không quan trọng. Miễn cô cứ tiếp tục dụ con trên lưng.

VÕ PHIẾN

11-1972

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Nhơn dịp khảo-cứu về Nguyễn-Đình-Chiêm

Một gia-phổ của dòng NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU

Ở miền Nam, ít có gia đình nào lập gia phả. Chẳng những vậy, việc thay đổi họ là một sự quá thường. Có lẽ, các giáo sư Đại-học nên giao cho sinh viên công việc nghiên cứu những nguyên nhân nào khiến cho người miền Nam mắc phải cái tập quán ấy. Nhưng đây là vấn đề khác.

Vấn đề cho chúng tôi, trong thời gian gần đây, là theo dõi một nhà văn lớn của miền Nam, mà tác phẩm, tuy được đồn miêng và nhắc khen khắp nơi, song chưa từng được công bố. Trừ một ngoại lệ. Ấy là tuồng hát bội *Phong Ba đình*, được phiên ra chữ quốc ngữ và in thành sách, mà sách này hiện nay rất hiếm có. Nhưng mà tuồng *Phong Ba đình* này ít có gánh nào dám dựng lên sân khấu, vì khó tìm cho được kép giỏi đóng nổi vai Nhạc Phi.

Tác giả của tuồng *Phong Ba đình* này là Nguyễn Đình Chiêm, mà người đồng thời gọi là « thầy bảy Vĩnh », vì có biệt hiệu là Trọng Vĩnh. Để tìm tài liệu thật chính xác, chúng tôi đã phải mấy lượt đến Ba Tri, tìm con cháu, cùng môn đệ, để chất vấn, hỏi thăm, mượn tài liệu, di bút... Và chúng tôi được ưu đãi, vì đã mượn được một số lớn tài liệu, chữ Hán có, chữ Nôm có. Và nơi bài này, chúng

tôi xin giới thiệu tài liệu số 1, mang danh là *Nguyễn chi thế phả*.

1. Tài liệu này của ai ?

Người chủ của tài liệu này tên là Nguyễn Thoại Long, người vùng Ba Tri gọi là « Bà Bảy Long », nay là góa phụ, có chồng là Âu Dương Lang. Từ thuở còn con gái, bà đã nối nghiệp của cha và ông, mà làm song song hai nghề là : dạy chữ Nho và làm thuốc Bắc. Giỏi chữ Hán, sành chữ Nôm, bà có làm nhiều bài thơ, nhưng chưa công bố bài nào.

Tập tài liệu gom 14 tờ gấp lại làm đôi. Tên của bà ở trên tờ 9, trang a, không có chữ « thoại » lót. Chỉ ghi : Nguyễn Thị Long. Và chua : sanh năm Giáp Thìn (1904) tháng Tư a.l., ngày mồng một, giờ Tuất. Gả cho Âu Dương Lang.

2. Ai lập tài liệu này ?

Theo lời của bà Nguyễn Thoại Long thuật, thì tập gia phả này do cụ Nguyễn Đình Chiêm viết ra. Dem so sánh tuồng chữ của gia phả này với tuồng chữ của tuồng hát bội *Phấn Trang Lầu*, do Nguyễn Đình Chiêm viết ra, tuy hai nét bút có dị biệt (trong gia phả thì nét bút cẩn thận, chân phương hơn, trong *Phấn Trang Lầu*, thì nét bút bay bướm như « khởi

phụng đẳng giao », song đại khái, vẫn có thể cho là chung của một người viết.

Chúng ta có thể quan niệm rằng cụ Nguyễn Đình Chiêm sao lục nơi một bản chánh, rồi lập ra cho mỗi người con một tập.

3. Bản chánh lập lúc nào ?

Tờ bìa đã mất.

Tờ 1 dùng đề ghi nhan đề : *Nguyễn chế thi phổ*.

Tờ 2 là bài tựa, nơi rõt, ở trang b, có ghi rõ ngày, tháng và năm khi tác giả lập tài liệu này. Ấy là niên hiệu Tự Đức, năm Quí Sửu (1853). Năm ấy, Nguyễn Đình Chiêm được 31 tuổi, thì có thể nêu lên giả thiết rằng chính tác giả của *Lục Vân Tiên* đã lập ra bản gia phổ chánh, mà tài liệu của bà Nguyễn Thoại Long chép lại và thêm phần ở sau. Nhưng đi sâu vào, chúng ta sẽ thấy khác.

Tờ 3 dành cho «cao tồ» *Nguyễn Đình Hiên*, và vợ là người gốc làng Phú Ninh, họ Hồ. (1)

Trang b của tờ này, dành cho «đệ nhị thế», tức là «tằng tồ» *Nguyễn Đình Thung*. Là con thứ, kế con trưởng tên là Xuân. Đình Thung cưới vợ họ Nguyễn, quê ở Tống Sơn. Như vậy đã khởi đầu «Nam tiến».

Tờ 4-a dành cho «tồ», là *Nguyễn Đình Vân*, và tờ 4-b dành cho hai bà vợ, cùng họ Trần.

Thế thứ tư khởi từ tờ 5-a, với *Nguyễn Đình Anh* và vợ họ Phạm,

người gốc ở La Vang. (2) Như vậy, là cuộc «Nam tiến» đã đến giữa nước Việt.

Nơi tờ 5-b, mới khởi sự «đệ ngũ thế». Và chưa rõ người lập gia phổ này, xưng là «tự kỷ», tức là *Nguyễn Đình Huy*, tức là thân sanh ra tác giả của *Lục Vân Tiên*. Vợ là Trương Thị Thiệt, người tỉnh Gia Định, làng Tân Thới.

Như vậy, chúng ta có thể đáp một cách dứt khoát rằng bản gia phổ chánh là do Nguyễn Đình Huy lập ra, năm 1853. Và các thế hệ sau, trích lục từ bản ấy mà thêm vào, ghi hàng con (tử) và hàng cháu (tôn). Và lại, ngay trong bài tựa của gia phổ, cũng nói rõ như vậy.

4. — Giá trị của tập gia phổ này, khi khảo cứu về Nguyễn Đình Chiêm.

Trong tài liệu này, *Nguyễn Đình Chiêm* chiếm từ phân nửa trang của tờ 6-a, dưới nhan đề «đệ lục thế». Và nhờ nó, mà ta có nhiều chi tiết rất chánh xác về tiểu sử của cụ Đồ Chiêm.

Thân sanh, là *Nguyễn Đình Huy*, sanh trưởng ở Thừa Thiên, đã cưới vợ người cùng xã, và bà này sanh được một trai và một gái. Sau Đình Huy

(1) Trong sách *Nguyễn Đình Chiêm* do Nguyễn Bá Thế viết, nhà Tân Việt xuất bản năm 1958, thì ghi lầm là Phù Minh. (M thay cho N). Nhưng trong chữ Hán không thể lẫn lộn được.

(2) Trong sách dẫn ở trên, sót trọn thế thứ tư này.

ra làm quan, chức « Tả quân văn hàn ty » và được chuyển chuyển vào Gia-định. Nơi đây, mới cưới vợ họ Trương, người tỉnh Gia-định, thôn Tân Thới. Và bà này, tức là Trương Thị Thiết hạ sanh bốn trai (là Chiêu, Tụ, Tụ, và Huân), và ba gái (là Thục, Nữ và Thành). Chính Nguyễn Đình Chiêu là trưởng nam của dòng này vậy.

Bấy lâu nay, chúng ta biết rõ về đời công của Nguyễn Đình Chiêu, mà không rành về đời tư, lắm khi đưa ra lắm giả thiết hồ đồ. Nay, tập tài liệu này cho ta những chi tiết rất chính xác. Về ngày sanh : Sanh năm Nhâm Ngũ (1822), tháng Năm â.l., ngày 13, tức là vào ngày dương lịch 1-7-1822. Các ông thầy Tử vi sẽ được hứng thú mà biết thêm rằng ông sanh vào giờ Dậu. (Đề kinh nghiệm tại sao ông mù lòa mà rất lừng danh thi sĩ ?).

Về khoa thi : Đỗ tú tài năm Quý Mão (1843).

Về vợ : Người tỉnh Gia Định, huyện Phước Lộc, xã Thanh Ba, họ Lê, tên là Diên. Bà Diên sanh năm Ất Mùi (1835), chết năm Bính Tuất (1886). Ngày kỵ côm : Tháng Năm âm lịch, ngày 14. Và bà sanh ba trai, ba gái. Không có dòng con nào khác.

Về ngày chết : Năm Mậu Tý (1888), Tháng Năm, ngày 24 (tức là ngày 3 tháng 7 năm 1888).

5.— Về miêu duệ của Nguyễn Đình Chiêu. Nguyễn Đình Chiêu được khai vào hàng « tử », thì con được kê khai

vào hàng « tôn ». Tức là con của Nguyễn Đình Chiêu và Lê Thị Diên.

« Cô Hai » là Nguyễn Thị Hương, sanh năm Ất Mão (1855),

« Cậu Ba » là Nguyễn Đình Chúc, tục danh là « Ba Sáng », sanh năm Mậu Ngũ (1858). Dạy chữ Nho và làm thầy thuốc Bắc.

« Cô Tư » là Nguyễn Thị Xuyên, sanh năm Tân Dậu (1861).

« Cô Năm » là Nguyễn Thị Ngọc Khuê (3) biệt danh là Nguyệt Anh. Sanh năm Quý Hợi (1864), Tháng Chạp âm-lịch, ngày 24 (3-1-1864) Chết năm Canh Thân (1921), tháng Chạp, ngày 12 (20-1-1921). Dạy chữ Hán, và làm thầy thuốc Bắc. Sáng tác thơ văn và làm chủ bút tờ *Nữ giới chung* ..

« Cậu bảy » là Nguyễn Đình Chiêm hiệu là Trọng Vinh (cũng ký tên là Văn Vinh). Sanh năm Mậu Thìn, Tháng Chạp âm lịch, ngày 17, giờ Dần (29-1-1969). Chết năm Ất Hợi, tháng Bảy âm lịch, ngày mồng bốn (2-8-1935). Có vợ là Tào Thị Quyền, sanh được tám con, nhưng chỉ nuôi được ba gái là Long, Phụng, và Mỹ. Dạy chữ Hán, làm thầy thuốc Bắc. Sáng tác khá nhiều thơ văn nổi tiếng, nhưng chỉ xuất bản có tuồng *Phong Ba Đình*, còn sót lại là tuồng *Phấn Trang Lầu*,

(1) Trong sách dẫn ở trên, lại viết lầm là Xuân-Khuê (Xuân thay cho Ngọc). Một nhà nho không thể nào lấy chữ « Xuân Khuê » (có nghĩa là cái hăm) mà đặt tên cho con gái mình.

và *Nê mã đô giang*, chưa xuất bản.

« Cậu Tám » là Nguyễn Đình Ngưỡng, sanh năm Nhâm Thân (1872). Chết sớm (1902).

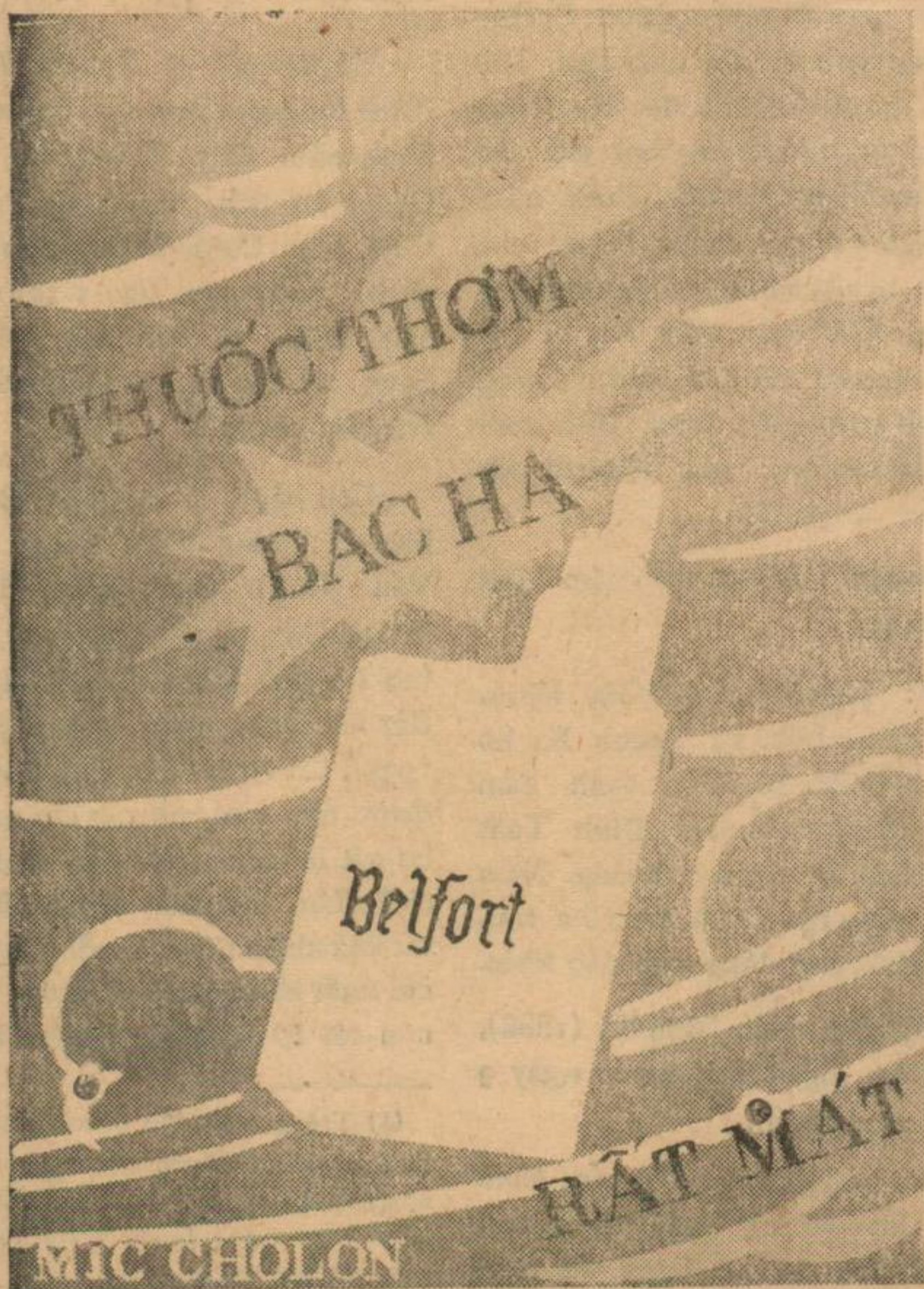
* *

Như vậy là, sau Nguyễn Đình Chiêm riêng chi này đã dứt, mà chỉ để lại những cháu ngoại mà thôi.

Viết bài này, chúng tôi chỉ ước mong cung cấp một tài liệu chánh xác cho những ai viết về văn-học-sử của miền Nam, với ba tên lớn là Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thị Ngọc Khuê và Nguyễn Đình Chiêm.

10-10-1972

HỒ HỮU TƯỜNG



LẠC và VIỆT

Bài này viết đề xin đăng ở tạp-chí Chính-Văn do văn-hữu Nguyễn Mạnh Côn đứng Chủ-nhiệm đề cùng văn hữu xét lại những gì mà văn-hữu cho là sai, trong quyền sử của chúng tôi. Nhưng không may, bài viết xong thì tạp chí ấy ngưng xuất bản.

Mặc dầu có sự hiểu lầm của văn-hữu họ Nguyễn về thái-độ của chúng tôi đối với những bài phê-bình, chúng tôi cũng xin tạ tội với Nguyễn quân trước, rồi mới giải thích thái-độ của mình sau, tạ tội và giải-thích gì cũng chỉ trong vài dòng chữ thôi, vì Nguyễn quân và bạn đọc thích thấy tài-liệu hơn là nghe chuyện riêng tư.

Chúng tôi có cảm tưởng như là Nguyễn quân đã nổi giận mà thấy chúng tôi cứ làm thình mãi, ai nói gì mặc ai, nên Nguyễn quân đã viết: « B.N.L. cứ mặc kệ... » Sự thật thì chúng tôi rất mong bị phê-bình, mong đứng mong ngồi chớ không có phốt tỉnh Ăng-lê như Nguyễn quân đã ngỡ. Nhưng chúng tôi có phản-ứng chậm đến mấy tháng đối với một bài phê-bình là vì các lẽ sau đây:

1) Bạn đọc đa số bận vật lộn với cuộc sống, họ đọc báo hằng ngày trước cái đã, còn tạp-chí thì đôi khi họ đọc trễ đến mấy tháng, nhứt là những quân như bạn quân-vụ Như thế, nên đợi cho tất cả mọi người đọc xong một bài phê-bình nào đó

rồi hằng hay.

2) Đọc xong một bài phê-bình cho thật kỹ, mất một hôm, viết bài đề bình vực quan-điểm của mình, mất vài hôm nữa. Trao cho nhà báo thì báo đã đang in sắp phát hành và đã chuẩn-bị cho sắp in, tức bài sẽ bị giam, ngoài ý muốn của nhà báo, đến một tháng, tức có chạy đua với đồng hồ, một bài tạp-chí phải bị đăng trễ hai tháng là bức trung. Phương chi vừa đây các cơ-quan định-kỳ đều biến thành giai-phẩm hết và dĩ nhiên có sự xáo trộn ở cách tổ chức, thế thì bài lại còn có lý do để ra muộn. (Nhưng đối với bài đầu của Nguyễn quân thì chúng tôi chỉ biết cảm ơn vì tuy trong đó cũng có phê-bình sơ sạ, nhưng phần giới thiệu là phần quan trọng).

Trong cái tình thần đó thì đáng lý bài này sẽ ra mắt bạn đọc vào tháng tới lặn kia, nhưng chúng tôi sợ Nguyễn quân cứ cho chúng tôi là mặc kệ thiên hạ, nên vội tìm cách xin chỗ đăng bài mà không đợi Chính-Văn may ra cũng sẽ biến thành giai-phẩm.

Quen biết với Nguyễn quân, chúng tôi thường phục Nguyễn quân đọc sách kỹ, nhưng lần này chúng tôi e rằng là Nguyễn quân đã đọc hơi vội quyền sách của chúng tôi chẳng, nên chỉ có những điều mà cả hai đều đồng quan-điểm với nhau,

thế mà lại được Nguyễn quân đặt lại vấn-đề. Nếu chỉ có thế thì chúng tôi đi thăm Nguyễn quân để nói miệng cũng được, nhưng chúng tôi đã được hai bức thư của bạn đọc quen, cả hai đều phản-đối y hệt như văn hữu họ Nguyễn. Viết hai bức thư riêng cũng sẽ giải-quyết được vấn-đề, nhưng chúng tôi cứ lo rằng có rất nhiều người phản-đối như thế, mà vì không biết địa-chỉ của chúng tôi, hoặc vì lười viết thư, nên chúng tôi không nhận được ý-kiến. Do đó phải có bài này, vì đây là vấn đề lớn cần làm sáng tỏ, chớ không phải là chuyện chê văn hay, văn dở, in sai, in đúng, hoặc vạch những khuyết điểm vô công phạt, và nhất là bài phê bình có tánh cách xây dựng chớ không phải là bài chưởi bới thì chúng tôi lại càng hoan-nghinh và càng thích nhìn nhận khuyết điểm hoặc tự biện hộ cho mình. Chúng tôi xin đi nhanh đề rút ngắn bài này kéo ông nhà báo kêu trời là tổn chỗ của ông.

Xin trích văn ở bài thứ nhì của văn hữu Nguyễn Mạnh Côn một bài phê bình thật sự chớ không còn là bài giới thiệu như bài thứ nhứt :

«Người Pháp «viết sử họ» cho người Việt, đã làm một công việc để dài là truy cứu trong một vài cuốn cổ thư của Tàu, thấy nói đến một nước Việt lui dần về phía Nam, bèn kết luận rằng đó chính là tổ-tiên của người Việt. Tôi phản đối điều đó vì nói như vậy là nói rằng trên đất Việt, trước cuộc di cư không có người ở.

.....

«Tôi nghĩ rằng dân-tộc Việt gốc Thái, vốn cùng hiện-hữu với dân-tộc

Trung-hoa... không phải là một dân-tộc được hình thành sau các dân-tộc Hoa, Mã đến mấy nghìn năm.»

Nếu văn hữu Nguyễn Mạnh Côn không có thì giờ đọc lại quyền sử của chúng tôi thì chúng tôi xin tóm lược trong vài dòng, vài đoạn của quyền sách đó, việc tóm lược này sẽ được các bạn đọc làm chứng cho, nếu chúng tôi tóm lược ăn gian, sẽ có người tố cáo : «Dân Lạc bộ Trãi tổ-tiên của chúng ta, làm chủ Hoa Bắc không được mấy năm thì bị Hoa-tộc từ Tây Vực tràn đến và đánh đuổi.»

Chẳng những chúng tôi không có nói như văn hữu đã bắt chúng tôi nói, mà trái lại chúng tôi đã nói khác, đã nói một điều mà chưa ai nói, trừ Giáo sư Kim-Định. Ta làm chủ Hoa Bắc trước Trung-Hoa, thì hẳn ta cũng thuộc vào một dân tộc lâu đời, nhưng lâu đời là bao lâu thì chúng tôi không biết, nhưng Nguyễn quân không có đòi hỏi chúng tôi phải biết thì sự kiện ta làm chủ Hoa-Bắc trước Trung-Hoa chắc đã làm cho Nguyễn quân hết phản-đối.

Chúng tôi lại không hề nói rằng ta hình thành sau dân Mã ; và đây là vài câu tóm lược khác : «Chúng Mālai chia ra thành hai cánh, Lạc bộ Trãi từ Hi-mã lập-sơn tràn ra chiếm Hoa Bắc, Lạc bộ Mã, cũng từ đó tràn ra chiếm Hoa Nam. » Chúng tôi cũng không có tài liệu cho biết cánh nào đã tràn ra trước cánh nào, nên chúng tôi đã làm thinh về điểm đó, nhưng văn hữu họ Nguyễn cũng không có đòi hỏi chúng tôi phải biết

những gì chúng tôi chưa biết mà cũng chưa ai biết cả, thì cái sự-kiện họ là *Một*, thuở ban đầu, đã đủ để nói rõ rằng không hề có chuyện ta thành hình sau họ mấy ngàn năm.

Văn hữu chê chúng tôi là đã lập ra một giàn bài loạn xạ ngẫu, lời phê bình đó chúng tôi không được phép đã động tới vì đó là một quan-điểm không xô ngã việc lớn thì ta cần kính trọng quan-điểm đó cái đã. Nhưng có lẽ vì không chịu được sự lộn-xộn, theo lối thấy của Nguyễn quân, mà Nguyễn quân không đọc kỹ được chẳng, nên mới bắt chúng tôi nói những gì chúng tôi không có nói ?

Chúng tôi tạm nhận rằng sách của mình thiếu mạch lạc cái đã, đúng y như bài phê bình đã nói, vì đó là một điểm còn quá sớm để mà bàn tới bàn lui, cứ nhận đi, để rút ngắn bài này. Nhưng một quyển sách thiếu mạch lạc tới đâu đi nữa, thì những gì mà soạn giả *không có nói* cũng không thể lộ ra được, và những gì soạn giả *có nói* cũng không vì thế mà chìm mất đi được. Một người thường có thể không thấy rõ, nhưng một người hiểu sâu biết rộng như văn hữu họ Nguyễn hẳn đã phải thấy hết. Vì thế nên chúng tôi mới đoán mò rằng, vì bận việc, văn hữu đã đọc vội chẳng ? Về cái thuyết của L. Auroousseau đã cho rằng tổ-tiên ta là con cháu của Câu Tiễn chúng tôi cũng đã bị văn hữu cự oan. Chúng tôi là kẻ đầu tiên ở Việt Nam đã to tiếng bài bác thuyết đó, thế mà văn hữu họ Nguyễn cũng lại cho rằng chúng tôi lập lại thuyết ấy.

Thuyết Auroousseau tuy cũng đã bị người khác bác nhưng không mạnh mẽ như chúng tôi, lại không có trình ra chứng tích ngược lại như chúng tôi đã trình.

Sau bài này, có lẽ Nguyễn quân sẽ đọc lại sách và sẽ không còn rầy rà gì chúng tôi nữa cả. Nhưng vấn đề lớn là câu chuyện dưới đây, những điều nói ra trên kia có lẽ chỉ là một ngộ nhận nho nhỏ rồi đâu sẽ vào đấy, sau khi Nguyễn quân đọc sách lại.

Câu chuyện Lạc và Việt rất ít người biết về mặt khoa học, và từ bao lâu nay cho cả đến các sử gia lớn của ta cũng không chú ý đến chi tiết này ; là khi Mã-Viện kéo quân đến để đặt nền trực trị lên đâu ta thì y và các sử gia Trung-Hoa của thời Đông Hán đó, không có gọi ta là dân Việt gọn lỏn. Họ gọi ta là dân Lạc-Việt. Từ vài mươi năm nay thiên hạ cãi nhau rất hăng về chữ Lạc bí hiểm đó, nhưng chỉ là suy đoán về việc có thể viết sai chính tả của người Tàu. Tiền-sử-học làm việc đã xong rồi, có cho chúng ta biết Lạc là gì, nhưng không ai dựa vào tiền-sử-học cả để mà truy-cứu ý nghĩa của chữ Lạc. Chúng tôi đã làm cái công việc chưa ai làm đó. Nhưng văn hữu cũng đọc sót, không thấy điểm đó và đã viết : « ... ở Việt Nam, ngoài những vụ đào sông, đắp đê tìm thấy cổ vật (như ở Đông Sơn) anh B.N.L. có thể kể bao nhiêu vụ tìm kiếm có phương pháp, căn cứ theo sử liệu, ở Việt Nam ? »

Đây là một ngộ nhận lớn vì sự thiếu tin tức không phải riêng gì của Nguyễn quân mà của rất đông người

kể cả sau khi cuốn sử của chúng tôi được phát hành nữa, thành thử chúng tôi thấy cần nói rõ thêm về vấn đề trọng đại này.

Bằng câu trên đây bạn Nguyễn Mạnh Côn không có chê khen gì chúng tôi cả mà chính là chê các nhà khảo cổ ít làm việc như người Anh đã làm ở Nam-Dương. Nhưng chúng tôi lại cần nói nhiều ở đây mặc dầu chúng tôi không bị bắt phải nhận trách-nhiệm, vì đây là ngộ-nhận lớn của Nguyễn quân về tiền-sử-học tại Việt-Nam.

Trước hết cuộc nghiên cứu ở Đông Sơn không hề do sự tình cờ vì đào sông đào đê mà là một cuộc tìm tòi có cố ý (*recherche systématique*). Nhưng cuộc đào bới ở Đông Sơn không có gì là quan-trọng cả, sở dĩ ta biết nó tương đối rõ hơn các cuộc đào bới khác vì nhờ báo chí đã làm rùm lên một dạo, hồi tiền chiến, mà cuộc làm rùm ấy chỉ do cỗ vật đẹp. Chính những cuộc đào bới không tìm thấy chiếc trống đồng nào cả và thật là tằm-lối, mà cũng không hề do sự tình cờ, mới là quan-trọng. Tài liệu tản-mác khắp thế-giới, được viết bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, nên chỉ chúng tôi không đọc hết được, mà chỉ đọc được tài-liệu tiếng Anh và tiếng Pháp ở Đông Dương, nhưng chúng tôi có nhờ một quyền sách tóm lược đầy đủ, có chỉ tên quyền sách đó (sách có bán ở Sài-gòn). Cuộc khảo sát có thể gọi là đầy đủ. Chúng tôi có nói rõ rằng tuy nhiên, đa số người đọc quyền sử của chúng tôi

cũng chỉ có thể đọc quyền tóm lược đó mà thôi chớ khó mong đọc thẳng những trình bày về các cuộc nghiên cứu mà quyền tóm lược đã kể ra, bởi các thư viện ở Sài gòn không đủ sách.

Người ta tìm thấy cái gì thì chúng tôi cũng đã trình ra : Cách đây từ 4 đến 5 ngàn năm, một dân tộc kia, không biết từ đâu, không biết vì lẽ gì, di cư đến Đại Hàn, đến Nhật Bản, đến Việt Nam, hay nói cho đúng hơn, đến «Đông Dương». Dấu vết của những người đó, ở ba nơi kể trên, đều giống nhau : sọ giống nhau, dụng cụ và vũ khí giống nhau. Khoa học không biết họ là ai, nên tạm đặt tên cho họ là Austroasiatiques, Bắc-Việt đã dịch là Nam-Á, còn đa số người viết ở miền Nam thì lại dịch là Úc-Á. Mặc dầu lối dịch miền Bắc đúng, chúng tôi cũng không theo, vì người đặt tên dân, vốn đặt đã sai, sao ta không đặt lại, để đi dịch, cho dẫu là dịch đúng đi chăng nữa. Một thứ dân gốc ở Miền Hoa Bắc mà lại bị đặt tên là Nam Á thì thật là chướng đời. Cũng không thể nói rằng là tại họ đã di cư xuống phương Nam nên mới đặt tên họ với chữ Nam, bởi Hàn và Nhật định cư luôn ở xứ của họ, không có di cư đi phương Nam bao giờ cả.

Các nhà đào bới lại cũng tìm được dấu vết của một cuộc di cư thứ nhì, sau cuộc di cư thứ nhất, mà lần này thì họ biết dân di cư là ai, và di cư từ đâu. Bọn sau, rời Hoa Nam để đi Đông Dương, Nam Dương và

từ Nam Dương đi Nhứt và Madagascar. Họ đặt tên bọn sau là Austronésiens.

Các nhà đào bới cũng đã thấy rằng trước đây 5 ngàn năm, tại Việt Nam đã có nhiều chủng tộc (chớ không phải là nhiều dân tộc) sinh sống trước bọn di cư. Điều sau đó chúng tôi chỉ nói qua vậy thôi vì chúng tôi viết Việt sử, chớ không có viết sử cho những chủng tộc làm chủ nước Việt trước dân ta. Các nhà tiền-sử-học không có viết sử cho dân nào cả thì họ nói đến đủ thứ người, thế thì đã có nhiều sự tìm tòi theo một kế-hoạch và các nhà tìm tòi đã tìm được đầy đủ tài liệu, mà chúng tôi đều có trình ra cả, không hề không có những tìm tòi có phương-pháp như Nguyễn quân đã tưởng. Ngay ở các quốc-gia Âu châu người ta cũng chỉ tìm được bằng ấy mà thôi, chớ không nhiều hơn một cách đáng kể.

Xin nhấn mạnh rằng không hề có vấn đề đất Việt Nam không có người ở, trước khi hai đám di cư đó đến nơi. Vì viết sử cho Việt Nam, nên chúng tôi ít nói đến dân cũ, nhưng ít, không có nghĩa là không có nói đến họ, nhứt là không có nghĩa là đã nói rằng đất Việt Nam vốn xưa kia là đất không người ở.

Về điểm này các nhà bác học Nga-sô cũng đã ngộ-nhận lớn, nhưng ngộ-nhận khác hơn văn-hữu Nguyễn Mạnh Côn chút ít. Các nhà bác-học Nga-sô cho rằng các nhà bác-học Âu-Mỹ đã chủ-trương sai lầm rằng bọn

di cư đến nơi, thay-thế cho chủ đất cũ về mặt chủng-tộc và văn-minh. Chúng tôi không hiểu tại sao các nhà bác học Nga-sô lại đọc tài-liệu và hiểu tài-liệu như thế đó. Các nhà đào bới Âu Mỹ đã trình ra những cái sọ lai căn giữa dân di cư và dân bản thổ, nào là Mã-lai lai Mêlanê, Mã-lai lai chủng da đen lùn vân-vân, thì bảo rằng họ nói đến một cuộc thay thế chủng-tộc và văn-minh thì rất oan cho họ.

Có sự tiếp nối mà không có sự thay thế, nhưng các nhà tiền-sử-học đề dành cho hai đám di cư nhiều chỗ hơn, là vì thổ dân quá ít và bị thiếu số, nên một chủng mới không xuất hiện, sau cuộc hợp chủng, mà Mã-lai cứ nổi bật lên, về cả hai mặt: chủng-tộc và văn-minh. Không thể hiểu lắm được về điểm này. Tuy thuở sơ khai của tiền-sử-học, có chủ-trương sai lầm về sự thay thế, nhưng chủ-trương đó hiện-diện ở khắp mọi nơi trên thế-giới chớ không phải ở Việt-nam, nhưng rồi sau đó, chủ-trương ấy đã bị bỏ từ lâu, không ai tin nó nữa cả, hay nói rõ hơn là các nhà bác-học không còn ai tin nữa cả, mà chỉ có người thường là tiếp-tục tin mà thôi, thí dụ ở xứ ta thì người thường tin rằng sau khi nước Chiêm-thành ra khỏi lịch sử thì ta hoàn-toàn thay thế cho họ, nhưng làm gì có chuyện ấy được. Một dân-tộc không thể bỏ nước mà di cư đi hết không còn sót người nào, mà dân thẳng trợn cũng không có lý do, nhất là không đủ khả-năng tàn sát hết dân bại-trận. Muốn biết

người Chiêm-thành biển đi đâu tưởng chỉ đọc một quyển sách thật mỏng là quyển « *Ô châu cận lục* » thì rõ hết : Họ biến thành người Việt-nam.

Về điểm sử này chúng tôi nói ít, nhưng lại nói rất rõ. Chúng Mã-lai có quê hương thứ nhì là Hoa-Bắc và Hoa-Nam. Ở đó không có cây dừa. Đến Đông Dương, họ không sáng tác danh từ « Dừa » cho nhọc xác mà chỉ học của dân thổ trước mà thôi. Họ đã học hằng ngàn danh từ như vậy, những danh từ trở cây và thú địa phương, thế nên Việt, Cao Miên, Chăm có những danh từ mới, mà lại giống nhau, đáng lý thì phải khác nhau, bởi khi định cư ở Đông Dương, họ sống riêng rẽ, sáng tác danh từ riêng rẽ, thế mà lại giống nhau vì đó là danh từ học với một ông thầy chung. Trái lại cũng cứ ông thầy chung đó, nhưng lại dạy họ danh từ khác nhau vì cái chủng đa số cũ là chủng Mêlanê, chưa thống nhất, còn dùng nhiều thổ ngữ. Ba dân tộc lớn ở Đông Dương gọi con tu-hú y như nhau, nhưng gọi

cây dừa khác nhau. Ta và Chăm gọi cái « Phá » y như nhau, nhưng gọi cái « Đầm » khác nhau.

Quyển sử của chúng tôi có chứa đựng cuộc thông tin về tiền-sử-học đó mà chúng tôi đã khai-thác đề viết về nguồn gốc của tổ tiên của ta. Nếu Nguyễn quân cho là chúng tôi khai-thác sai thì được, nhưng cho rằng ở xứ ta chưa có những công trình tìm tòi có phương-pháp thì không, và cho rằng chúng tôi không có thông tin, cũng không đúng.

Đã hai lần, Nguyễn quân cho rằng chúng tôi chỉ có quả-quyết mà không có chứng-minh những điều mà chúng tôi đã viết ra. Nếu quả có như thế thì chúng tôi nhận khuyết điểm và xin chứng minh bổ túc, chỉ có điều là Nguyễn quân cũng chỉ nói thế mà không cho biết sự chứng minh thiếu sót ở chỗ nào thì chúng tôi còn biết đâu đề mà bổ túc khuyết điểm của mình ?

(còn tiếp 1 kỳ)

BÌNH NGUYỄN LỘC

IN LẦN THỨ HAI, ĐÃ CÓ BÁN KHẮP NƠI :

HÌNH NHƯ' LÀ TÌNH YÊU

truyện của

HOÀNG NGỌC TUẤN

Ấn bản hoàn toàn mới, in đẹp, rõ, và nhiều sửa chữa đúng hơn lần trước. Thêm một phần phụ lục đặc biệt.

Bìa offset nhiều màu do họa sĩ ĐÌNH CƯỜNG trình bày.

TRÍ DĂNG

tái bản và phát hành

ĐÔI HIA

Nguyễn Hiền Đình, còn được gọi: ông tuần An-Quán (Điện Bàn, Quảng Nam là một trong những người đã từng góp công sức rất nhiều vào công cuộc phát triển hát bộ Việt Nam. Sau Đào Tấn ở Bình Định, người ta thường nhắc tới tên ông.

Ông vốn là người từng theo Nguyễn Thân diệt Cần vương, nhưng cũng lại là người dám «cãi» lại Pháp nên đường công danh không phải bao giờ cũng thông suốt. Khi về hưu, ông lặn mình vào chỗ ăn chơi, truy lạc. Một buổi sáng kia, sau khi đánh bạc với người Tàu, bị chúng đốt sạch túi mới bảo bà vợ :

— Người ta về già ai cũng có một sự đam mê, kẻ mê cảnh, người mê gái, mê bạc, mê cờ, mê sách, mê văn, mê câu, mê đồ cồ... tôi cũng phải tìm một chuyện để mê cho qua tuổi già. Nhưng mê bạc thì tốn tiền, hao phí sức khỏe quá. Vậy từ nay, tôi dời chuyện cờ bạc ra việc hát xướng, vui hơn, lại có ý nghĩa hơn.

Thế là từ đó, ông cho dựng ngay một rạp hát trong làng ông, một cái lang ở khuất khúc sau đường cái và muốn qua lại, phải dùng toàn đường nhỏ hẹp. Rồi ông cho đi gọi những kép, đào thượng thặng về giúp việc cho mình. Vì ông giỏi tuồng tích, lại có óc sáng tạo nên tuy không biết hát mà lại có khả năng đạo diễn nên các diễn viên của ông tiến rất mau. Ông

tự sửa đổi tuồng tích cho thích hợp với việc trình diễn, tự sáng chế các điệu múa, nhất là múa võ khí. Diễn viên của ông phần nhiều rất sợ ông, sợ khiếp, vì ông có thể dùng roi vọt đề giảng nghĩa lý, dùng những câu sống sượng, hỗn hào để họ thấu hiểu một bước tới lui, một cái liếc mắt, một nụ cười. Đa số những người được ông đào tạo về sau đều trở thành những diễn viên xuất sắc, giỏi về nhiều phương diện và nâng cao ngành nghệ thuật này lên rất nhiều.

Cũng do ông có tài nên hay có bệnh liên tài. Một trong những diễn viên cứng nhất của ông là Ph., có thể gọi là tuổi trẻ, tài cao. Ph. chưa tới hai mươi, «mặt như đôi phấn, môi tựa thoa son», khi lên sân khấu không chỉ đàn bà, con gái mà cả đàn ông cũng đều suýt soa về thanh về sắc. Cái rạp hát, nằm giữa chỗ tối tăm, đường sá chật hẹp, kia luôn luôn đầy khán giả, chính Ph. đã góp một phần lớn cuốn không nhỏ. Tên Ph. đã trở thành một thứ tiếng dành riêng cho những tình cảm dịu dàng mà sâu sa. Các cô gái khó ai quên nổi cái nhìn soi thấu tâm can của Ph. và có biết bao thôn nữ lòng mở sẵn để chờ Ph. ban cho một tiếng ái ân. Có lẽ Ph. cũng không phải luôn luôn vô tình với các cô.

Nhưng một ngày kia, Ph. gặp một mối tình trên khả năng tưởng tượng của một kép hát thời xưa. Không phải như bây giờ là tài tử xi-nê, là diễn viên cải lương, là ca sĩ đều tương đối có địa vị trong xã hội nếu quả có tài, kép hát ngày xưa, dầu danh lưu hậu thế, cũng khó lòng vượt khỏi địa vị kẻ hầu hạ trong các nhà quan. Huống chi, ở nhà ông Tuần, một đường quan tiếng tăm một thời. Vậy mà, oái oăm thay, anh kép hát đẹp trai lại được chính cặp mắt xanh của cô Chiêu, con cưng vị đại quan đề ý. Không phải đề ý, phải nói là say mê, say mê một cách chân thành, một cách nồng nhiệt. Say mê như người ta đã say mê một mối tình lớn, chỉ biết có yêu đương, chỉ biết có tiếng nói của trái tim thiết tha, nồng nhiệt mà không cần biết tới những hậu quả kinh hồn !

Lẽ tất nhiên, Ph. bàng hoàng, sửng sốt, đã sợ hãi, lo âu, nhưng tuổi trẻ có cái gì ngăn cản nổi ! Ph. đã đáp ứng mối tình trộm lên kia với tất cả nhiệt thành. Hình như mối tình so le đẳng cấp ấy không phải chỉ có cặp uyên ương kia biết mà thôi. Nhiều người khác cũng nhận thấy. Kẻ bàng quan chỉ mỉm cười cho là giai thoại thú nhất trần gian. Nhiều thanh niên ao ước được ở địa vị Ph. Nhưng một số bạn bè Ph., vẫn không bao giờ vượt khỏi và mong vượt khỏi cuộc đời kép hát, đã ghen tị, đã bất bình. Bất bình vì có kẻ thực sự nhảy vọt ra khỏi địa vị như họ, của họ. Thế là họ tìm cách cho những dử-kiện của tình yêu

thâm vụng kia hiện ra dưới mắt ông Tuần.

Một ngày kia, ông Tuần điếng người vì sự thật thu gọn trong lá thư con gái ông gửi cho Ph. đã xuất hiện trước cặp mắt sửng sốt của ông. Ông đang ngồi coi lại mấy bản tuồng. Vài diễn viên chờ sẵn bên cạnh để nghe ông sai phái. Ông đã nổi cơn thịnh nộ ầm ầm. Tính ông nóng một cách dị thường. Ngay các quan cai trị Pháp mà khi nổi nóng, ông còn la hét, không thêm đón tiếp thì số phận một kép hát trong nhà sẽ ra sao. Người ta đoán không sai, ông đã tuốt lưỡi kiếm khỏi bao, bảo đi tìm Ph. ngay lập tức.

Trong khi chờ đợi, ông đập, ông phá những gì ông thấy trước mắt. Không thể nào tưởng tượng nổi con một đại thần lại đi mê một kép hát trước trăm nghìn cặp mắt nhìn vào. Chắc chắn lúc đó Ph. mà lộ mặt ra, ông sẽ không nường tay và dù có sống cũng thành tật như chơi. Sau cùng khi biết chắc Ph. đi vắng, ông bỗng thấy một đôi hia. Ông đột ngột hỏi :

— Có phải đôi hia này của thằng Ph. không ?

— Dạ bẩm phải.

Đôi hia đó Ph. thường mang. Phải thấy anh kép trẻ này sử dụng đôi hia khi bê, siêng, lia...

Trong ngành vũ nhạc kịch này, hia là một dụng cụ để diễn tả những tình cảm cao độ mà tiếng hát, đôi tay không đủ khả năng biểu lộ, tỏ bày. Những lúc ấy, diễn viên sẽ dùng đôi chân vô cùng linh hoạt để điều khiển

đôi hia và sẽ gây cho khán giả những xúc cảm tuyệt vời khi dịu dàng, khi hùng tráng, khi thiết tha khi phẫn nộ...(1) Ph. đã chiếm lòng khán giả và vị thượng quan một phần lớn cũng là nhờ đôi giầy ma quái trong đôi chân uyển chuyển của anh. Nhưng bây giờ, trước mắt người cha cấm hờn, ông không còn thấy gì khác hơn nó là một bộ phận của tên kép hát khốn nạn mà ông muốn chém đầu. Chưa chém nó được, ông hãy chém đôi hia kia, như thế ông chọt vào đôi chân nó. Nghĩ là làm. Chỉ giây lát, đôi hia bằng da, đế giầy bõ, tạo tác bằng một kỹ thuật công phu, đã bị băm vằm trăm mảnh để tạm thay cho số phận Ph...

Còn con gái ông, ông hãy cho giam lại. Và ông bỏ đi năm.

* * *

Ông không ăn cơm, mê man trong những sự hờn giận sùng sục cực điểm.

* * *

Cho tới chiều, tiếng trống ở trường hát vang lên...

Vốn ông là một nhà đạo diễn lương tâm. Trước khi đóng tuồng, bao giờ ông cũng cho ráp tuồng để chỉ dẫn cho đào kép thông suốt các diễn tiến của vở tuồng sẽ đóng trong đêm.

Tiếng trống nổi lên rộn rã giục ông ngồi lên. Ông uống một chén nước, bất thần hỏi người biện tuồng:

— Đêm nay đóng tuồng chi?

— Dạ, bẩm Từ Thứ qui Tào.

— Ai đóng Từ Thứ?

— Dạ bẩm...

— Ai?

— Thăng Ph...

Ông không nói gì, uống nước, đi qua đi lại ra vẻ ngẫm nghĩ. Ph. đóng Từ Thứ! Ph. đóng Từ Thứ! Không biết ông nghĩ ngợi những gì.

Những người quanh ông biết ông đang giận dữ nên không ai dám nói gì. Sự thật, ai cũng hiểu là thiếu Ph, không kép nào có thể cáng đáng vai trò tuyệt hảo ấy. Phải thấy Ph. trên sân khấu, từ giã Chúa cũ là Lưu Bị để về với Tào Tháo hồng cứu mẹ mình, ba lần ra đi, ba lần quay ngựa trở lại, bịn rịn không rời tay, cảm tình tỏa ra từ chân tóc đến chân hia. Trong khi mọi người quanh ông chờ ông thịnh nộ ra lệnh đòi tuồng thì bỗng nhiên ông hỏi ông biện tuồng:

— Bao nhiêu tiền một đôi hia.

— Bẩm một đồng rưỡi.

Rồi trước sự sửng sốt vì chưa ai hiểu được thái độ của ông, ông mở ví, trao tiền và căn dặn:

— Sai người đi ngay xuống phố mua về một đôi hia.

Và ông ra một cái lệnh mới, không một ai chờ đợi:

— Kiểm thăng Ph. về cho nó đóng tuồng.

NGUYỄN VĂN XUÂN

(1) Từ Bình Định vào Nam, chưa biết dùng loại hia đế cong này. Loại hia cong như trắng lười liềm, mang rất dễ té, nhưng dùng đế vũ thì tuyệt diệu.

ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.460

Trương Mục

TIẾT KIỆM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

— dưới 3 tháng	17%
— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gởi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiệm « CON PHƯỢNG VÀNG »
Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỞI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

* *

KÝ THÁC TIẾT KIỆM THƯỜNG : LÃI XUẤT 17% MỘT NĂM

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cholon, 47 Tổng Đốc Phương ĐT : 51.047	— Chi - Nhánh Banmêthuột, 80-82 Quang Trung ĐT : 148.083
— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh, 21 Yersin ĐT : 99.386	— Chi-Nhánh Sađéc, 139-141 Tổng Phước Hòa ĐT :
— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123 Gia-Long ĐT : 96.827	— Chi-Nhánh Vĩnh Bình, 24 Gia Long ĐT : 92
— Chi-Nhánh Thị-Nghè, 22 Hùng Vương ĐT : 96.251	— Chi Nhánh Long An, 36 Thống Nhất ĐT : 20
— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10 Nguyễn Hữu Cảnh ĐT : 36	— Chi-Nhánh Vĩnh Long, 49, Phan Thanh Giản ĐT : 93
	— Chi-Nhánh Đà Nẵng, 197 Độc Lập ĐT : 21.077

Ba tiếng đứt ruột

Một hôm đọc truyện võ hiệp của Kim-Dung, đến 3 chữ «Ỡ-thiên kiế», tôi chợt nhớ ra rằng 3 chữ này nghe quen quen.

«Ỡ-thiên-kiế»? Tôi có cầm gươm cầm súng bao giờ đâu, mà tiếng mài gươm dưới nguyệt có thể vang dội trong tâm não tôi được chứ? Và lại đây là Ỡ-thiên-kiế, nào phải Kiế Long-tuyền!

À thì ra chẳng phải hình ảnh một thanh gươm, mà chính âm hưởng của chữ «Ỡ», chữ «Thiên». nó đã rung động khắp đáy sâu ký-ức của tôi, gĩa trối-gà-không-chặt này.

Tia lửa đã lóe sáng, một câu thơ hiện ngay ra — như một chiếc áo gấm bảy màu? Như một chiếc cầu vồng bảy sắc? Như một chùm sao bảy ngôi? — Không! Không hẳn thế đâu! Phải nói rằng như bảy bước của hoa Lê đang tiến lại gần, xuyên qua bóng trắng đã xế...

Thơ Nguyễn-Du đây mà! Một câu thơ Hán-tự:

« Lãng tằng trường kiế ỹ thanh thiên »

Đúng như phản-ứng-dây-chuyền, 7 chữ này gọi ngay ra 7 chữ kế-tiếp, buộc chúng phải thừa lên tức khắc, trên một đà vận-tốc so với ánh-sáng còn mau hơn.

Bất giác, tôi ngâm vang:

« Lãng tằng trường kiế ỹ thanh thiên, »

Triền chuyền nê đồ tam thập niên »

Nhưng, kờ thay! Cái « thông minh tính trời » của tôi lại chỉ có giới hạn. Mặc dầu tôi cùng chung một « văn chương nết dặt » với tiên-sinh. Nghĩa là sau 14 chữ hoa gấm trên đây, ký-ức tôi đã lâm vào chỗ sợn cùng-thủy-tận, chẳng sao tìm thấy đường lối Thiên-thai, đành chịu chết đứng, kiểu Từ-Hải.

Tôi có đốt... bao nhiêu đi chăng nữa thì con bướm ký-ức cũng li-lợm mà đậu hẳn lại — như « mắt say đậu ở ngọn đèn dần lu ». (1) của anh bạn họ Nguyễn -- Và nếu tôi sẵn hương đề đốt — như anh bạn họ Lưu (2) đã từng « đốt... cho đến sáng » — thì cũng chỉ toàn những mưa gió nổi dậy trong tâm hồn tôi; chưa biết « đến bao giờ ». Mây đen che lấp hẳn một dãy Hoành-sơn, còn « phông Ngọc-Chân » thế nào được nữa!

* *

Quả nhiên gió mưa cứ tràn ngập mãi. Cả hai phía của non Hoành. Mưa không đơn, vì gió đã là gió kép.

Bảy năm trôi qua. Mãi tới đêm nay... Ngọn-đèn-lu đã nảy cánh hoa tân-nguyệt; lò-hương, dầu chẳng đốt, cũng có màu khói ra vào đầu đây. Gió

(1) Thơ Thế-Lữ:

« Khói huyền lên, khói huyền lên!
Mắt say đậu ở ngọn đèn dần lu.

(2) Thơ Lưu Trọng-Lư:

Thử đốt lò hương cho đến sáng,
Mà xem mưa gió đến bao giờ! »

đang xoay chiều và mưa dần nhẹ hạt ở ngoài kia thì phải!

Tôi vui chăng? Không! Tôi buồn chăng! Càng không lắm!

Nhưng trong tôi, con bướm ký-ức vừa đánh hơi thấy chút gì, một chút gì có thể giúp tôi «đánh đường tìm hoa» trên «cảnh Lê trắng đêm»

Vâng, tôi vừa bật nhớ ra 1 câu thơ của Nguyễn Du, tất phải là câu thứ 4 trong thi-bản nào đó của tiên-sinh, mà «Lăng tằng trường kiếm...» với «riền chuyên nê đồ...» chiếm vị trí câu 1, câu 2.

Một câu làm tôi sửng-sở, rồi đau xót tới cùng cực. Xuyên qua 7 chữ bi thảm mang mang, có tác động ghê gớm vào cả chiều cao và chiều sâu: vòng sao cũng rã rồi, quặn đau cả ruột đất.

«Cơ hàn bất giác thụ nhân liên»

Lửa cơ đốt ruột ư? Dao hàn cắt da ư? Hầu-tước Ôn-Như nói còn được, huống chi những ai ai khác trên cõi đời này, từng đã thật sự đối rét! Tuy nhiên 3 chữ «thụ nhân liên» thì chưa một «nhà thơ đối rét» nào dám thẳng thắn nói ra như vậy. Trong số cả trăm ngàn, từ Đông sang Tây, từ cò chí kim, từng đối rét trường kỳ, chịu đề cho người ta thương hại, giúp đỡ. Kề cả Thi-thánh Đỗ-Phủ, Thi-bá Edgar Poe.

Phượng-hoàng không chịu đậu trên cây bích-ngô nào chăng? (3) Con quạ đen (4) còn ray rứt 3 tiếng «Nevermore» cho đến ngày thi-sĩ cuối cùng của Trái-Đất lấy văn điệu làm ra

một chiếc không-thuyền trực chỉ Nguyệt cầu để mời Hằng-nga cùng lên đường, sống không cần nước lã, và không cần đến cả không khí?

Tôi bỗng ghen ngào. Muốn ngâm lớn Nguyễn-Du lên, mà chẳng thể ngâm được. Vả lại bài thơ phải 4 câu chứ. Tôi chỉ nhớ vồn vện có 3 câu, thiếu hẳn câu thứ 3 thì ngâm ngợi nổi gì!

Câu-thơ thứ 3 này, theo Đường-luật, thể tất phải tận cùng bởi một tiếng Trắc-Nghĩa là không vần với 3 câu kia. Mất điểm-tựa tối thiểu ấy, ký-ức tôi đành hàng, nghĩ nát óc cũng vô hiệu!

Thì mở sách ra coi, khó gì! Nhưng sách nào mới được chứ? Mà sau chuyển đổi chỗ cư-ngụ lần thứ 6 tại Sài-đô, tôi đã phân tán gần hết sách vở: Thư-viện riêng của bằng hữu, Tàng-kinh-viện của chùa chiền. Mỗi lúc đến những rừng sách ấy để tìm lại một câu thơ hay sao?

Thì bịa ra, tự đặt lấy đi! Ngày trước Tô-Đông-Pha chẳng đã nói với dân chúng Hoàng-Châu: «Ai có chuyện ma quỷ lý thú, hãy kể lại nghe chơi; không sẵn thì bịa ra cũng được vậy.»?

Bồ-Tùng-Linh trong bài tựa Liêu-trai chí-dị cũng đã thông cảm với họ Tô, mà viết câu: «Tình đồng

(3) Thơ Đỗ-Phủ:

«Bích ngô thê lão phượng hoàng chi»

(4) Nhan đề một bài thơ của Edgar Poe là «The Raven», và trong đó có điệp khúc «Never more»! (chẳng bao giờ nữa!)

Hoàng-Châu, hý nhân đàm quý ». Và mở lối cho Vương-Ngư-Dương đặt bút cảm đề (5) :

«Cô vọng ngôn chi, vọng thính chi»

Thế thì tôi, giữa đêm trường cô tịch này, tôi cũng bịa ra 7 chữ đề ngâm chơi. Nguyễn-Du tiên-sinh, nếu anh-hồn có phảng phất đâu đó, xin run rủi cho giấy mực này lòa chói ngọc châu. Bằng không nữa, sao tôi lại chẳng tự cho phép mình «đặt bừa bừa đi, ngâm bừa đi»? Mà lại chịu thúc thủ mặc cho tiếng mưa tiếng gió tung hoành?

Nào, đặt bừa, ngâm bừa :

«Thùy liệu giang sơn tam biển hậu»

Hẳn sẽ có người bắt bẻ : Câu thứ 2 của cụ Nguyễn đã đặt chữ «tam» rồi (Triền chuyển nê đồ tam thập niên) câu thứ 3 lại đặt chữ «am» nữa không sợ mắc lỗi «trùng điệp» hay sao?

Nhưng, hãy khoan ! Lỗi «trùng điệp» này càng chứng tỏ rằng câu thứ 3 không phải do thi-hào Nguyễn-Du hạ bút. Chỉ là do sự «đặt bừa ngâm bừa» của một kẻ hậu-sinh bấy lâu vẫn sẵn sàng phạm thượng đề chiều theo cái sở thích «cao ngạo cuồng ngâm» đây thôi !

«Lãng tằng trường kiểm ý thanh thiên
Triền chuyển nê đồ tam thập niên.
Thùy liệu giang sơn tam biển hậu
Cư hàn bất giác thụ nhân liên».

* * *

Bài thơ trên đây — với 3 câu của Nguyễn-Du và 1 câu tôi mạo muội đặt lấy đề cuồng ngâm — tôi đã thôi sao hàng trống canh, cho mãi đến lúc giờ giới-ng nghiêm chấm dứt, mà vẫn chẳng đặc ý được một câu nào. Rốt cuộc tôi đành ghi lại cả 3 bản dịch (theo 3 văn khác nhau) đề rồi một đêm nào đó sẽ cân nhắc lại, xem nên lựa bản nào. Hoặc xóa đi tất cả... Bày đặt rồi xóa bỏ, đâu phải quyền riêng của Hóa-công !

(5) Bài-thơ này của Vương-Ngư-Dương
Cô vọng ngôn chi vọng thính chi,
Đậu bằng qua giá vũ như ti.
Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ,
Ái thính thu phần quý xướng thi.

Nhiều người đã dịch Nôm, lấy làm một cái thú đặc biệt, riêng V.H.C. thì có lần dịch như sau :

Nói bừa bừa đi ! nghe bừa đi !
Dây dưa dần đậu mưa li-ti
Giọng đời chán ngắt ! Mồ-thu lắng,
Thơ gái-ma ngâm, mình thấy si !

Sửa lại cho đúng

Trên Bách Khoa số « Nguyễn Du và Truyện Kiều », trong bài Thơ Dịch Nôm « Long Vĩ Giang Đầu » của nhà thơ Vũ Hoàng Chương (trang 66) câu thứ 7 đã in lầm 1 chữ là :

Bếp lạnh sớm chiều... riêng cúc giận
nay xin bạn đọc sửa cho đúng là :

Bếp lạnh sớm chiều... riêng cúc giầu

Ban chủ trương BÁCH-KHOA

Bản dịch thứ 1

*Gươm dài ngang dọc gác trời xanh,
Ba chục năm qua nẻo gập ghềnh.
Ba cuộc đời thay rồi!... Bỗng chốc
Áo cơm chịu đẽ người thương mình.*

Bản dịch thứ 2

*Ba chục năm dài gươm Ý - thiên
Kéo lê bụi đỏ với bùn đen.
Sau ba cuộc biển... Ai ngờ nhỉ?
Đói rét cho đời thương, có phen!*

Bản dịch thứ 3

*Trời xanh chót vót dựng gươm dài,
Ba chục năm, xuyên bùn vượt gai.
Chớp mắt, non sông ba cuộc biển,
Đâu ngờ thân lụy áo cơm ai!*

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Sài Gòn 1-11-72

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE**Vente :** HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie**NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

HOA KHẾ

*Cho hương hồn con trai đầu lòng của ba
ra đi ngày 24-9*

Tám giờ tối, mẹ bắt đầu đau bụng lâm râm. Mẹ bảo ba, và ba mẹ cùng ra đường đón một chiếc xe lôi. Ba còn nhớ, đó là đêm sau đêm trung thu, và khi ba mẹ đi đến nhà bảo sanh, trăng đã bắt đầu lên, dọi trên hàng phố chợ. Ba mẹ đã cảm thấy giờ phút nghiêm trọng sắp đến trong chốc lát nữa. Ba mẹ sẽ có một đứa con đầu lòng. Ba đã cầm bàn tay xanh xao của mẹ, chuyển niềm yêu thương cùng an ủi, chuyển tất cả những nỗi mừng vui, hạnh phúc, vào da thịt mẹ.

Mẹ không nói năng, thỉnh thoảng lại cau mày. Mẹ đang ở trong tình trạng sắp sửa...

Cô mụ trẻ đã báo khi khám mẹ xong. Thế nào cũng tối nay. Trẻ lắm là sáng mai. Đôi mắt mẹ con bấy giờ long lanh dưới ánh đèn vàng căn phòng vuông, có hai giường. Mẹ nằm trên chiếc phản gụ, và la trên chiếc giường nệm. Ba đã hôn lên trán mẹ, ba chưa bao giờ thấy yêu mẹ đến thế. Và bàn tay mẹ nắm bàn tay ba đặt trên bụng, mẹ cười mệt nhọc.

— Anh xem, con mình sắp sửa chào đời.

Ba mỉm cười vui lây, lòng ba bấy giờ là một biển hân hoan, tràn đầy một niềm vui khó tả. Ba sắp sửa có một đứa con. Ba vẫn chưa hề tự đặt lấy câu hỏi con của ba sẽ là con trai hay con gái, hạt máu của ba và

mẹ, vẫn là hạt máu mà ba mẹ ao ước bấy lâu. Và ba hiểu trước rằng, con của ba sẽ giống ba như đúc, bởi trong 9 tháng cưu mang con, ba đã xa mẹ gần 8 tháng. Mẹ đã làm một người chinh phụ. Và nỗi nhớ nhung của mẹ, như sông nhớ núi, như đồng bằng nhớ cao-nguyên đã ảnh hưởng vào con, cố nhiên.

Hai giờ sáng, mẹ bắt đầu đau bụng thực sự. Ba trắng mắt bên mẹ. Ba đã không biết làm gì nữa. Ba là đàn ông. Và những tiếng rên rỉ, những nỗi hành hạ đó, đã là một tất nhiên, như một lời tiên tri của Đức Jéhovah, đối với Eva đã trót ăn trái cấm. Lần đầu tiên, Ba đã thấy thế nào là lời nguyện rửa của Đấng Quyền Năng trong Thánh Kinh. Ba đã cầm tay mẹ, và mỗi lần mẹ đau, mẹ xiết chặt bàn tay ba, bầu chặt tấm chiếu chắn, và cả thân hình mẹ quằn quại, như đang vật lộn với nỗi đau thương và niềm hạnh phúc.

Trong đêm về sáng, dưới ánh đèn vàng bệnh hoạn chỉ có ba và mẹ, chỉ có một đôi vợ chồng trẻ, chuyển cho nhau những hơi thở, và niềm cầu nguyện.

Có một lúc nào đó, ba ra ngoài phòng, ngồi trên chiếc ghế ngoài hành lang. Đêm 16, trăng tắm ánh sáng lai láng trên khu vườn bảo sanh viện. Hương thơm của những loài hoa nào

đó phảng phất về đến độ ngây ngất. Và ba nghĩ rằng, con của ba sẽ là một thi sĩ, sẽ là một thiên thần tuyệt vời. Vì ba mẹ con đã chuyển cho con thể nào là trời mây, thể nào là vẻ đẹp, thể nào là cây cỏ, hương hoa, thể nào là sáng tạo. Lòng ba bấy giờ đã chìm ngập một hồn đêm bát ngát và thơ mộng. Nếu như con sinh ra trong lúc này, một ngày khi lớn lên, ba sẽ nói cho con : Một đêm trăng lớn, sau đêm trung thu, con đã ra đời...

Mẹ con thỉnh thoảng lại bật rên. Chiếc bụng đó, nơi con đã uống, ăn, thở cùng mẹ, với cái cuống nhau. Bấy giờ, con đã được Thượng đế tạo hình đầy đủ, để lát nữa, ra cõi đời mà khóc hai tiếng oa oa.

Bàn tay ba đặt nhẹ trên bụng mẹ. Ba đã vuốt con rồi đó. Con có thấy không ?

Nhưng ba không có can đảm nhìn mẹ. Ba không có can đảm nhìn tận mắt sự đau đớn vật vã của mẹ. Ba không biết gì hơn là lấy tấm khăn bông lau những giọt mồ hôi rịn trên vầng trán, và đôi má mẹ. Ba quạt cho mẹ. Và mẹ, chắc cũng hiểu được những giờ phút sắp đến, giờ phút mẹ được một đứa con an ủi mẹ trong những ngày ba mãi lo chiến chinh, và xa cách. Những chiếc tã, những quần áo, những sữa, nắm vú, mẹ đã lo từ lúc nào. Chai bia để tắm rửa thân thể con đã dự bị từ khuya. Chỉ việc chờ khai nắp là xong.

Nhưng đêm đó, mẹ không sanh. Mẹ rên suốt canh. Một chốc, mẹ hỏi ba mấy giờ. Ba vuốt tóc mẹ an ủi. Mẹ

nói mong sáng chóng đến. Ba cười nhẹ. Có lần trong cơn đau đớn, đôi môi mẹ cắn lại, nhưng đôi mắt mẹ sáng long lanh. Mẹ ngây ngất trong nỗi đau thương cùng cực. Và có lần nào đó, ba có ý nghĩ : hạnh phúc bao giờ cũng đi kèm những nỗi đau khổ. Ở cõi đau khổ, người ta vẫn tìm ra được nụ hoa rực rỡ nhất. Riêng ba, ba sắp tìm thấy nó. Cuộc đời thơ ấu của ba đã là những ngày đen tối buồn thảm. Và khi đến tuổi trưởng thành, ba đã biết thể nào là cô đơn, ngậm ngùi, là nước mắt. Đến khi mái tóc xanh đẫm những hoài vọng ngất trời, thì đôi chân đã bắt đầu sa lầy cùng một đất nước tang tóc. Ba đã thề trong lòng là cố gắng hy sinh cả cuộc đời ba để cho con được sung sướng. Thời thơ của con sẽ không là tuổi thơ bất hạnh của ba, mà là một thứ tuổi thơ hồng, tuổi thơ xanh, tuổi thơ nồng nàn kỷ niệm như một mùa trăng Trung thu... Ba mẹ sẽ cố gắng nuôi dưỡng, tạo dựng con nên người... Ba đã khổ, vì thế hơn bao giờ ba lo lắng cho con được sung sướng.

Suốt đêm ngồi bên cạnh mẹ, ba hồi hộp đợi chờ giây phút ấy. Con trong bụng mẹ, con có biết không đây ? Con có biết là ba được may mắn ngồi bên mẹ, trong giờ phút quan trọng này ? Con có biết là gần 5 năm luân lạc ở Trường sơn, và hơn một năm xa vắng mẹ, ba đã được cơ hội mãi mãi ngồi bên con như đêm nay ! Mong ước của ba đã thành đạt. Mẹ không còn là người vợ thiếu thốn, và ba cũng không còn là một người chồng ngày đêm ở trên đồi núi lo lắng, trông đợi

tin con. Ba đã thực sự về bên con. Ba đã đòi cả ô nhục đề về bên con. Con có biết không đấy ?

Đến sáng, mẹ vẫn chưa chuyển bụng. Mẹ đang đợi một cơn đau bụng dữ dội, để đưa con ra đời. Mẹ vẫn bị cơn đau từng chốc hành hạ. Ba không dám nhìn mặt mẹ. Ba chưa bao giờ thấy mẹ khổ đau như vậy. Tóc mẹ rũ rượi. Môi mắt mẹ khép chặt. Mẹ rên rĩ, la gào. Hay mẹ con sắp sinh ! Bà ngoại đã đến với con sáng nay. Đêm qua, ngoại đã đến với mẹ một lát, rồi gạt nước mắt trở về. Ông ngoại ở nhà đau nặng. Ông cần bà ngoại. Chắc đêm qua, bà ngoại của con ngủ không được, và ba và bà ngoại đã có mặt suốt một sáng, một sáng kinh hoàng của riêng ba. Một buổi sáng, mẹ như một người mất trí. Mẹ vật vã, khóc lóc, nhưng mẹ vẫn can đảm không bật khóc lớn. Mẹ rên rĩ. Hai tay mẹ bấu vào ba và bà ngoại.

Ông bác sĩ già đã thăm thai và báo đầu con chúc xuống. Mẹ đắp nước mát, van ông giúp bằng máy hút. Ông vẫn lắc đầu. Ông đã phó mặc mẹ và cô mụ trẻ, cô mụ trẻ, không kinh nghiệm bao nhiêu. Còn ba, ba làm sao biết được, làm được, ba chỉ còn cách là khuyên mẹ : hãy can đảm, gần sinh con rồi. Sắp sinh con rồi... Mẹ gương mặt tái mét, hết lăn lộn, hết vật vã. Ba phải giữ chặt mẹ. Rồi ba dìu mẹ đi bộ. Người ta nói đi bộ, đầu hài nhi sẽ mau xuống, và chóng sanh. Mẹ bước khắp phòng, rồi một chốc lại ngồi xuống, cầm thanh giường mà khóc, mà vật vã. Đôi mắt ba

nóng chắc ba cũng đã khóc theo mẹ. Rồi một lúc nào ba đã chịu không nổi cảnh tượng, ba bỏ ra ngoài hành lang để mẹ và bà ngoại. Bà ngoại cũng khóc. Bà đã đi đưa hai người em mẹ vào đây sanh nở, nhưng bà đã không bao giờ chứng kiến nỗi đau đớn của mẹ như thế.

Tự nhiên ba liên tưởng đến mẹ ba. Ba nhớ đến người ghê gớm vào lúc này. Chính ba mới là đứa con bất hiếu.

Cơn đau đã hành hạ mẹ suốt cả buổi sáng, và càng lúc càng tăng cực độ vào lúc trưa. Mẹ đã muốn rặn nhưng lão thầy thuốc già lại bảo đầu con chưa xuống rồi ông ta bỏ đi ngủ. Cô mụ trẻ cũng đi ngủ. Làm sao ba biết tình trạng mẹ lúc bấy giờ ? Ba chỉ biết cầu nguyện, thế thôi. Bà ngoại con cũng vậy. Thật là một buổi trưa kinh hoàng, và ghi đậm mãi trong đầu óc ba. Đến lúc ba không còn chịu đựng nổi, ba lại bỏ ra ngoài phòng. Ba ngồi đấy, và thấy trách nhiệm của một người cha, và một người chồng quả là vô cùng lớn lao. Ba nhìn cây khế trong vườn, cây khế sau những cơn mưa hồi khuya, bông đã rụng tím cả sân gạch. Vườn xanh và đầy bóng mát. Cây cối, bầu trời, vẫn không hay biết những gì đã xảy ra trong phòng mẹ. Ba cầu nguyện. Ba khấn cầu Đức Quan Thế Âm. Rồi những tiếng 'a xé trời khiến ba lại chạy vào phòng để mà cầm chặt tay mẹ, vuốt trán mẹ. Mẹ mím miệng, mẹ quẩn quại. Đôi lúc mẹ nở nụ cười mếu máo : Con ơi, con hành mẹ đến bao giờ. Ba đã tìm thấy ở gương mặt mẹ

... rồi chịu đựng vô cùng lớn lao, cũng như một hạnh phúc rạng ngời đau thương. Mẹ đã tin tưởng. Và ba cũng vậy. Tin tưởng hơn bao giờ, con ra đời bình an.

Ba giờ trưa, mẹ đòi đi bộ. Mẹ nói, đi bộ để đầu con mau xuống, và khi mẹ bước xuống thì túi nước bắt đầu bễ. Ba hốt hoảng qua phòng cạnh gọi cô mụ. Cô mụ lại chạy qua, với đồ nghề. Cánh cửa đóng lại. Ba đã thấy giờ phút nghiêm trọng đã đến. Ba ngồi trên băng đá, dưới tàn á khế. Ba hút thuốc liên miên. Ba hết đứng dậy rồi ngồi xuống. Bên trong phòng, chẳng vẳng ra một tiếng nào, càng tăng thêm nỗi hồi hộp. Ba hốt nhiên nhặt hai bông khế li ti trên nền viện. Ba thử đoán xem con là con trai hay con gái. Ba gọi Trần Phúc Chương và Trần thị Đoàn Hậu. Rồi ba nhắm mắt nhặt một nụ. Ba nhặt đúng nụ Trần Phúc Chương. Thế là con trai. Ba mỉm cười sung sướng. Nhưng thời gian mẹ sinh đã quá lâu. Hay tại ba đang nôn nao đếm giờ khắc từng giây từng phút. Ba nhìn đồng hồ. Từ lúc cánh cửa đóng là 3 giờ, bây giờ đến 3 giờ 30 vẫn không nghe tiếng con khóc. Ba chạy đến cửa, lắng tai nghe. Mẹ con đang cố gắng đẩy con ra. Nhưng sao lại lâu vậy. Ba lại ngồi xuống, không ai bước ra ngoài để ba hỏi thăm. Ông thầy thuốc già bấy giờ mới ngủ dậy, lừ đừ chậm chạp đến cửa phòng. Ông mở cửa. Và ba đã hiểu. Mẹ sinh khó. Ông nói thật to, khi mẹ cầu xin ông dùng máy hút. Đầu con đã ra nhưng mẹ không thể dùng sức để đẩy con ra trót lọt. Ba chạy vào phòng. Ông kêu ba đi theo

ông lên lầu trên lấy máy hút. Ba cuống quýt chạy theo ông. Ông chậm chạp tìm từng vật dụng. Cái ống cao su, cái sợi dây điện. Ông bảo ba khiêng cả chiếc bàn sắt vào phòng. Ba không ngờ đã khiêng cả một chiếc bàn sắt nặng trĩu. Ba đã mất hết ý thức. Ba chỉ biết đến con. Ba không còn biết đến bất cứ một cái gì nữa.

* * *

Rồi ba ra ngoài. Đàn ông không thể có mặt trong giờ phút sinh đẻ, mẹ con đã từng bảo thế... Ba vẫn chờ đợi. Một lát, ba nghe tiếng cười của ông thầy thuốc. Tim ba đập rộn rã. Một lát nữa, ba nghe tiếng di Th. của con reo : Con trai ! Ba lại càng ngây ngất. Rồi tất cả trở về im lặng. Rồi cánh cửa mở, di con ra buồn rầu và lo âu :

— Nó vẫn chưa thở.

Cánh cửa lại đóng lại. Người ta đang làm gì ở trong đó. Có sao tim ba như ngừng đập ? Có sao cổ ba nghẹn lại. Tai ba mở căng, để đón chờ tiếng oa oa chào đời của con trai của ba ? Vẫn im lặng... Tiếng di con lại vẳng lên : khóc đi con. Khóc đi con. Ba mở cửa. Ba hiện trước bàn sinh nở của mẹ. Di Th. vẫn nhìn ba, đôi mắt đầm lệ, nó vẫn còn ngộp thở. Một phút hai phút trôi qua. Cánh cửa mở ra liên tục. Cô mụ, người phụ việc, liên miên chạy ra vào, xách những dụng cụ, cùng thau nước. Người ta đang tìm cách cứu con. Nhưng tiếng khóc vẫn chưa vẳng dậy. Ba nhắm mắt, mẹ nhắm mắt. Ba cầu nguyện Đức Quan Âm như mỗi lần lâm

trận ba vẫn quen cầu nguyện. Ba say sưa cầu nguyện. Vẫn yên lặng, và ông lão thầy thuốc già, vẫn dáng chấp chập, như càng làm tim ba thêm sôi sục, nhưng ba biết làm sao bây giờ. Con trai của ba bây giờ, mạng sống ở trong tay ông, và cả mẹ con cũng thế.

Rồi bình dưỡng khí được mang đến. Nhìn lão già, ba không dẫn lòng sôi sục, nhưng ba vẫn van lơn ông, cũng như cầu nguyện cho con. Con đã được bông qua phòng mạch. Di và dưỡng con tiếp tay. Phòng mạch gồm có lão thầy thuốc, cô mụ trẻ, người phụ việc hộ sản, dưỡng Ph, di Th, và bà ngoại. Nhưng mãi mãi, đôi mắt con vẫn nhắm nghiền. Mãi mãi, con yên nghỉ, ôi, gương mặt giống ba in đúc, ôi, mái tóc đen rậm, và cả thân thể con vững chắc. Nước da con trắng mượt. Trước mặt ba, là giọt máu của ba mẹ, đã được mẹ nuôi dưỡng bao bọc, đúng ngày đúng tháng. Nhưng con không khóc lên một tiếng, đôi mắt con vẫn mãi mãi nhắm lại muôn đời. Bình dưỡng khí đã lên động cơ. Ống chuyển dưỡng khí được đưa vào cuống họng của con. Dưỡng, di, và ba, thay phiên bóp nắn lồng ngực, cả thân thể của con. Di Th. thì mãi mãi gọi : Khóc lên, con. Khóc lên con. Ba lật mí mắt con, và khóc : mở mắt ra đi con. Bàn tay ba nắm chặt ống cao su chuyển dưỡng khí, để hơi khỏi thoát ra ngoài. Nhưng bàn tay ba run, và đôi mắt ba không dám nhìn con ngủ. Con ngủ. Tại sao con cứ mãi mãi nhắm mắt, hỡi Trần Phúc Chương ? Tại sao con lại không

chịu sống với ba mẹ, mà bỏ ra đi. Hơi dưỡng khí cứ được chuyển vào, tiếng động cơ cứ mãi mãi liên tục. Nhưng lồng ngực con đã không hô hấp nữa. Con vẫn nằm trần truồng, gương mặt con vẫn bình an như một thiên thần tội nghiệp. Một lát, di Th. lại gào : khóc lên con trai. Người phụ việc thì mãi mãi kêu : mở mắt lên, cậu bé. Hai bàn tay người lớn của dưỡng Ph. và của ba thì mãi mãi nắn bóp cho con hô hấp. Một lần, cô phụ việc đưa miệng của cô hút lỗ mũi con.

Nhưng con vẫn yên lặng.

Rồi mọi người lắc đầu.

Rồi cái mền xanh quấn trùm cả người con.

Rồi ba lại lật mền ra, hôn trên trán con một lần chót.

Ba khóc tức tưởi.

Di Thanh cũng khóc.

Bà Ngoại cũng khóc.

Một lát bà ngoại đến vỗ về ba :

— Chỉ một mình con là có thể an ủi được vợ con, vợ con đang đợi chờ tin con trên bàn sinh trong căn phòng kín cửa.

Đôi mắt ba mờ lệ :

— Vợ con biết chưa ?

Bà ngoại gạt nước mắt :

— Má cũng chưa biết nữa ?

— Thôi má vào bảo vợ con đi.

Ngày hôm nay, ba can đảm ghi lại những giòng về con. Đã hơn một tuần, con nằm dưới lòng đất. Đã hơn một tuần, với những cơn phiền muộn đau

khô đến ứa nước mắt, của ba của mẹ. Không đêm nào mẹ chớp mắt. Không đêm nào ba thức giấc không bàng hoàng. Lần đầu ba đã thấy thế nào là một sự mất mát, như rút từ ruột từ tim óc của ba ra. Những đêm ở bảo sanh viện thì thật dài. Ba nằm trên giường, nghe tiếng khóc, tiếng thở dài náo ruột của mẹ con, có lúc ba không có can đảm nhìn lại cái giường, cái phòng, nơi con ra đời, kháu khỉnh vô tội. Tại ba bịt chặt đề khỏi nghe tiếng khóc thét của một đứa hài nhi mới lọt lòng mẹ ở phòng bên cạnh. Ba muốn rời khỏi đây lập tức. Ba muốn uống rượu hay tìm một thứ giải khuây.. Nhưng ba vẫn còn nằm ở đây, đứng ở đây, ngồi thẩn thờ ở đây.. Ba vẫn còn mang cốc sữa, cốc nước, khay cơm cho mẹ. Nước mắt mẹ con đã ràn rụa dưới ánh đèn vàng vọt. Một đêm, hai đêm, bảy đêm, những đêm thiếu vắng như một giấc mộng.. Buổi xế trưa kinh hoàng ấy đã không bao giờ phai nhạt trong lòng ba.

Cái sân vẫn như xưa. Cây khế trước hành lang vẫn rụng những đám bông hồng tím. Những chiếc bông nhỏ nhỏ ấy nhắc ba đến cái giây phút ngồi trên băng đá hồi hộp chờ một trò trẻ con. Ba đã gặp may khi đoán con là con trai, nhưng cái hên ấy, chính là một nỗi đại bất hạnh. Bây giờ ba còn không biết thù oán, gào thét, hờn trách như xưa. Tất cả đã lắng xuống, còn lại trên đáy tim ba những giọt giá băng vĩnh cửu.

Đã hơn 7 ngày con nhắm mắt dưới đáy huyết. Ngôi mộ bé nhỏ ấy, đến bây giờ ba vẫn chưa biết ở đâu. Tại sao ba vẫn tin tưởng ở một điều mơ hồ, dị đoan. Tại sao ba lại khuyên mẹ đừng nhớ đến con, sợ con sẽ theo mẹ mãi mãi, có thể ảnh hưởng đến

em con, trong khi ba lại không thể nào quên được một đôi mắt chưa bao giờ mở. Bàn tay ba vẫn tưởng như muốn run khi nhớ lại buổi trưa ảm đạm ấy. Cái ống cao su chuyển dưỡng khí luồn vào miệng, vào cổ họng con. Tiếng máy rì rầm. Di Th. luôn luôn gọi : khóc lên con. Người phụ bảo sanh viện luôn luôn kêu : mở mắt đi con. Và tay ba cũng run theo nhịp động cợ. Khoa học đã thua.. Không, khoa học không thể thua được. Ba tin thế. Ba tin con vẫn còn sống, khi con được sinh ra tại một nơi khác nơi đây.

Ngày thứ nhì, sữa mẹ con chảy đầm cả mảnh áo. Mẹ thấy sữa, mẹ liên tưởng đến con, mẹ khóc. Mẹ nói sữa thật trong và thật xanh. Mẹ đã từng ước ao ôm con, cho con bú. Mãi đến giờ phút gần sinh nở, mẹ cũng nói thế, khi mà những cơn đau quặn thắt dữ dội hơn bao giờ. Thôi rồi 9 tháng 10 ngày Thôi rồi những nỗi mong ngóng, chờ đợi. Thôi rồi những viên thuốc dưỡng thai, những kỳ khám con thường lệ. Thôi rồi những tháng dài ba dệt bao nhiêu hoài vọng trong những ngày lưu thân một cõi hồng trần. Thôi rồi những ngày về phép ngăn ngủi, hôn trán mẹ con, bàn tay mẹ nắm bàn tay ba đặt trên thai con ; nó đập đó, anh ạ. Sinh nó ra, em tha hồ đánh.

Sáng tinh sương ngày chủ nhật ba dìu mẹ lên xe hơi trở lại nhà. Căn phòng cũ, những thằng cháu bé nhỏ làm mẹ con lại bật khóc. Còn ba, khi pha ly sữa cho mẹ con, ba cũng ứa nước mắt theo. Ba cảm thấy bàn tay run rẩy và tự dưng ly thủy tinh rớt xuống đất, vỡ tan từng mảnh..

Ngày 2-10-72

TRẦN QUÍ SÁCH

Mua ngay, đọc kỹ

TỬ VI ÁO BÍ BIỆN CHỨNG HỌC

Đề khám phá — Đầu là chính thư, đầu là man thư của khoa tử vi đầu số.

ĐÂY: 128 chìa khóa để mở kho tàng khoa Tử vi đầu số: Từ thấp đến cao — Từ dễ đến khó.

- ★ Người chưa biết tử vi đọc 20 giờ có thể biết lập thành lá số trên giấy.
- ★ Người biết sơ về tử vi đọc 15 ngày có thể đàm luận và lập thành lá số trên bàn tay không cần tới sách vở (Môn lập thành trên tay là môn bí truyền từ trước đến nay chỉ dành cho các vị thiếu thị giác).
- ★ Người đã thông về tinh đầu thì độ số các sao giao hợp, củng chiếu. Cũng như các định luật TÁC — Nguyên lý ngũ hành tiêu trưởng — Định lý sinh khắc — Quy luật Âm Dương — Định lý vãng phản thuận nghịch cùng với ngũ cục tương quan biểu lý trong các tam hợp cục để phân định: đâu là tam thập niên tiền hợp với mệnh, đâu là tam thập niên hậu hợp với thân. Cũng như định lý hợp, phản của Tuần Triệt.
- ★ Đặc biệt có 200 bài Phú nôm — 300 bài Phú chữ mà tác giả đã sưu tầm.

HÀ-LẠC DÃ-PHU VIỆT-VIỆM-TỬ

đã nghiên cứu và biên soạn để cống hiến quý độc giả.

Đã phát hành trên toàn quốc:

Tổng Phát hành THỐNG-NHẤT

117, Lê-Lợi SAIGON

Bạn đọc hãy tìm mua ngay:

NHỮNG TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG TRONG LÚA TUỔI HỌC TRÒ

Bác-sĩ ĐỖ-HỒNG-NGỌC viết cho các em về:

Cận thị — Viễn thị — Loạn thị — Sưng má ông địa
— Nhức đầu — Mụn — Lang 'en — Bón — Trĩ — Thủ
dâm — Kinh nguyệt — Mệt mỏi — Nghi ngại — Giấc
ngủ — Bệnh mau quên — Bệnh biếng học — Đi «khám»
bác sĩ v.v...

Một cuốn sách thật cần cho các em muốn sự học
của mình tiến bộ.

LA NGÀ xuất bản... 270 trang... giá 300đ.

- *Tập thơ tái bản lần III của Hoài-Khanh*

THÂN PHẬN

In toàn giấy tốt. Ca-Dao xuất bản. Giá 350đ.

- CHOPIN, nhà thơ của Âm-nhạc
của GUY DE POURTALES, VŨ ĐÌNH LƯU dịch

- ĐƯỜNG THI

của Trường Xuân PHẠM LIỄU

Bốn cuốn sách trên do

LÁ BỐI TỔNG PHÁT HÀNH

đến tại LÁ BỐI mua sách được trừ hoa hồng.

Trăng trên doanh trại

Trại quá rộng. Chu vi tới 17, 18 cây số gì đó; vây bọc cả vùng đồi mênh mông, gần một ngàn nóc nhà làm bằng vật liệu nhẹ, gỗ và tôn, do một đơn vị không kỵ Hoa-kỳ chuyển nhượng lại, trước khi xuống tàu lui về nước. Đất rộng, trại chia thành từng khu riêng biệt.

Quyết ở khu H, tiếp cận với nhà thờ.

Mỗi sáng chủ nhật chuông ngân rộn rã. Tiếng phong cầm của ông linh mục già, tiếng kinh cầu thoát vạt vờ qua mái tôn, lảng lảng trong gió, xao động nhẹ nhàng bầu khí vốn trầm trầm mề mõi, để rồi sau đó, khi tan lễ, ngày chủ nhật tiếp tục trôi qua, rất chậm, rất nặng.

Ông linh mục tuyên úy chỉ tới vào cuối tuần. Thường ngày, nhà thờ rộng thênh thang chỉ một mình Chúa ngự cùng bảy đôi đồng đạo. Bảy đôi lẳng lẽ tựa những cánh lá thắm màu, lao vút trong không hoặc chập choạng lảo đảo đáp đậu đâu đó âm u trong các hốc tối.

Nằm riêng biệt trên đỉnh đồi yên tĩnh, đêm tối, đứng dưới lối mòn trông lên, nhà thờ giống cái hỏa lò khổng lồ; ánh đèn túa ra từ các cửa sổ lung linh màu lửa quái dị, nhất là những đêm nhiều sương mù, ánh đèn chột xanh biếc mê hoặc.

Ông linh mục tin cậy Quyết nên đồng

ý cho mượn chìa khóa để thỉnh thoảng chàng vào đánh đàn phong cầm. Chiếc đàn kê bên trái tòa giảng hơi cũ kỹ nhưng âm thanh chưa rề. Nó vẫn còn có thể xui lòng người thồn thừc trong những khuya mưa muộn với một tấu khúc buồn. Mười ngón tay Quyết dường như còn quá cứng, chưa bay bổng trên hàng phím, nhưng ông linh mục tin chàng có thể khá hơn, như hi vọng ngày nào đó chàng sẽ tin Chúa. Có lần ông nhìn sâu vào mắt Quyết hỏi: Bao giờ con tin Chúa? Chàng mỉm cười: Lạy cha, có lẽ ngày đó con đã chơi thành thạo dạ khúc Sonata của Schubert. Ông tảng lờ, không nghĩ chàng hài hước, bông lơn: Sao con không chơi thánh ca, thánh ca mở đường cho con, hướng dẫn lòng con tới bên Chúa dễ dàng và mạnh hơn? Ông linh mục thật là dễ thương, quá tốt lành với chàng, kẻ ngoan cố chưa chịu tòng Chúa.

Có lẽ chỉ khu vực nhà thờ là có chút hoa cỏ. Thứ hoa dại dọc núi non do vài người lính Mỹ ngoan đạo mang đâu từ các vùng hành quân về cấy xuống, trước kia. Nay đám hoa cỏ ấy lớn dần theo những rặng đồi và chiều tà. Sau những trận mưa, hoa nở rộ: tím tím, vàng vàng, trắng trắng... nom cũng màu sắc ra gì.

Yến tới. Ngơ ngác bước trên những lối đi nện cứng sỏi đỏ. Bước chân nàng rền trong ngực Quyết nổi

vui náo nức, làm mặt chàng ràng sáng vẻ hoan hỉ. Yển nói nàng thương cái gác chuông dựng bằng những thanh gỗ bự trên triền đồi cao, sát vách nhà thờ. Nàng thỉnh lặng ngược mắt chiêm ngưỡng nó 5 phút rồi phát biểu một ý tưởng khá thú vị: Anh ạ! Sau này hoà bình, mình lên Cao nguyên sống, lập vườn và cà phê. Anh làm cho em một gác chuông, mỗi trưa chiều em kéo chuông gọi anh rời nương rẫy về nhà ăn cơm. Thích lắm nhỉ? Con thỉnh hỉ trong lòng Quyết vỗ ồm chuối cười to. Tiếng cười dài tưởng chừng chui lọt ra ngoài mấy lớp kẽm gai phiền muộn, lan tới tận dãy núi thẳm mù phương nam, ở đó đang có những trận thư hùng ngợp lửa.

Theo đà lôi cuốn của cơn vui, Quyết táo bạo lên mở cửa kéo Yển vào đứng trước tòa giải tội. Nàng đứng sau tấm màn lụa màu thiên thanh nghe Quyết khôi hài xưng tội. Thật ra, Quyết uối huyền thuyên, chính chàng cũng không còn nhớ mình nói gì nữa. Yển cười hồn nhiên như trẻ con.

Giữa những hàng ghế trống, Yển quì, mắt sáng ngời lệ nóng ngược lên cùng với môi cười cảm tạ ơn Chúa đã giữ sự sống ở lại với nàng. Nàng không hề thuộc câu kinh nào để đọc. Quyết cúi gập người trên đàn và, tiếng nhạc bay lượn, tán lạc rối loạn nhưng, chàng cảm thấy chưa bao giờ chàng đàn hay đến thế. Sonata với với lòng Schubert hay Alleluia phiêu bồng niềm kính tín Handel? Không rõ nữa.

Những ngón tay ấn xuống nhấc lên và đôi mắt Quyết nhìn sững xuống Yển mơ hồ như mộng. Tiếng đàn duỗi xa niềm thống khổ, nâng hoan lạc lên cao. Cả hai như đóng kịch mà chẳng phải kịch. Ngoài tiếng đàn là niềm im lặng tuyệt vời. Im lặng tựa đêm với ngàn sao trên trời, nghìn năm không hề rung động bởi hàng chuỗi tiếng nổ liên tu trên mặt đất.

Và rồi, tận đáy im lặng cùng thẳm, một lúc nào đó, giọng Quyết vang lên trầm thống từ tòa giảng:

— Hỡi bạn tình ta, này mình đẹp
đẽ thay, đẹp đẽ thay!

Mắt mình trong lúp giống như mắt
bồ câu;

Tóc mình khác nào bầy dê nằm
nơi triền núi Ga-la-át.

Răng mình như thề bầy chiên mới
hót lông.

Từ ao tắm rửa đi lên,

Thấy đều sánh đôi, không một con
nào son sẻ.

Môi mình tợ chỉ hồng,

Miệng mình có duyên thay;

Má mình trong lúp tợ nửa quả
lựu.

Cổ mình như tháp Đa-vít, xây cất
để treo binh khí;

Ngàn cái khiên treo tại đó, là các
cái khiên của tay anh hùng.

Hai nương long mình như cặp con
sanh đôi của hoàng dương

Thả ăn giữa đám hoa huệ.

Ta sẽ đi lên núi một đực,

Đến đôi nhũ hương,

Ở cho đến khi hừng đông ló ra,
Và bóng tối tan đi...

Giữa những hàng ghế trống, Yến
bàng hoàng đứng lên :

— Anh nói làm nhảm gì vậy ?

Quyết cười phá lên :

— Anh vừa đọc vài lời nhã ca của
Sa-lô-môn, một đoạn tuyệt vời nhất
trong Cựu-ước-kinh.

Bất thần, có kẻ nào đẩy cửa bước
vào, hẳn sẽ không hiểu gì hết. Trò
chơi ắt làm Chúa bức mình, nhưng
Chúa bao dung sẽ nhìn nhận tình yêu
long lanh trong mắt đôi trai gái trẻ
tuổi, vừa tìm thấy lại nhau dưới ánh
sáng rực rỡ của người. Quyết nghĩ
thế nên không ngần ngại ôm hôn Yến
ngay dưới chân Chúa.

Yến như vừa mang tới một khí
hậu mới. Thứ khí hậu kỳ diệu đánh
thức loài đại-thử vươn vai ra khỏi
giấc ngủ dài, ủ trệ. Quyết cười vui
như điên và, khi ngậm môi lại, chàng
nhận rõ mùi vị hạnh phúc tê tê đầu
lưỡi.

Không thể trách Quyết vui quá ồn
ào (mặc dù chàng không hề la hét
để tỏ lộ niềm vui tràn bờ) vì, chàng
sẽ buồn khổ biết chừng nào nếu Yến
đã không thể thoát chạy đến đây, và
vĩnh viễn không còn gặp nhau nữa,
đứa con gái mảnh mai tội nghiệp ấy
vừa từ mặt trận phía Bắc trở về.
Trí tưởng nàng còn vằng vất khỏi
lửa địa ngục.

* * *

Gió xuôi chạy từng đợt mỏng trên
mái tôn, luồn qua những dây nhà
gỗ. Gió không đủ sức tạo nên những
tiếng hú, chỉ làm xao xác đám lá cỏ
trên nóc hầm cát, chao dợn, rung
rinh, rùng mình nhẹ. Gió vừa đủ
cho cỏ nững nịu múa.

Dưới ánh trăng bàng bạc, doanh
trại thiếp ngủ, thỉnh thoảng khẽ giật
mình chấn động vì tiếng nổ của
trọng pháo bắn đi. Những viên đạn
xé đêm bay vút, mất tích sau vách
núi đá. Nhiều đêm Quyết nằm lắng
tai cố nghe vọng âm những trái đạn
nổ rền trong núi, nhưng không thể
nghe thấy. Đạn bắn tầm xa.

Yến đưa tay ngắt cọng cỏ cạnh
chỗ hai người ngồi, dưới chân tháp
chuông :

— Buồn quá. Anh ở đây được kể
cũng tài.

Giọng nàng cơ hồ âm chút sương
đêm, mềm và ngọt. Quyết cười nhỏ :

— Riết rồi quen. Hồi mới tới,
anh nghĩ chỗ này là năm mồ vĩ đại
dành cho người sống. Xưa kia, dưới
chỗ mình đang ngồi có hàng ngàn bộ
xương khô.

Yến cào nhẹ ngón tay trở trong
lòng bàn tay Quyết. Cảm giác nhồn
nhột.

— Anh định nhát ma em há ?

— Thật đó. Trước vùng đồi này
là nghĩa địa, dân ở mấy làng dọc
quốc lộ chết đều đem mai táng ở đây.
Quân đội tới, ra lệnh di tản hài cốt
đi nơi khác để lập doanh trại. Vài

chục vài trăm năm sau nữa, hết chiến tranh, vật đổi sao dời, biết đâu chỗ này lại chẳng là một thành phố sầm uất hoặc chìm ngấm xóa trắng thành hoang địa, cây cối trời dẫy thành rừng hoặc biến thành cái gì đó tùy theo liên tưởng mịt mù mình. Đôi lúc nhắm mắt thử tưởng tượng, anh rừng mình trước mệnh mông đời đời của vũ trụ. Con người không ra cái chi cả, sinh ra, cựa quậy rồi chết. Cái tồn tại sau cùng vẫn là đất đá, tro bụi.

Quyết nghe rõ hơi thở bạn phả nhẹ bên cổ.

— Vậy ở đây chắc nhiều ma lắm anh !

— Không có đâu. Đêm nào đại bác cũng bắn, ma nào còn can đảm ở lại.

Quyết đưa tay chỉ vào cột ăng-ten cao vượt trên những mái tôn nhấp nhô :

— Nhiều đêm không ngủ được, anh ra ngồi đây nhìn lên cái cột ăng-ten kia ước được thấy một con ma thiếu nữ xoa tóc đứng hát mà chẳng thấy.

Yến cười tinh nghịch :

— Nếu có con ma thiếu nữ thật, anh dám rủ cô ta vào phòng không ?

Quyết cười thành tiếng :

— Đố em đó ?

— Anh rủ vào là cái chắc. Anh mà ngán ai.

— Em thử tưởng tượng, đêm mưa nằm chèo queo một mình, nghe gió thổi bốn phía rung rinh cả tim, có

một nàng ma đề ru dỗ cũng đỡ lắm chứ. A ! Cái trại này không có ma nhưng nhiều chuột kinh khủng. Bỏ một gói cơm sấy ra ngoài, sớm mai ra hết nhẵn. Có ngày chuột sẽ lấn đất của người mất.

Yến cắn nhẹ vành tai Quyết :

— Có ngày chuột sẽ rình anh ra vắt ngoài núi. Sao không trừ bớt chúng đi.

— Ai hơi đâu đề ý đến chuyện giết chuột. Giặc ngoài núi ngoài rừng ngày nào cũng giết chưa xong. Giặc ủa vô thành phố... À này, thử tưởng tượng giờ em còn kẹt ở Quảng-trị thì sao nhỉ ?

— Đừng nhắc anh. Em sợ !

Yến lắc đầu nhẹ. Cái lắc đầu như một cử chỉ khước từ, xua đuổi ám ảnh, niềm kinh hoàng đã in đậm vào trí tưởng tượng. Đoạn đường máu lửa dài mấy chục cây số, hàng ngàn người chạy đua với thần chết. Chạy như bay trên mặt đường. Chạy như mè qua đồng ruộng, qua hoang vu hai mươi mấy năm dằng co quay điếng, qua xác xơ gãy đổ điêu tàn. Chạy thất lạc nhau, chơi với gào kêu thảm thiết. Chạy soãi chân vượt băng trại hăm địa đạo, đồn cao lũy thấp. Chạy choáng váng trong đêm, hệt hơi dưới nắng lửa, dưới mưa sương buốt lòng lạnh dạ. Chạy quên sông, quên núi, quên cửa nhà, vườn tược ; quên thời tiết, quên mặt trời, mặt trăng, tinh tú trên đầu. Chạy liềng xiềng cẳng náng khi trúng đạn. Chạy lóp ngóp lão đảo hôn mê lúc ngộ mìn chông. Ngã dúi tắt thở. Quần quai thét la... Chạy. Yến đã chạy và đã tới.

Tới Huế. Cỗ chen lấn ra khỏi lòng chiếc xe đồ ngạt cứng. Trí mồi, chân rời, mắt Yến đại hân đi. Nhìn bốn phía người và vật chao múa. Tai lùng bùng không phân biệt được thứ âm thanh nào cả. Những tiếng nổ chát chúa dội đi dội lại trong đầu cơ hồ từng hồi trống giục. Nàng ngồi bệt xuống lề đường trong điệu dáng rũ liệt của một con chó ốm. Mơ hồ gọi tên Quyết và, mơ hồ nghe một hai đứa học trò lú lú ỏm xách theo chân cha mẹ ngoái cổ lui kêu Cô cô... Yến ngo ngác không biết nên cười hay mếu với chúng. Con người mất nơi ăn chốn ở như thú mất rừng, kéo thành đoàn thành lũ lếch thếch lang thang. Đám đông đa dạng nhưng, có những cái mím môi chịu đựng, những khuôn mặt nghiêng cúi thật giống nhau. Mím môi và cúi mặt : thái độ phản kháng hay khuất phục cách miễn cưỡng. Cả hai đều tội nghiệp. 22 năm, lớn lên, đi đứng, cười đùa hát hò, giận tui và, một ngày bỗng thấy mình ngồi bệt xuống lề đường, nhột nhạt, mê mồi. Yến không khóc không cười. Nàng lặng người nghe trống hẫng hoang vu lạ lùng, cảm tưởng mình là kẻ nghèo khó nhất trần gian, đánh mất hết. Vô sản từ tinh thần đến vật chất. Nàng đứng lên, bước đi trí gọi thầm anh ở đâu, Quyết ơi Quyết ơi. Chiếc xác mang theo rơi rớt đâu đó dọc đoạn đường hung bạo. Hai tay không, tóc nắng cháy, mặt mũi bê bết mồ hôi, bụi bặm. Yến đi ngẩn ngơ qua thành phố. Đi như lạc giữa giòng người, xe cộ chảy xiết. Đi quên lũ học trò thân

yêu, quên những bài toán đồ viết lơ dờ trên bảng đen, những viên phấn gãy, những cuốn tập rơi rớt lại cùng đời sống hôm qua hôm kia xa hút bên sau. Hết đi lại đứng. Yến đứng ngo ngẩn ôm mặt khóc ở đầu cầu Trường-tiền và tìm muốn vùng thoát ra khỏi ngực khi nghe tiếng kêu của Quyết.

Trước đó, Quyết thờ thần như bị quỷ đoạt mất hồn. Chàng bỏ hết mọi công việc, lang thang tìm kiếm. Dòm từng khuôn mặt, đợi từng chuyến xe từ Quảng-trị xuôi vào. Yến tựa hạt cát nhỏ khuất bật trong đám đông, biến người lạ mặt khốn khổ, không ngừng giao động ấy. Chàng vô vọng, nhúc nhối mừng tượng nàng lê lét dọc đường hoặc rã tan trên một chuyến xe, ngõ cụt nào đó. Cuộc thiên cư vĩ đại, ào ào xuyên băng quốc lộ 1 lê thê dài hàng trăm cây số. Mỗi lần xĩa mắt soi mói vào đám đông tìm kiếm, là mỗi lần tìm chàng đập mạnh. Nhiều lần trong một ngày, chàng trở về trại nôn nao hỏi người lính gác cổng : Có cô nào dong dỏng cao, tên Yến hỏi tôi không ? Người lính lắc đầu, chàng lại đi và, cứ thế suốt 3 ngày chàng như người chơi với trong một trò chơi nguy hiểm, chàng tựa kẻ hát xiếc đi trên giây.

Em còn sống ! Đó là câu đầu tiên Yến nói với Quyết lúc hai người gặp nhau. Từ phút ấy, đôi mắt ràn rụa lệ của nàng xóa mờ đám đông lao xao chuyển động chung quanh, để chỉ thấy mỗi một khuôn mặt Quyết rực rỡ, bừng sáng...

Lần thứ nhất nàng tìm tới chỗ ở của chàng, sờ mó, chung đụng cái đời sống Quyết thường kể trong những tờ thư dài. Sao không ở nơi nào khác, lại vào cái đồn trại u ám mọi rợ này? Yển thích thế, thích được cuộn mình trong những ràng buộc thân quen của chàng. Và lại chẳng còn nơi chốn nào hơn. Phở xá nhà cửa đóng. Gia đình người di (kẻ thân thuộc độc nhất của nàng ở đây) đã cuốn theo dòng chảy lớn của đám người tị nạn qua đèo Hải-Vân đâu từ hôm qua hôm kia. Lúc Yển và Quyết tới, chỉ thấy một con chó ngồi sau hai cánh cửa sắt ngáp vật.

Quyết quệt diêm châm một điếu thuốc. Đốm lửa yếu soi nửa khuôn mặt dịu dàng của Yển đặt trên ngực chàng.

— Em buồn ngủ à?

— Không, em mệt. Em đang nghĩ tới bà mẹ ở Đà-nẵng giờ này sốt ruột mong em. Đêm nay ngủ lại với anh, em thật liều.

Quyết cúi khoảng cảm đầy râu xuống hôn trán bạn:

— Đừng thêm buồn. Nhắm mắt ngủ và quên hết đi Chó con. Ngày mai anh sẽ tìm đủ mọi cách đưa em về Đà-nẵng.

— Rồi biết bao giờ mới gặp nhau, anh?

Giọng nàng nhỏ nhẹ như văng từ cơn mơ xa xôi nào. Quyết cười. Yển nghe rõ tiếng cười ngắn cụt của chàng dội trong ngực, vừa gần vừa sâu thẳm. Nàng ngửa cổ trông lên cái gác chuông, đón hơi thở ấm áp của bạn.

— Nghe em nói anh cảm tưởng như mình đang đứng dưới bức tường ngăn chia đông và tây Bá-linh.

— Biết đâu đấy. Nhiều người lo Huế sẽ bị cắt.

— Không đến nỗi gì đâu. Dầu chết, anh cũng cố lết về tới Đà-nẵng.

Hai người bỗng rơi vào nỗi buồn bất chợt. Trăng bẽn lẽn trôi qua trời rộng.

— Vào ngủ thôi em, sương xuống nhiều, lạnh.

Quyết dìu Yển đứng lên. Nàng nghịch ngợm nắm sợi dây kéo chuông lắc nhẹ. Tiếng chuông lẻ loi ngân nga giã lá rồi biến mất. Quyết quàng vai bạn bước qua đám hoa cỏ ướt rượt sương tìm lối xuống đồi, vào nhà. Họ vừa đi vừa hôn nhau.

* * *

Hai người vào giường. Đèn vẫn để sáng. Đêm trống trải và thính lặng dị thường. Trọng pháo không "rót" vào núi nữa. Phòng bên cạnh, người lính ôm súng ra tuyến gác từ chập choạng tối, không còn tiếng ngáy quen thuộc của hắn thường bữa. Căn phòng nhỏ, vừa đủ kê một bàn viết, một cái giường. Những bếp đun, bình trà, đồ lọc cà phê, ly tách linh tinh chiếm hết một xó góc. Sách báo quăng ném bừa bãi ở một xó góc khác. Căn phòng nhỏ nhoi, giản dị nhưng nó chính là mơ ước của Quyết nhiều năm trước, lúc còn chun đụt qua núi qua rừng theo chân một đơn vị tác chiến. Lúc đã chán chê đu đưa trên võng cột giữa 2 đầu cây, người ta thường ước

thêm được nằm giường. Xông xáo mệt mỏi, thêm được nghỉ ngơi. Rồi mặt trận về, Quyết biết đời sống vẫn chẳng hơn gì. Đề đòi lấy sự yên thân, tinh thần lắm lúc vật vã qua nhiều cơn vầy hăm, thúc bách khổ nạn. Những vầy hăm thúc bách tới từ kẻ khác, tới từ những xếp đặt cho một tên lính ở phương vị mới. Nhưng hẳn vẫn là một công cụ phục vụ chiến tranh, là cái đinh vít trong guồng máy trối buộc không ngừng quay tới độ chóng mặt, muốn ói mửa. Ngày nào cái đinh vít được thoải mái hoặc què cụt văng ra? Nó không còn bị xiết cứng bởi sức mạnh bất khả chống chẽ, man rợ? Nếu đôi khi buông xuôi cũng là một hành vi khôn ngoan thì, lúc này Quyết đang ở trong cái đôi khi đáng khinh miệt ấy.

— Anh nghĩ gì thế?

Yến với tay lấy điều thuốc Quyết đang ngậm trên môi dụi tắt vào cái gạt tàn đầu giường. Nàng mềm mại, êm ái như một tảng bông gòn ấm nhiệt.

— Mai em đi, chắc anh buồn?

— Ừ! Mai đưa em đi xong, anh xuống trại quân-y tái khám. Biết sao không? Thằng cha bác-sĩ bắt anh uống thuốc ngủ mỗi đêm và dặn cấm nghĩ tới đàn bà.

Quyết cười, mắt ánh vẻ điệu cợt. Yến rúc đầu vào nách bạn.

— Chỗ cắt bao giờ mới lành, anh?

— Chậm nhất là tuần tới.

Yến xoa chiếc cằm đầy râu của

Quyết, tình nghịch:

— Nếu anh không còn đau, đêm nay chắc em «chết» với anh.

Quyết phì cười:

— Bậy nà. Minh phải ráng nhịn cho tới ngày đó.

— Ngày nào, anh?

— Hòa bình. ở Cao nguyên, sau khi anh làm cho em một cái gác chuông.

Yến khẽ dướn người chớp mắt nhìn vào mắt Quyết âu yếm:

— Hứa thì nhớ lấy đó, em sợ sớm mai anh vấp phải một cục đá là quên ngay.

Quyết vỗ vỗ lưng bạn, dỗ dành:

— Bậy nà. Thôi ngủ đi Chó con.

Yến ngoan ngoãn mỉm cười nhắm mắt lại.

Nếu anh không còn đau, đêm nay chắc em «chết» với anh. Không dưng Quyết nhớ tới ông bạn bác-sĩ quân-y. Hẳn bật cười nửa điều cợt nửa thích thú khi chàng tới phòng Tiều-giải-phẫu do hẳn trông coi và tỏ ý muốn leo lên bàn mổ.

Lần đầu tiên nằm lên chiếc bàn dài có một lỗ thủng ở giữa cho 2 cái móng lột xuống ấy, chàng ngượng chín người. Cuộc giải phẫu nhẹ, chóng vánh, diễn ra trong vòng 15 phút; khỏi cần đánh thuốc mê. Lúc nằm yên đề ông bạn bác sĩ cắt bỏ bớt một rẻo da thịt dư trên cơ thể, chàng đã mỉm cười, sung sướng nghĩ mình đã đi tới cái quyết định cuối, sau nhiều

ngày do dự, vì cái tính vừa lười vừa sợ không khí ngọt ngào của những chốn nhà thương, bệnh xá.

Việc cắt bỏ chẳng có gì là ghê gớm như chàng tưởng. Đáng lẽ chàng phải đến nhà thương sớm hơn, hồi còn 11 12 tuổi cơ. Đợi 26 tuổi mới vác xác tới không trách ông bạn bác sĩ nọ bật cười, thích thú chế diễu.

Nói trắng ra, buồn cười hết sức: Chàng cắt da qui đầu (phymosis). Việc làm mà theo tục lệ Do-thái, mọi thanh thiếu niên tới tuổi nào đó đều phải tới gặp mấy ông bác sĩ giải phẫu (hình như có cử hành lễ lạc hẳn hoi?) như để làm tròn bổn phận công dân, làm tròn một phần vụ có tính cách thông thường. Không biết bây giờ Do-thái còn giữ tục lệ cổ truyền ấy không? Hay sau các cuộc ruồng bỏ dã man của bọn Đức Quốc-xã hồi thế chiến đã hủy bỏ, xóa mất dấu nét cá biệt, độc đáo của một dân tộc?

Yến ngủ muối. Đầu kê trên cánh tay chàng. Quyết nghĩ thấy mùi nắng ngai ngái trên mớ tóc lòa xòa của

nàng. Hình như ngoài mùi nắng còn có mùi thuốc súng, mùi kinh hoàng của đoạn đường dài nàng vượt qua.

Sau vầng trán mịn màng nàng có hình ảnh ghê khiếp nào đang vực dậy không? Có chiếc xe nào trúng mìn ngã đổ? Có khúc tay khúc chân nào bay ngù ngờ tìm chỗ đậu? Có hàng chuỗi khóc lóc thét la? Không, không có móng vuốt của cơn ác mộng nào vờn bắt nàng đêm nay, vì có chàng bên cạnh. Quyết tin Yến đang mơ thấy ngày hòa bình, thấy căn nhà lộng gió trên đồi cao, có chàng đưa tay vẫy gọi giữa vườn trà xanh ngát và cái gác chuông đề hôm sớm nàng rung gọi chàng về.

Quyết tắt đèn. Trong bóng tối, chàng ôm gọn bạn vào lòng. Căn nhà gỗ chột rung chuyển từng hồi vì từng loạt bom dội xa mãi sau dãy núi phương nam.

Trăng trôi xuống quá mái nhà, ghé mắt vào cửa sổ nhìn trộm hai người.

MUỖNG-MÁN

Giạ Lê 8-72

Gần hết, chỉ sau một tháng phát hành:

CHUYỆN HAI NGƯỜI

truyện của HOÀNG NGỌC TUẤN

AN TIÊM xuất bản — ĐỒNG NAI phát hành

Thời sự thế giới

Các sự-kiện quốc-tế quan trọng được nhiều người chú ý tới trong tháng 11 vừa qua trước hết là chính sách đối ngoại của Hoa-kỳ sau khi Tổng-Thống Richard Nixon tái đắc cử Tổng-Thống.

Chính sách đối ngoại của Mỹ đã có ảnh hưởng tới nền an ninh Âu Châu qua hội-ngị qui tụ 33 quốc-gia Âu-Châu và Bắc Mỹ tại thủ đô Phần-lan, Helsinki, đề bàn về một thỏa-hiệp giữa hai khối Minh-ước Bắc Đại-tây-dương và Minh-ước Varsovie.

Sau cùng là cuộc bầu cử Quốc-hội tại Tây-Đức: Ông Willy Brandt Thủ-tướng nước này đã đưa đảng ông tới thắng lợi lớn khiến ông có thể ngồi lại chính quyền thêm 3 năm nữa để tiếp tục chính-sách hòa dịu tại Âu-Châu giữa hai khối Cộng sản và Tự bản.

Chính sách đối ngoại Hoa-kỳ vào thời kỳ hậu bầu-cử.

Ngày 7 - 11 vừa qua dân chúng Hoa-kỳ đã đông đảo dồn phiếu cho ông Nixon để cho phép ông ở lại ghế Tổng-Thống thêm một nhiệm kỳ nữa. Từ nay không phải lo nghĩ về việc kiểm phiếu cử tri ông Nixon được rảnh tay để hoạt động theo ý muốn của riêng ông. Chính-sách đối-ngoại được ông Nixon chú trọng tới nhiều nhất; ông muốn dùng những thành quả ngoại-giao để che dấu những thất bại hay ít nhất những khó khăn về mặt đối nội. Những khó khăn trong nước như nạn thất nghiệp, nạn lạm phát, cán cân chi-phó thất quân-bình, là

những khủng-hoảng thuộc về cơ-cấu của xã-hội Mỹ, không những ông Nixon mà bất cứ một vị Tổng-Thống nào, dù tài ba đến đâu cũng không giải-quyết được nổi trong khoảng 4 năm ngắn ngủi, trong khi đó chính-sách đối ngoại sẽ cho phép ông Nixon thành công dễ dàng hơn.

Vì vậy mà ngay khi tái đắc cử, ông Nixon đã phái tướng Alexander Haig sang Saigon để chuẩn bị hội-đàm với phe Cộng-sản Bắc-Việt hầu tìm cách chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam. Sau đó ông Kissinger đã sang Paris để họp lu bù với Lê-Đức-Thọ. Sau 6 phiên họp cả hai bên đều đồng ý hoãn họp 9 hôm cho tới 4 - 12 tới sẽ tái nhóm. Người ta có cảm tưởng rằng tuy các cuộc mật đàm còn bế tắc nhưng hòa-bình ở Việt-Nam chỉ còn là một vấn-đề thời gian. Vì vậy mà ông Nixon đã vội vàng quay về phía Trung Đông. Nếu trong nhiệm-kỳ Tổng-Thống đầu, ông Nixon đã dồn mọi nỗ-lực để dàn xếp vấn-đề Việt-Nam thì trong nhiệm-kỳ thứ 2 ông sẽ cố gắng giải-quyết vấn đề tranh chấp giữa Do-Thái và Ả-Rập, một cuộc tranh chấp đã kéo dài gần 1/4 thế-kỷ.

Sau vấn đề Trung-Đông, ông Nixon sẽ chú trọng tới vấn-đề Âu-châu để cùng một lúc xiết chặt giây liên lạc giữa Hoa-kỳ và lục địa này và đồng thời giảm bớt mức can thiệp của Hoa-kỳ trong lãnh vực quân sự. Gay go nhất có lẽ là bang giao với hai nước Nga-sô và Trung-Cộng. Tuy chưa muốn thiết lập ngoại giao với Bắc-

kinh nhưng ông Nixon muốn tăng cường gây liên lạc kinh-tế giữa Hoa-kỳ và Bắc-kinh. Đối với Nga thì vấn đề tương đối dễ dàng hơn vì Nga càng ngày càng cần đến tư-bản của Hoa-kỳ và giữa hai nước đã có liên lạc ngoại giao ở cấp bậc đại-sứ rồi.

Trong khi chờ đợi đưa ra những sáng-kiến đại qui mô, ông Nixon đang tìm cách cải tổ guồng máy ngoại giao của Mỹ. Vì ông William Rogers hơi «yếu» trong 4 năm vừa qua nên ông Nixon có ý định cử ông John Connally, làm Ngoại trưởng để chỉ đạo một chính sách đối-ngoại mới. Ông Connally, cựu Bộ trưởng Tài-chánh, không những có công trong việc cứu vãn Hoa-kỳ khỏi cuộc khủng hoảng đồng Mỹ-kim năm ngoái, mà lại là một đảng viên Dân-chủ đứng lên tổ chức một phong trào lôi cuốn các cử-tri Dân-chủ đi theo ông Nixon.

Nhưng sự hiện-diện của ông Connally tại Bộ Ngoại-giao có nghĩa là sự ra đi của ông Kissinger. Từ 4 năm qua, ông Kissinger đã dấn chân lên Bộ Ngoại-giao rất nhiều và ông Connally sẽ không chấp nhận điều đó. Tổng-thống Nixon sẽ phải lựa chọn giữa 2 ông : Kissinger và Connally.

Kết quả sau cùng là Rogers vẫn ở lại Bộ Ngoại-giao còn Connally sẽ giúp Nixon với tư cách Đặc sứ về kinh tài quốc tế.

Bầu cử tại Tây-Đức

Cuộc bầu cử Quốc-hội tại Tây-Đức vừa qua đã tạo cho ông Willy Brandt một uy tín mới và một đa số vững vàng.

Người ta nhớ rằng năm 1969, khi

lên nắm chính quyền, đảng Dân-chủ Xã-hội của ông Brandt đã kết hợp với một đảng Tự-do bé nhỏ để có một đa số mỏng manh là hai phiếu tại Quốc-hội và đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo, tuy bị loại khỏi chính quyền, nhưng vẫn còn là một đảng có nhiều ghế nhất tại Quốc hội.

Cuộc bầu cử vừa qua đã thay đổi hẳn tình trạng này. Đảng Dân-chủ Xã-hội lần đầu tiên, trong lịch sử Tây Đức, đã trở thành đảng thứ nhất trong nước với 45,9% số thăm.

Không những ông Willy Brandt đã đưa đảng của ông tới thắng lợi mà ông còn giúp cho cả Đảng Tự-do thu lượm được những kết quả khả quan mà đảng này chưa hề đạt tới. (1) Dân chúng bỏ phiếu cho đảng Tự Do đã nói lên ý muốn duy trì sự liên hiệp giữa hai đảng Dân-chủ Xã-hội và Tự-do.

Ông Willy Brandt đã ra trước cử tri với nhãn hiệu là con người của hòa-bình. Giải thưởng Nobel về Hòa bình mà ông đã được tặng năm ngoái, hai thỏa-ước ký với Nga và Ba-lan, sau cùng thỏa ước sắp sửa ký với Đông Đức để bình-thường hóa bang giao giữa hai miền đã khiến cho ông Willy Brandt giờ đây trở thành một con người thực hiện hòa giải Âu-châu và đang tiến tới thống nhất lãnh thổ mà không bị phe Cộng-sản lật lọng.

Trong khi đó các ông Barzel và Strauss, lãnh tụ đảng Dân-chủ Thiên-

(1) Đảng Tự-do được 8,4% số thăm. Đảng Dân chủ T.C.G. được 44,8% số thăm.

Chúa-giao, bị coi là những thành phần hiếu chiến, chủ trương phục thù cho cuộc bại trận năm 1945. Với sự suy yếu của đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo, người ta tin rằng ông Brandt trong nhiệm-kỳ mới sẽ được rảnh tay để hoạt động ngoại-giao theo ý ông muốn. Mục-tiêu chính của ông Brandt là biến Tây Đức thành một nhịp cầu giữa hai khối Cộng-sản và Tư-bản thù nghịch. Trong việc hòa giải một Âu-châu chia rẽ ông Brandt hy vọng Tây-Đức sẽ đóng một vai trò xứng đáng với lịch-sử của nước này.

Hội-nghị an-ninh Âu-châu tại Helsinki

Bảo-đảm an-ninh Âu-châu và giải tỏa tình trạng căng thẳng giữa hai vùng Tây-Âu tư-bản và Đông-Âu cộng-sản là mục tiêu mà hai ông Nixon và Brandt đều mong muốn đi tới.

Trong những năm qua sự sống chung hòa-bình giữa hai khối Tư-bản và Cộng-sản đã đi xa đến nỗi cả hai bên, người ta đều muốn tài binh, giải tán các liên-minh quân sự, như các Minh-ước Bắc Đại-tây-dương và

Varsovie.

Nga-sô đã nhiều lần đòi triệu tập một hội-nghị an-ninh Âu-châu để hai khối thảo-luận việc giảm thiểu các nỗ lực chiến-tranh và phòng thủ trên lục-địa này.

Sau 2 năm thận trọng thăm dò, một hội-nghị sơ khởi quy-tụ Âu-châu và Bắc Mỹ đã nhóm họp tại thủ đô Phần-lan Helsinki.

Nhưng trong hội-nghị sơ khởi này mục-tiêu của hai phe Cộng-sản và Tư-bản tỏ ra rất khác biệt nhau. Trong khi Nga và chư hầu muốn dùng Hội-nghị này để tuyên truyền thì phe Mỹ và các đồng-minh Âu-châu lại muốn ấn định một lịch-trình các công-tác và các hội-nghị để đi tới một hội-nghị an-ninh thật sự. Hoa-kỳ đã nhấn mạnh nguyên-tắc « Bất khả xâm phạm của biên giới Âu-châu » để chống lại thuyết « Chủ-quyền giới-hạn » của ông Brejnev. Trước những mâu thuẫn này hội-nghị Helsinki chưa chắc sẽ đem lại một kết quả cụ thể nào.

TỪ MINH

PHÂN ƯU

Được tin Cụ NGUYỄN VĂN DƯỠNG nhạc phụ Bạn Trần-Hoài-Thư đã thất lạc ngày 15-11-1972 tại Cần Thơ.

Xin thành thật chia buồn cùng Anh Chị Trần Hoài Thư và tang quyến và xin cầu nguyện linh hồn Cụ sớm về nơi an nghỉ đời đời.

Vũ Hữu Định — Trần Kiên Thảo — Trần Mộng Hoàng — Hạc Thành Hoa — Lê Ngộ Châu

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Xem tiểu thuyết Pháp ở Sài - gòn

Trung tâm Văn hóa Pháp tại Saigon bảo có triển lãm về tiểu-thuyết Pháp hiện đại, từ 1945 về sau. Đến xem thì không thấy tiểu thuyết đâu ; chỉ thấy toàn tiểu-thuyết-gia (Tất nhiên, tiểu-thuyết-gia cũng chỉ thấy bóng mà chẳng thấy người).

Nói cho đúng, về các tác phẩm cũng có năm ba tấm hình chụp những bla sách và trang sách. Những trang sách đã được chọn lựa để chụp hình như thế phải là những trang đặc biệt, xuất sắc. Vì vậy phàm nhân tục tử ghé mắt vào thấy cả một sự hãi hùng.

Chẳng hạn các trang trích ở *Les Troyens* của Jean Pierre Faye, và *Compact* của Maurice Roche. Trang «tiểu thuyết» *Les Troyens* xếp chữ xiên xẹo ngược xuôi như một trận đồ bát quái, và được cho biết rằng các tay phiêu lưu có một nghìn cách «vào trận». Tha hồ : đọc ngược đọc xuôi, đọc lên đọc xuống, đọc cách nào cũng ra những câu... vô nghĩa.

Tiểu thuyết «cơ cấu» theo lối Maurice Roche mà phát triển hơi mạnh một chút ở Sài-gòn thì anh em thợ xếp chữ và làm bản kẽm hẳn được phát tài.

Tiểu thuyết ở đó đây.

Nghe nói các tác phẩm sau đây đang được kê là ăn khách :

Cuốn *L'Odore del fieno*, ăn khách ở Ý. Đó là một tập truyện ngắn của Giorgio Bassani.

Cuốn *Museums and Women and other stories*, ăn khách ở Hoa-kỳ. Đó là một tập truyện ngắn của John Updike, nhà văn 41 tuổi, được liệt vào hạng sáng giá nhất.

Cuốn *L'incroyable et triste histoire de la candide Erendira et de sa grande mère*, cũng là một tập truyện ngắn nữa của Gabriel Garcia Marquez, đang được độc giả Argentine hâm mộ hết mình.

Ba tác phẩm vừa kể đều là truyện ngắn : sự trùng hợp ấy có được chút ý nghĩa nào chăng ? Ý nghĩa về một cuộc vùng dậy của truyện ngắn. Nhớ lại trước đây có đạo người ta đã cho rằng truyện ngắn đến hồi mặt vắn.

Chuyện nghỉ ngơi của tiểu-thuyết-gia

Arthur Koestler, tác giả cuốn *Đêm hay ngày (Le zéro et l'infini)* đã được dịch ra Việt-ngữ từ lâu, viết một mạch nhiều cuốn truyện danh tiếng, rồi sau đó nghỉ luôn một mạch. Không phải ông nghỉ viết hẳn, nhưng ít ra ông đã nghỉ sáng tác đề chuyên vào việc khảo cứu.

Người ta đã tưởng cụ đứt khoát bỏ nghề viết truyện. Không ngờ, hai mươi một năm sau ông lại phóng ra một cuốn truyện : cuốn *The call girls*.

Yasunari Kawabata thì không có được cuộc nghỉ ngơi dài hạn như A. Koestler. Nhưng từ sau 16-4-1972 thì ai nấy biết chắc là ông «nghỉ» hẳn, nghỉ tất cả các công việc, không sáng tác, mà cũng không khảo cứu gì ráo.

Tuy vậy, nửa năm sau khi ông yên nghỉ, một cuốn truyện của ông vừa ra mắt độc giả tiếng Mỹ : *The master of Go*.

Văn chương hí-pi yêu đời

Trong các tác phẩm (giá trị ?) được tuần báo *L'Express* giới thiệu trên đây, có cuốn của Alain Chany đáng chú ý.

Tác giả là một thanh niên khá lâu đời : bỏ học sớm, viết văn kiểu tài tử.

Năm nay vừa hăm sáu tuổi, chàng cho ra cuốn truyện đầu tay, dày non 140 trang : *L'ordre de dispersion*.

Chuyện tình cảm nhẹ nhàng, văn cũng nhẹ nhàng dí dỏm ; ý tứ có chỗ táo bạo, ngộ ngáo, tân kỳ, có chỗ rất ư thi vị. Không khí thanh thản, khơi khơi, bất cần xu hướng triết lí nào...

Người ta bảo rằng đó chính là đặc điểm của một chiều hướng mới trong tiểu thuyết giới trẻ hôm nay tại Pháp, tức xu hướng lãng mạn hí-pi yêu đời (romantisme rose hippie), hay tân-lãng-mạn (néo-romantisme).

Giọng nhà tướng

Nhân chuyện giải thưởng văn chương, người ta còn nhớ từ năm 1957 đến nay, gần như năm nào André Malraux cũng được nhắc đến vào mỗi dịp chọn giải Nobel, nhưng rốt cuộc năm nào Malraux cũng hụt.

Dư luận văn giới Pháp thắc mắc. Vừa rồi Jean Mauriac thuật lại một lời giải thích của De Gaulle : Vì A.

Malraux theo De Gaulle cho nên trật giải Nobel. Số là Mỹ không ưa De Gaulle, mà Mỹ lại thao túng giải Nobel (?) thì làm sao Malraux trúng được ?

Có người lại thắc mắc : Thế François Mauriac cũng theo De Gaulle, sao được giải Nobel ?

Vẫn tướng De Gaulle : Hồi đó người ta chưa biết, cứ tưởng F. Mauriac thuộc phong trào M.R.P.

Giọng nhà văn

André Malraux về già nhìn lại tác phẩm của mình có giọng nhận định thật khiêm nhường. Ông cho rằng các cuốn tiểu thuyết của ông bây giờ không còn ai buồn đọc nữa. Đó chẳng qua là những cuốn phóng sự. Cuốn « *La Condition humaine* » chẳng hạn, có ai đọc nữa đâu ?

Từ đánh cá văn chương...

Ngày 20-11 mỗi năm, các giải thưởng lớn về văn chương ở Pháp thường công bố kết quả. Năm nay, trước đó một tuần lễ, 4 nhà phê bình của tuần báo *L'Express* thử bỏ phiếu đề chọn giùm cho các hội đồng giám khảo.

L'Express đi tới kết quả như sau :

— Giải Goncourt, có thể cấp cho cuốn *Les boulevards de ceinture* của Patrick Modiano ;

— Giải Renaudot, có thể cấp cho cuốn *L'insolation* của Rachid Boudjedra ;

— Giải Femina, cho cuốn *Cinéroman* của Roger Grenier ;

— Giải Médicis, cho cuốn, *L'ordre de dispersion* của Alain Chany ;

— Giải Interallié, cho cuốn *Des Vols de Vanessa* của Georges Walter.

Nhóm tổ chức cuộc chọn lựa này cam đoan rằng đây chỉ là cơ hội để giới thiệu những tác phẩm giá trị (chứ không phải là chuyện tạo áp lực dư luận, hay là chuyện đánh cá văn chương).

... đến kết quả thực

Tuy nhiên kết quả thực đã không đúng như kết quả lựa chọn của các nhà phê bình trong tuần báo L'Express

— Giải Goncourt đã được cấp cho cuốn « *L'épervier de Maheux* » của Jean Carrière, 40 tuổi, môn đệ của nhà văn Jean Giono. Tác phẩm trúng giải kể lại một gia đình như đã được định mệnh an bài để chết dần trong khung cảnh hoang dã của miền cao nguyên Cévenol,

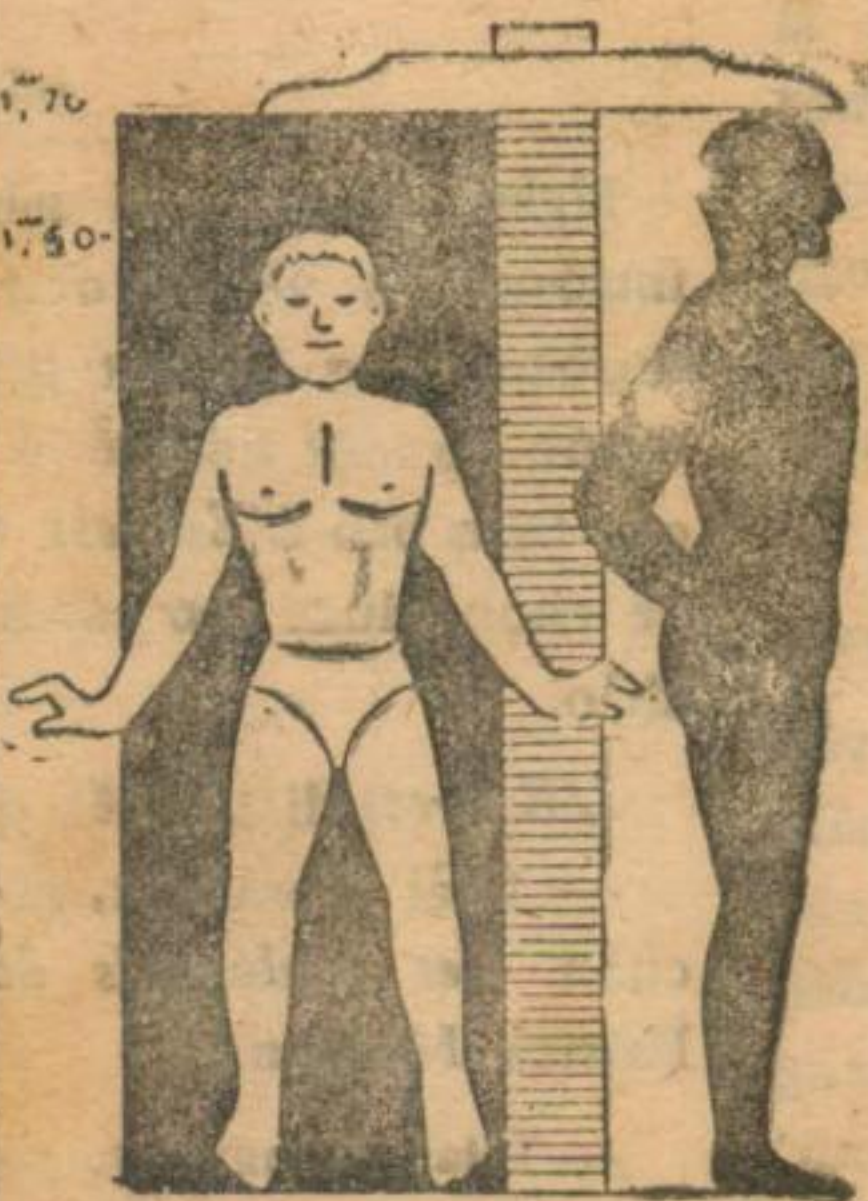
— Giải Renaudot đã được cấp cho cuốn « *La nuit américaine* » của Christopher Franck, 30 tuổi, cha là Anh, mẹ Pháp, tác phẩm kể lại cuộc tình giữa một nhiếp ảnh viên và một minh tinh màn bạc.

Các giải khác chưa rõ.

TRÀNG THIÊN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C D_PP_B2_B6_B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

Sách Thiếu Nhi

Chúng tôi đã nhận được của các nhà xuất bản MINH ĐĂNG và TUỔI HOA những truyện sau đây, dành cho các em nhỏ và tuổi mới lớn :

— Lửa dậy trời xuân của Minh Quân do Minh Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in lần thứ 2, nội dung lôi cuốn và rất hợp với tuổi xanh bìa trình bày rất đẹp, dày 150 trang. Giá 130đ.

— Từ một buổi chiều của Nguyễn sỹ Nguyên, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang, thuộc loại hoa xanh. Giá 80đ

— Trên đồi cỏ của Linh Vũ, dày 145 trang, thuộc loại hoa đỏ, (phiêu lưu, mạo hiểm, trinh thám). Giá 90đ.

— Anh hùng sơn cước của Thùy Hương, dày 156 trang, thuộc loại hoa đỏ, cuốn thứ 4 của tác giả trong tủ sách Tuổi Hoa. Giá 90đ.

— Cánh gió của Kim Hải, dày 130 trang, thuộc loại hoa tím (16-18). Giá 120đ.

— Rong biển của Hoài Mỹ, dày 112 trang, thuộc loại Hoa tím. Giá 120đ.

— Chân dung hạnh phúc của Thùy An, dày 138 trang, thuộc loại Hoa tím. Giá 120đ

— Đất nghịch của Nam Quân, cuốn thứ 7 của tác giả, dày 202 trang thuộc loại hoa tím. Giá 140đ.

Các sách trên đây, bìa đều do họa sĩ Vi Vi vẽ rất rất đẹp, do những cây bút chuyên viết cho thiếu nhi sáng tác.

SÁCH MỚI

— Tân-Toán-học, một bước tiến của giáo-dục của Đoàn Nhật Tấn, do

Nữ-Oa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm 2 phần chính: Đại cương (Tân-Toán-học ở nước ngoài và ở nước ta); Cách dạy Toán Tiểu-học theo tinh-thần mới. Sách viết rất rõ ràng, dễ hiểu, chỉ dẫn cách dạy Toán theo tinh thần mới tại các lớp tiểu-học ở nước ta. Giá 350đ

— Những ngày cạn sữa tập truyện của Minh Quân do Trí Đăng xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 190 trang, gồm 8 truyện ngắn trong đó «Những ngày cạn sữa» là truyện đã được giải nhất do Bút Việt tổ chức năm 1965. Những truyện ngắn rất sống và cảm động. Giá 260đ

— Những đóa hoa xuân nguyên tác «Little Women» của Louisa M. Alcott, bản dịch của Nguyễn, do Hoa Niên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 254 trang, khổ 12,5 × 18,5, chữ lớn, in đẹp, với nhiều hình ảnh. Bản đặc biệt. Giá 260đ.

Ngọc châu đảo nguyên tác «The Blue Lagoon» của H. De Vere Stacpoole bản dịch của Võ Hồng Diệp, do Hoa Niên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 170 trang, chữ lớn, in đẹp, với nhiều hình ảnh. Giá 200đ

— Thơ Đạm Như tập thơ của Đạm Như do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 32 trang gồm 28 bài thơ. Giá 50 đ

— Nói từ ước vọng tập thơ của Viễn Tống do tác giả ấn hành và gửi tặng gồm ngót hai chục bài thơ, trình bày trang nhã.

— Ý tưởng tập thơ của Xuân Hữu do Nhập Cuộc xuất bản và gửi tặng, gồm 19 bài thơ lấy tên từ Ý tưởng 1 đến Ý tưởng 19, in trên giấy trắng dày.

HỢP THƯ

— *Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :*

Lô Hà (thơ), Vũ Hưng Thanh (thơ) Nguyễn Thiếu Dũng (Trường hợp Linh Nam Dật Sử), Hoàng Ngọc Hiền (Chốn địa đầu quê hương), Trần Quốc Hưng (Ăn quà sở thú), Đinh Vô Danh (thơ), Phương Hoa Sử (thơ) Lê Thanh Hoa (thơ), Diệp Hồng Phương (thơ), Từ Hoài Tấn (Vĩnh biệt rừng), Hà Huyền Hoa (thơ), Nguyễn thị Bạch Tuyết (thơ), Huỳnh Minh Lệ (thơ), Phan Phụng Thạch (thơ), Phạm Thanh Chương (thơ), Cao Trương Huy (thơ), Hoàng Chu Ân (Sau lưng ; Không khá được), Hoài Mạc Thanh (thơ), Trần Lưu An (thơ), Hoàng Hà (thơ), Nguyễn Ngoan (thơ ; Thoáng mưa qua); Thương Hoàng (thơ), Nguyễn Nhật Ánh (thơ) Nguyễn Thảo (thơ), Lý Thiện Ngộ (thơ), Nguyễn Thị Hiền (thơ), Trần Dạ Lữ (thơ), Nguyễn Miên Thương (thơ), Bản Lãng (Nỗi-niềm-ba-mười-tuổi), Lan Huệ Em (thơ), Y Lâm (thơ), Trần Viêt Cung (thơ), Vũ Hoàng Giang (thơ), Thủy Triều (thơ) Nguyễn Gia Tường (thơ), Trầm Dao (thơ), Thiên Chi (thơ), Đại thị Phú Đức (thơ), Trần Tường Trình (thơ Còn nghe chim hót), Phan Tam Khôi (thơ), Nghiêm Dũng (thơ; Cuối trời), Lê Sa (thơ), Trần Văn Chánh (Đạo Thiên Chúa vào V.N), Hoàng Thế Hiệp (thơ) Trần Thuật Ngữ (thơ), Từ Chương (thơ), Trần Vạn Giã (thơ), Tiêu Chi Tước (thơ), Nguyễn Văn Viện (thơ), Nguyễn Nghĩa (thơ), Hòa Long (thơ), Phan Tam Khôi (thơ), Chuyết Muội (Vào cuối mùa

phiêu bạt), Lê-Yên-Linh-Phương (thơ). Võ Văn Lê (thơ), Huỳnh Văn Dung (thơ), Quy Thao (thơ), Trần Nhật Khánh (thơ), Uyên Hà (thơ).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hợp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thực và ghi lại cho địa-chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

— *Cùng quý bạn gửi bài về Số Tết và Số Kỷ niệm 16 năm Bách-Khoa*

Năm nay Bách Khoa sẽ ra Số Kỷ niệm 16 năm vào ngày 15-1-1973 như thường lệ. Số này cũng sẽ là số Tết Quý Sửu. Vậy quý bạn gửi bài về số Tết xin gửi cho Ban Chủ trương Bách-Khoa trước ngày 15-12-72. Xin cảm ơn quý bạn.

Ban Chủ trương Bách-Khoa

— *Anh Võ Văn Lê.* Xin anh cho biết địa-chỉ của anh còn ở K.B.C cũ không. Sẽ đăng « Khi em về » vào kỳ tới.

— *Anh Trần Châu Kỳ.* Xin ghi lại cho địa chỉ rõ ràng hơn. Sẽ đăng những bài 4 câu trong số tới.

— *Những bài sẽ đăng trên những số tới.* Bài thơ làm khi say rượu (P. P.T.) Mùa trăng, Chim biển, Hoa quì (Đ.N.) Gửi thầy học cũ (P.T.C.). Trên giòng sông sả mù (P.N.H.) Thu điệu... (N.Đ.N.) Ngoảnh mặt (L.H.). Những bài trên đây, bài nào quý bạn đã gửi cho báo khác xin vui lòng cho biết ngay.

— *Phạm Cao Hoàng nhắn tin :* Bạn bè khắp nơi, từ nay xin các bạn vui lòng liên lạc với tôi ở địa chỉ: 32, *Tăng Bạt Hổ — Đà Lạt.*

● Xin quý bạn ghi ngày tháng năm cùng con số liên tiếp thích hợp vào khung trống ở ngoài bìa và trên phần Mục lục, để sau này tiện tra cứu.